

CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM
CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC

BÁO CÁO
ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
TRẠI HEO GIỐNG ÔNG BÀ QUY MÔ 1.200 CON HEO NÁI VÀ
100 CON HEO NỌC

Địa điểm: ấp Cần Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

Bình Phước, tháng 11 năm 2024

CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM
CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC

BÁO CÁO
ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
TRẠI HEO GIỐNG ÔNG BÀ QUY MÔ 1.200 CON HEO NÁI VÀ
100 CON HEO NQC

Địa điểm: ấp Cần Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY TNHH JAPFA
COMFEED VIỆT NAM
CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC



Nguyễn Chí Công

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
TRUNG TÂM QUAN TRẮC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Bùi Dương Vương

Bình Phước, tháng 10 năm 2024

MỤC LỤC

1. Tên chủ cơ sở.....	6
2. Tên cơ sở	6
2.2 Quy mô cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):	7
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất	7
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	7
3.2. Công nghệ sản xuất của trại.....	7
3.3. Sản phẩm của trại	10
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, cấp nước của trại	10
4.1. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu sử dụng	10
4.2. Nhu cầu sử dụng điện	11
4.3. Nhu cầu sử dụng nước	12
5. Các thông tin khác liên quan đến trại	17
5.2. Các hạng mục công trình đã xây dựng	19
5.3 Các máy móc thiết bị phục vụ trang trại	21
5.4 Các thông tin khác	21
CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG	23
CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	23
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.	23
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	24
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP	25
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	25
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	25
1.2. Biện pháp thu gom, thoát nước thải	26
1.3. Công trình xử lý nước thải:	27
1.3.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt.....	28
1.3.2. Công trình xử lý nước thải.....	28
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	38
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	42
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	44
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	47
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	47

7. Các nội dung thay đổi so với Báo cáo hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (không có).....	58
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	59
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	59
1.1. Nguồn phát sinh nước thải	59
1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:.....	59
B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI	60
1.3. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):	60
1.4. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Cơ sở đã hoàn thành vận hành thử nghiệm theo quy định hiện hành.	61
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	62
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	62
4. Nội dung cấp phép quản lý chất thải	63
4. Nội dung cấp phép chất thải rắn.....	63
4.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên	63
4.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh	64
4.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.....	64
4.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:.....	65_Toc181717066
5. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:	66
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	67
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải	67
1.1. Kết quả quan trắc môi trường nước thải năm 2022:	67
1.2 Kết quả quan môi trường nước thải năm 2023.....	69
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải (không có)	71
CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	72
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	72
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.	72
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	72
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải: không có.....	72

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở: không có	72
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	72
CHƯƠNG VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA	74
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	74
CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	75
1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường	75
2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan	75

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. 1 Nhu cầu thức ăn cung cấp cho trại heo	10
Bảng 1. 2: Nhu cầu sử dụng vaccin.....	11
Bảng 1. 3: Nhu cầu sử dụng thuốc sát trùng và hóa chất	11
Bảng 1. 4 Nhu cầu sử dụng điện của trang trại năm 2024	12
Bảng 1. 5: Bảng cân bằng nước của dự án	15
Bảng 1. 6. Tọa độ góc ranh của dự án.....	18
Bảng 1. 7 Hạng mục các công trình của trang trại	19
Bảng 1. 8 Tổng hợp máy móc thiết bị phục vụ trang trại	21
Bảng 3. 1. Thông số kỹ thuật, các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải	35
Bảng 3. 2. Danh mục các hạng mục, thiết bị lắp đặt cho HTXL nước thải	36
Bảng 3. 3 Thiết bị sử dụng trong hệ thống xử lý khí thải lò đốt	40
Bảng 3. 4: Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường	43
Bảng 3. 5: Danh sách chất thải nguy hại	45
Bảng 4. 1. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải của dự án.....	62
Bảng 5. 1. Thống kê giá trị quan trắc nước thải.....	68
Bảng 5. 2. Thống kê giá trị quan trắc nước thải.....	70

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. 1. Sơ đồ vị trí khu vực Dự án	19
Hình 1. 2: Sơ đồ tổ chức trang trại	22
Hình 3. 1. Cấu tạo bể tự hoại 03 ngăn	28
Hình 3. 2. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung.....	31
Hình 3. 3. Sơ đồ công nghệ xử lý khí thải lò đốt.....	39
Hình 3. 4: Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ	53

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên công ty: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước.

- Cơ quan chủ quản: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam

- Loại hình cơ sở: Công ty trách nhiệm hữu hạn

- Địa chỉ trụ sở chính: thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Điện thoại: 02513.895.381

- Người đại diện: Ông Nguyễn Chí Công Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số chi nhánh 2500175548-011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 09 tháng 01 năm 2017 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 15 tháng 3 năm 2024.

2. Tên cơ sở

Trại heo giống ông bà, quy mô 1.200 con heo nái và 100 con heo nọc

Địa điểm cơ sở: Tổ 4, ấp Cần Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

2.1 Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt của cơ sở:

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: số 2282/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2012 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt Dự án Trại heo giống ông bà, quy mô 1.200 con heo nái và 100 con heo nọc ấp Cần Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Japfa Comfeed Long An làm chủ đầu tư.

- Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tại Giấy xác nhận số 23/GXN-STNMT ngày 23/9/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường của Dự án Trại heo giống ông bà, quy mô 1.200 con heo nái và 100 con heo nọc ấp Cần Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước làm chủ đầu tư.

- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 86/GP-UBND ngày 27/11/2021 của UBND tỉnh Bình Phước.

- Giấy phép khai thác nước số 41/GP-UBND ngày 10/04/2023 của UBND tỉnh Bình Phước.

- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm

môi trường với công suất trung bình (1.200 con heo nái và 100 heo nọc tương đương 660 đơn vị vật nuôi) và được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt báo cáo ĐTM. Nước thải của dự án sau khi xử lý đạt QC 62-MT:2016/BTNMT, cột B được tái sử dụng cho cấp nước hầm dưới chuồng nuôi vào mùa nắng và xả ra suối nhỏ giáp dự án vào mùa mưa.

Do đó, theo điểm 1 mục I quy định tại Phụ lục IV tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ và theo khoản 3 Điều 41 của Luật bảo vệ môi trường, dự án thuộc thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của UBND tỉnh.

2.2 Quy mô cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):

Vốn đầu tư của Dự án là: 110.734.814.878 đồng tương đương 5.305.933 USD thuộc dự án Nhóm B theo luật đầu tư công.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Quy mô trại gồm:

STT	Loại heo	Đơn vị tính	Số lượng
1.	Heo nọc	con	100
2.	Heo nái	con	1.200
3.	Heo con theo mẹ	con	1.900
4.	Heo con cai sữa	con	1.805
5.	Heo 2-3 tháng tuổi	con	884
6.	Heo 3-4 tháng tuổi	con	876
7.	Heo 4-5 tháng tuổi	con	867
8.	Heo 5-6 tháng tuổi	con	858

3.2. Công nghệ sản xuất của trại

Đây là khu trang trại chăn nuôi công nghiệp kiểu mẫu được áp dụng công nghệ tiên tiến nhất hiện nay đang được thực hiện ở các nước chăn nuôi hiện đại. Do vậy quy trình công nghệ chăn nuôi heo phải đảm bảo các yếu tố sau:

- Áp dụng công nghệ mới xây dựng trại nuôi heo và chuồng heo kín đạt tiêu chuẩn bảo vệ môi trường nhằm giảm mức sử dụng nước.
- Quy trình chăn nuôi được quản lý chặt chẽ theo các chương trình phần mềm

bao gồm quản lý giống và di truyền, quản lý sinh sản phối giống, quản lý phòng trị bệnh và sức khỏe heo quản lý dinh dưỡng và thức ăn, quản lý nhân lực, quản lý tài chính,...;

- Chuồng trại chăn nuôi phải thiết kế hiện đại, sạch sẽ và thoáng mát.

1) Kỹ thuật nuôi heo hậu bị

- Thức ăn:

Thức ăn là yếu tố quan trọng nhất trong chăn nuôi heo, thức ăn tốt giúp heo mau lớn, lãi suất cao, nâng cao phẩm chất quỳ thịt. Tùy theo giai đoạn phát triển mà nguồn thức ăn mà sử dụng các loại cám khác nhau. Thức ăn sử dụng cho dự án sẽ được Công ty vận chuyển từ nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi.

- *Premix*: Là chế phẩm bổ sung thêm axit amin, vitamin, khoáng vi lượng... *Premix* có nhiều loại khác nhau *Aminoaxit* (Mỹ), *Vitamin* (Nhật), *Embavit* (Anh), *premix* cho các loại heo số 1 - 4 (Bayer), *Polypac* (Đại học Nông lâm Tp. HCM). Liều lượng theo lời chỉ dẫn.

- Chế độ cho ăn:

Khi heo mới bắt về cho ở chuồng riêng càng xa heo cũ càng tốt. Ngày đầu không nên tắm heo, nên cho heo ăn (nhất là heo con) ăn khoảng 1/2 nhu cầu, sau 3 ngày mới cho ăn no, thời gian đầu sử dụng cùng loại thức ăn với nơi bán heo, sau đó nếu thay đổi loại thức ăn thì phải thay đổi từ từ.

Căn cứ vào đặc điểm phát triển của heo và điều kiện chăn nuôi mà có 2 phương thức cho ăn:

- Phương thức cho ăn tự do: Cho heo ăn tự do theo nhu cầu từ cai sữa đến xuất chuồng. Phương thức này có ưu và khuyết điểm như sau:

+ Ưu điểm: Heo mau lớn nên thời gian nuôi ngắn, quay vòng vốn nhanh.

+ Khuyết điểm: Không tiết kiệm được thức ăn, heo có tỷ lệ mỡ cao.

- Nước uống:

Nước uống cho heo phải sạch sẽ và đủ lượng nước theo nhu cầu.

- Chăm sóc:

+ Luôn đảm bảo đàn heo sạch sẽ, thoáng mát, khu vực chăn nuôi phải yên tĩnh, không xáo trộn ảnh hưởng đến heo.

+ Thường xuyên kiểm tra phát hiện những trường hợp bất thường xảy ra. Đánh dấu theo dõi, kiểm tra thức ăn hàng ngày để điều chỉnh kịp thời.

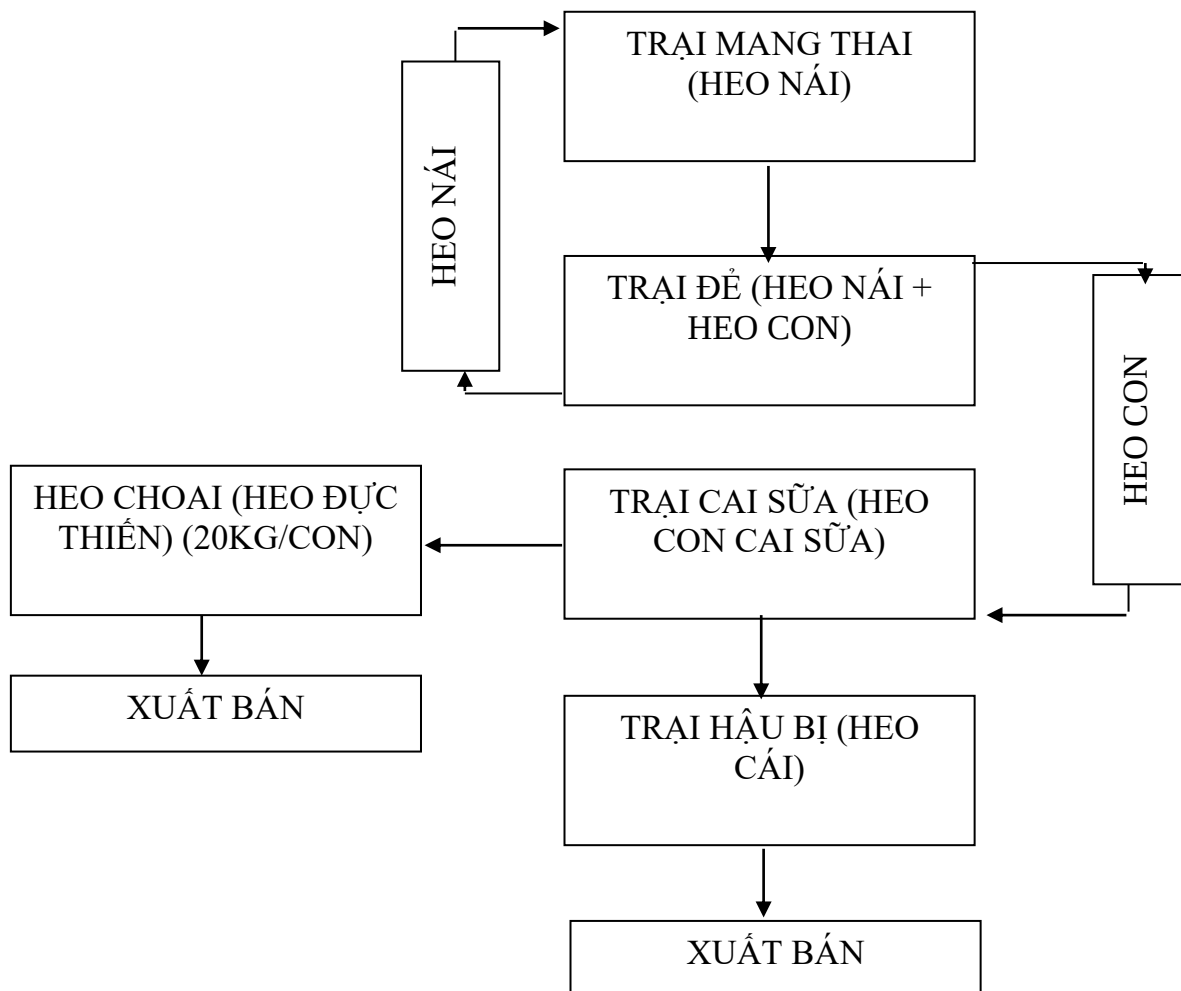
+ Thường xuyên kiểm tra nước uống, thức ăn trước khi dùng.

- Xuất bán heo:

Khi đến thời kỳ xuất chuồng công ty có thể sử dụng công thức để ước tính trọng lượng heo: $P (kg) = 87,5 \times (\text{vòng ngực})^2 \times \text{dài thân}$.

2) Quy trình chăn nuôi

Quy trình công nghệ nuôi heo được trình bày như sau:



Mô tả quy trình công nghệ:

Heo nái giống sinh sản và heo nọc giống sẽ được công ty đem từ Trại heo giống thuần chủng GGP tại xã Minh Tâm, huyện Hớn Quản, chúng được nuôi cho đến thời gian động dục thì được cho phối giống. Heo nái sau phối giống nếu thành công sẽ mang thai khoảng 105-115 ngày, trước ngày sinh một tuần chúng được chuyển lên trại nái đẻ, tại đây heo được chăm sóc cẩn thận để chờ sanh.

Sau khi sanh, heo con được nuôi chung với heo mẹ trong lồng ấm để ngăn ngừa heo con bị bệnh viêm hô hấp, sau thời gian 20-30 ngày, heo mẹ được chuyển trở lại trại mang thai, heo con được chuyển sang trại cai sữa. Tiếp theo heo nái chữa sẽ được chuyển tới và quy trình này được tái lập như trên.

Heo con chuyển xuống trại cai sữa (trại cách ly) sẽ được nuôi khoảng 20-30 ngày,

thức ăn chính là bột bắp và nước. Sau thời gian này, số heo đạt chất lượng sẽ được Công ty bắt đi chuyển sang khu hậu bị, số heo không đạt chất lượng sẽ được nuôi làm heo thịt. Chuồng heo sau khi được sát trùng sẽ tiếp nhận heo sữa từ trại nái đẻ và quy trình này được tái lập như trên.

3.3. Sản phẩm của trại

Sản phẩm chính:

+ Heo con

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, cấp nước của trại

4.1. Nhu cầu nguyên, nhiên liệu sử dụng

❖ Nhu cầu cám:

Nguồn thức ăn chính cho heo là cám tổng hợp.

Bảng 1. 1 Nhu cầu thức ăn cung cấp cho trại heo

STT	Loại heo	Đơn vị tính	Số lượng	Định mức thức ăn (kg/con/ngày)	Lượng cám (kg/ngày)
1.	Heo nọc	con	100	3	300
2.	Heo nái	con	1.200	4	4.800
3.	Heo con theo mẹ	con	1.900	0,03	57
4.	Heo con cai sữa	con	1.805	0,6	1.083
5.	Heo 2-3 tháng tuổi	con	884	1,1	972,4
6.	Heo 3-4 tháng tuổi	con	876	1,4	1.226,4
7.	Heo 4-5 tháng tuổi	con	867	2,2	1.907,4
8.	Heo 5-6 tháng tuổi	con	858	3,0	2.574

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước, năm 2024

❖ Nhu cầu vaccin

Nhu cầu sử dụng vaccine của trang trại được thể hiện như bảng dưới:

Bảng 1. 2: Nhu cầu sử dụng vaccin

STT	Tuần tuổi	Tổng số lượng heo (con)	Số lần sử dụng/năm	Vaccin FMD (liều)/heo	Vaccin CSF (liều)/heo
1	Heo nọc	100	1	100	100
2	Heo nái	1.200	1	1.200	1.200
3	Heo con theo mẹ	1.900	1	1.900	1.900
4	Heo con cai sữa	1.805	2	3.610	3.610
Tổng số vaccin/năm				6.810	6.810

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước, năm 2024

❖ **Nhu cầu thuốc sát trùng**

Nhu cầu sử dụng thuốc sát trùng được thể hiện như bảng dưới:

Bảng 1. 3: Nhu cầu sử dụng thuốc sát trùng và hóa chất

TT	Tên thuốc	Mục đích sử dụng	Liều lượng	Số lượng /năm
I. Thuốc sát trùng, khử mùi				
1	Cid 2000	Pha nước uống cho heo	300ml/1.000lít nước uống	11.600 lít
		Tẩy rửa đường ống nước	4 lít/1000 con /6 tháng	
2	Cid 20	Sát trùng xe cám, heo, thuốc và xịt rửa chuồng trại	10 lít/ 1000 lít nước/ngày	3.600 lít
3	Farm Fluid S	Dùng cho nhà sát trùng công nhân	1 lít/ lần/ngày (2 lần/ngày)	750 lít
4	Chế phẩm EM	Giảm thiểu mùi hôi tại nhà để phân,...	2-3 lần/ngày (2 lần/ngày)	700 lít
II. Hóa chất cho hệ thống xử lý nước thải				
5	NaOH	Keo tụ	100kg/ ngày	36,5 tấn
6	PAC		125 kg/ ngày	45,6 tấn
7	Polimer		1,25kg/ ngày	0,5 tấn
8	NaOCl	Khử trùng	0,75kg/ ngày	0,3 tấn

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước, năm 2024

4.2. Nhu cầu sử dụng điện

Trong quá trình hoạt động thì nhu cầu sử dụng điện cho dự án khoảng 78.000 kWh/tháng. Như vậy, ước tính mỗi năm công ty sử dụng khoảng 936.000 kWh/năm.

Nhu cầu sử dụng điện tại trang trại cụ thể như sau:

Bảng 1. 4 Nhu cầu sử dụng điện của trang trại năm 2024

STT	Nhu cầu dùng điện	Đơn vị tính	Số lượng
1	Nhu cầu dùng điện tháng 1	kwh	89.236
2	Nhu cầu dùng điện tháng 2	kwh	94.139
3	Nhu cầu dùng điện tháng 3	kwh	82.452
4	Nhu cầu dùng điện tháng 4	kwh	84.108
5	Nhu cầu dùng điện tháng 5	kwh	63.585
6	Nhu cầu dùng điện tháng 6	kwh	58.150

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước, năm 2024

Trang trại còn sử dụng dầu DO để chạy máy phát điện. Trang trại sử dụng 02 máy phát điện dự phòng chạy bằng dầu DO công suất mỗi máy là 700 KVA và 330 KVA để phục vụ nhu cầu sử dụng điện của trang trại đảm bảo cho sản xuất được thường xuyên, liên tục mỗi khi có sự cố từ lưới điện quốc gia.

4.3. Nhu cầu sử dụng nước

- Nước sinh hoạt: Theo TCXDVN 33-2006 về cấp nước – mạng lưới đường ống và công trình – tiêu chuẩn thiết kế, nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt là 100 lít/người/ngày. Tổng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt:

$$W_{sh}=57 \text{ người} \times 100 \text{ l/người/ngày} = 5.700 \text{ l/ngày} = 5,7 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$$

- Nước dùng cho chăn nuôi: Công ty đã tiến hành khoan giếng để đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của trại. Công ty đã tiến hành xin phép cơ quan chức năng đúng theo quy định tại Nghị định số 201/2013/NĐ-CP hướng dẫn Luật tài nguyên nước. Sử dụng hệ thống cấp nước từ 10 giếng khoan bơm vào bể nước ngầm sau đó được bơm lên đài rồi từ đài nước được truyền đến các thiết bị cần cung cấp. Đồng thời trại cũng dùng nước thải sau xử lý qua hệ thống xử lý (nước thải sau xử lý từ hệ thống xử lý nước thải -> bể điều hoà -> bể thiếu khí -> bể hiếu khí -> lắng sinh học -> keo tụ cấp 1-> tạo bông cấp 1-> bể lắng hoá lý cấp 1-> bể trung gian cấp 1-> lọc áp lực cấp 1 -> keo tụ cấp 2-> tạo bông cấp 2-> bể lắng hoá lý cấp 2-> bể trung gian cấp 2-> lọc áp lực cấp 2 -> bể khử trùng -> bể chứa sau xử lý) sau đó dùng cho một số hoạt động của trại như cấp hầm nước, vệ sinh tắm đàn.

Lượng nước thất thoát do bay hơi và rơi vãi trong quá trình heo uống nước khoảng 5% so với lượng nước cấp.

Trang trại nuôi heo theo công nghệ mới nhằm tiết kiệm nước, hệ thống bể chứa phân phía dưới tấm sàn chuồng nuôi (sâu 50 - 60cm), lượng nước cấp trung bình bằng một phần hai chiều cao bể, lượng nước này được cấp/xả luân phiên tùy vào số lượng

heo trong chuồng, định mức theo kinh nghiệm của chủ đầu tư khoảng 50 lít/con/ngày đối với heo nái và heo đực và khoảng 12 lít/con/ngày đối với heo con. Ngoài ra, xịt rửa chuồng trại bằng máy phun nước áp lực cao nhằm làm vệ sinh chuồng trại sau khi xuất 1 đợt heo để nhập đợt heo mới nên lượng nước sử dụng cho hoạt động rửa chuồng rất thấp, khoảng 3 lít/m² chuồng. Chi tiết về lượng nước dùng cho chăn nuôi được chủ dự án cung cấp số liệu như sau:

- *Nước cho heo uống:*

TT	Heo	Nước ăn, uống	Đầu con	Nước cấp
		(l/ngày)	(con)	(m ³ /ngày)
1	Heo nọc	20	100	2
2	Heo nái	25	1.200	30
3	Heo con theo mẹ	0,02	1.900	0,038
4	Heo con cai sữa	3	1.805	5,415
5	Heo 2-3 tháng tuổi	5	884	4,42
6	Heo 3-4 tháng tuổi	5	876	4,38
7	Heo 4-5 tháng tuổi	5	867	4,335
8	Heo 5-6 tháng tuổi	5	858	4,29
	TỔNG		8.490	54,878

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước, năm 2024

Nước cấp cho hầm chứa phía dưới sàn chuồng nuôi:

TT	Heo	Nước cấp hầm	Đầu con	Khối lượng nước cấp hầm
		(l/ngày)	(con)	(m ³ /ngày)
1	Heo nọc	50	100	5
2	Heo nái	50	1200	60
3	Heo con theo mẹ	3,5	1900	6,65
4	Heo con cai sữa	12	1805	21,66
5	Heo 2-3 tháng tuổi	12	884	10,608
6	Heo 3-4 tháng tuổi	12	876	10,512
7	Heo 4-5 tháng tuổi	12	867	10,404
8	Heo 5-6 tháng tuổi	12	858	10,296
	TỔNG		8.490	135,13

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước, năm 2024

Nước cấp xịt rửa chuồng sau mỗi đợt xuất chuồng: Nước xịt rửa chuồng trung bình khoảng 02 chuồng/ngày, diện tích 1 chuồng nuôi khoảng 14,4m x 60 m = 864 m².

$$W_{rc} = 3 \text{ lít} \times 864 \text{ m}^2 \times 2 \text{ chuồng} = 5.184 \text{ lít/ngày} = 5,184 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

- Nước dùng cho sát trùng: bình quân 01 người là 80 Lít/lần trong mỗi ngày và tổng số người hoạt động thường xuyên của trại là 57 người. Nước sát trùng xe: dự kiến lớn nhất có khoảng 16 xe ra vào trại (bao gồm cả xe nhân viên, quản lý, phương tiện vận chuyển) ước tính lượng nước sát trùng cho xe 100 lít/xẻ. Lượng nước sát trùng cho chuồng trại ước tính là 2.000 lít/ngày:

$$W_{st} = (57 \text{ người} \times 80 \text{ Lít}) + (16 \text{ xe} \times 100 \text{ Lít}) + 2.000 \text{ lít/ngày} = 4.560 + 1.600 + 2.000 = 8,16 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

- Nước dùng cho hệ thống làm mát: Nước cho hệ thống làm mát của dự án với định mức là 6m³/dây, dự án 18 chuồng nuôi:

$$W_{lm} = 6 \text{ m}^3/\text{dây} \times 18 \text{ chuồng} = 108 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

Ngoài ra, việc lắp đặt 360 tấm làm mát cho dự án kéo theo hoạt động vệ sinh tấm làm mát được diễn ra 1 lần/tuần với định mức sử dụng nước ước tính là 1 lít/tấm. Do đó nhu cầu cấp nước cho hoạt động vệ sinh tấm làm mát này được tính toán như sau:

$W_{\text{vstlm}} = 360 \text{ tắm} * 1 \text{ lit/tắm} = 360 \text{ lít} = 0,36 \text{ m}^3$ (lượng nước này phát sinh 1 tuần/lần)

- Nước tưới cây: Lượng nước phục vụ tưới cây chủ yếu tại khu vực bồn hoa, tiểu cảnh vào mùa khô hạn với định mức tưới là $3\text{-}4 \text{ l/m}^2$ (theo TCXDVN 33 : 2006 cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế) lấy giá trị là 3 l/m^2 :

$$W_{\text{tc}} = 3 \text{ lit/m}^2 * 4.000 \text{ m}^2 = 12.000 \text{ lit/ngày} = 12 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

- Nước dùng cho PCCC: Lượng nước dự trữ cấp nước cho hoạt động chữa cháy được tính cho 1 đám cháy trong 1 giờ liên tục với lưu lượng 15 lít/giây (Theo 2622:1995 – Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình – Yêu cầu thiết kế). Tuy nhiên, đây là lượng nước không thường xuyên.

$$W_{\text{cc}} = 15 \text{ lít/giây} * 1 \text{ giờ} * 3.600 \text{ giây/1.000} = 108 \text{ m}^3$$

Tổng nhu cầu về nước cấp và nước thải được thể hiện tại bảng cân bằng nước bên dưới:

Bảng 1. 5: Bảng cân bằng nước của dự án

TT	Hoạt động	ĐẦU VÀO				
		Nước cấp từ nước ngầm (m ³ /ngày)	Nước tái sử dụng (m ³ /ngày)	Nước thất thoát (m ³ /ngày)	Nước thải (m ³ /ngày)	
1	Sinh hoạt	5,7			5,7	NT=100%NC
2	Nước heo uống	54,878		2,744	52,134	5% nước thất thoát do bay hơi và rơi vãi. Nước thải này một phần đi vào hệ thống xử lý nước thải tập trung, 1 phần lẫn trong phân heo và được đẩy về chung trong hầm chứa thì lượng nước thải này cũng được thu gom về HTXLNT tập trung
3	Nước cấp bể chứa phía dưới sàn chuồng nuôi		135,13		135,13	NT=100%NC
4	Sát trùng xe + người	8,16			8,16	NT=100%NC
5	Nước cấp tắm làm mát	108		108		-
6	Nước vệ sinh tắm làm mát		0,36		0,36	NT=100%NC Phát sinh nước thải 1 lần/tuần
7	Nước xịt rửa đàn bê tông		5,184		5,184	Phát sinh sau mỗi đợt heo xuất chuồng. Mỗi ngày xịt rửa 2 chuồng
8	Tưới cây	12		12		Không phát sinh nước thải
TỔNG		188,738	140,674	122,744	206,668	

Chi tiết về nước cấp và nước thải của một số hoạt động:

+ Nước thải sinh hoạt, nước cấp hầm, vệ sinh chuồng trại, nước sát trùng ước tính bằng 100% lượng nước cấp.

+ Nước heo uống: Ước tính bằng 95% lượng nước cấp.

+ Nước làm mát và vệ sinh tắm làm mát: Dự án được đầu tư hệ thống làm mát, lượng nước phần lớn được thấm vào tấm làm mát Cooling Pad, lượng nước thải phát sinh chủ yếu từ hoạt động xả đáy và vệ sinh tấm làm mát. Nước thải của công đoạn xả đáy và vệ sinh hệ thống làm mát phát sinh ước tính bằng 5% lượng nước cấp cho làm mát (theo thông tin từ nhà cung cấp thiết bị). Nước thải cho vệ sinh tắm làm mát bằng 100% nước cấp.

+ Nước tưới cây: Phương án tưới cây của dự án với tần suất 3 lần/tuần vào mùa khô và 2 lần/tuần vào mùa mưa, do vậy lượng nước cấp cho hoạt động này là không thường xuyên. Nguồn nước sử dụng chủ yếu từ việc khai thác nước ngầm.

+ Nước cho PCCC: lượng nước này chỉ phát sinh khi có đám cháy và được lấy từ nước trong các hồ dự trữ nước mưa.

5. Các thông tin khác liên quan đến trại

5.1 Vị trí dự án

Trại heo giống ông bà, quy mô 1.200 con heo nái và 100 con heo nọc của Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước được xây dựng trên khu đất với tổng diện tích 194.423,6 m², thuộc tổ 4, ấp Cần Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Vị trí tiếp giáp của khu vực khai thác:

- Phía Đông: giáp đất hộ dân trồng cao su và mì.
- Phía Tây: giáp đất trồng cao su.
- Phía Bắc: giáp đất trồng cao su và mì.
- Phía Nam: giáp đường đất.

Tọa độ của dự án (VN2000, kinh tuyến 106⁰15, múi chiều 3⁰):

Bảng 1. 6. Tọa độ góc ranh của dự án

STT	Tọa độ (Hệ VN2000, kinh tuyến trục 106 ⁰ 15', múi chiếu 3 ⁰)	
	X	Y
1	526743	1296104
2	527149	1296039
3	527232	1296448
4	526766	1296514

Các đối tượng xung quanh dự án:

+ Khu vực dân cư: trong bán kính 500 m không có dân cư sinh sống.

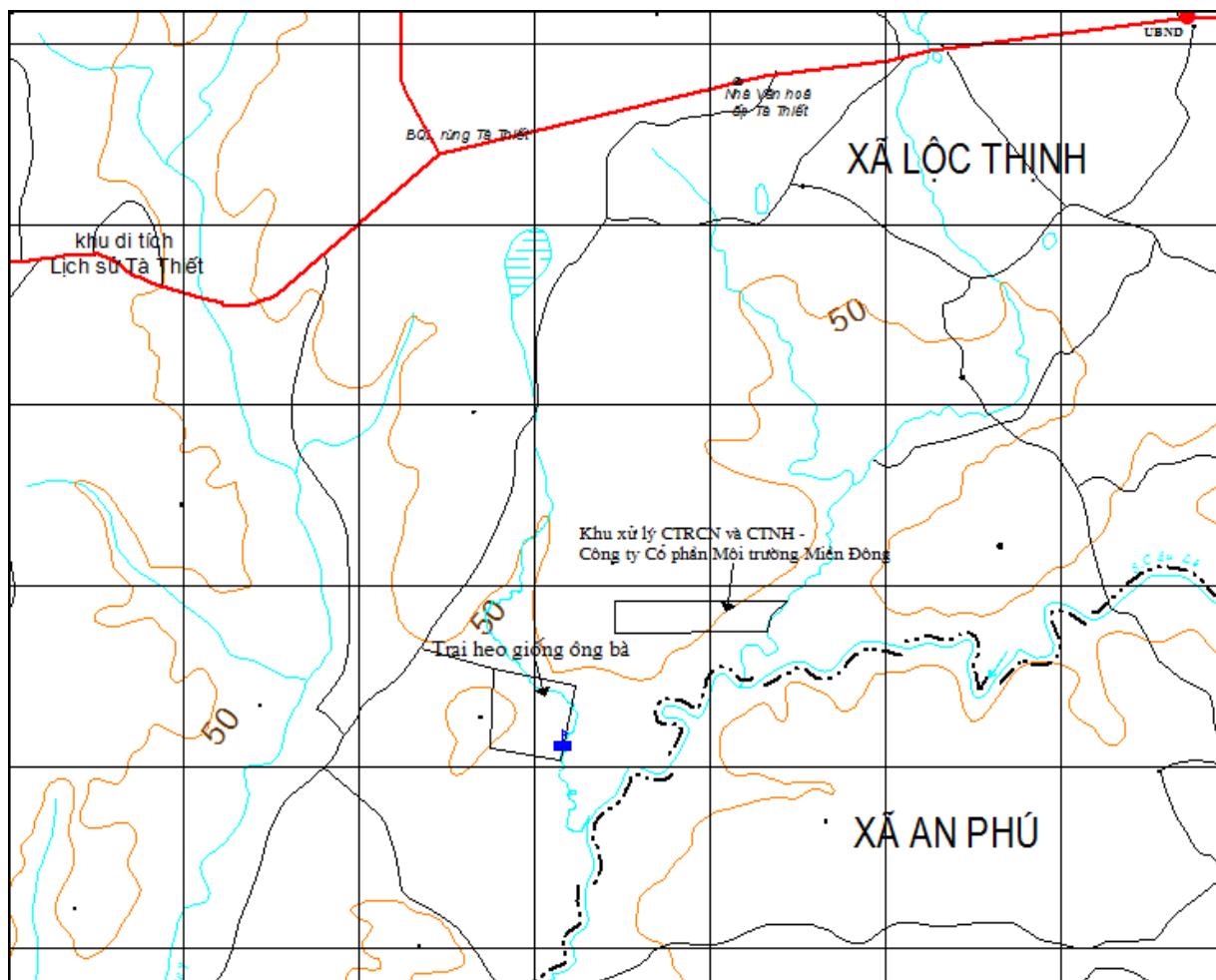
+ Cách UBND xã Lộc Thịnh khoảng 5,3km về hướng Đông Bắc; cách Khu di tích lịch sử Tà Thiết khoảng 3,2km.

+ Hiện trạng khu đất là Trại heo giống ông bà đang hoạt động với quy mô 1.200 con heo nái và 100 con heo nọc.

+ Trại heo giống ông bà cách Khu xử lý chất thải rắn công nghiệp và chất thải nguy hại – Công ty cổ phần môi trường Miền Đông khoảng 1,5km.

+ Địa hình tương đối bằng phẳng, các khu vực xung quanh dự án đều là đất trồng cao su, không có công trình kiến trúc cũng như cơ sở sản xuất, khu vực tập trung đông dân cư.

+ Cách đường ĐT 754 khoảng 3,0 km.



Hình 1. 1. Sơ đồ vị trí khu vực Dự án

5.2. Các hạng mục công trình đã xây dựng

Bảng 1. 7 Hạng mục các công trình của trang trại

STT	Hạng mục xây dựng	Số lượng	Diện tích (m2)	Tỷ lệ (%)
A	HẠNG MỤC PHỤC VỤ CHĂN NUÔI			
1	Nhà heo thịt (heo con)	10	8.640,0	4,44
2	Nhà heo đực giống	1	677,6	0,35
3	Nhà heo nái	1	1.539,2	0,79
4	Nhà heo mang thai	1	1.539,2	0,79
5	Nhà heo đẻ	3	3.042,0	1,56
6	Nhà cách ly	1	432,0	0,22
7	Nhà xuất bán	1	450,8	0,23
B	HẠNG MỤC PHỤ TRỢ			
8	Nhà nghỉ quản lý	1	92,88	0,05
9	Nhà ở công nhân chuồng heo nái	1	241,78	0,12
10	Nhà ở công nhân chuồng heo thịt (heo con)	1	149,38	0,08
11	Văn phòng, nhà tắm 1	1	170,34	0,09

STT	Hạng mục xây dựng	Số lượng	Diện tích (m2)	Tỷ lệ (%)
12	Kho thức ăn	1	83,64	0,04
13	Nhà ăn và cách ly	1	443,68	0,23
14	Nhà tắm 2	1	83,64	0,04
15	Bể nước ngầm 1	1	80,00	0,04
16	Nhà bảo vệ	1	73,84	0,04
17	Cổng chính, cổng phụ, biển hiệu			
18	Nhà sát trùng xe, người	1	97,68	0,05
19	Nhà máy phát điện, kho dầu	1	20,12	0,01
20	Nhà để xe 2&4 bánh	1	65,00	0,03
21	Bãi xe tải	1	98,00	0,05
22	Nhà nghỉ trưa	1	38,44	0,02
23	Nhà vệ sinh	1	3,00	0,00
24	Đường dẫn heo	1	2.328,00	1,20
25	Nhà sát trùng xe tải	1	75,00	0,04
26	Hệ thống xử lý nước cấp	1	22,10	0,01
27	Nhà để xe máy	1	27,50	0,01
28	Nhà tắm sát trùng ngoài	1	23,10	0,01
29	Nhà thay đồ	1	24,00	0,01
30	Nhà tắm sát trùng cách ly + giặt ủi	1	79,6	0,04
31	Nhà cách ly	1	134,00	0,07
32	Nhà sát trùng xe máy	1	6,00	0,003
33	Nhà máy phát điện biogas		80	0,041
34	Nhà nghỉ trưa công nhân		60	0,031
C	HẠNG MỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG			
35	Nhà đặt lò đốt xác heo	1	150	0,077
36	Nhà chứa phân	1	60	0,031
37	Kho chứa chất thải nguy hại	1	30	0,015
38	Kho chứa chất thải thông thường	1	30	0,015
39	Trạm xử lý nước thải		176	0,091
40	Các hồ xử lý (biogas, lắng, lọc, chứa nước sau xử lý)		7.250	3,729
41	Hồ chứa nước mưa		6.875	3,536
D	HẠNG MỤC KHÁC			
42	Cây xanh		154.097,18	79,258
43	Đường giao thông		4.834,00	2,486
	Đường bê tông nội bộ		291,00	0,150
	Đường đá		4.543,00	2,337
	Tổng		194.423,60	100

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước, năm 2024

5.3 Các máy móc thiết bị phục vụ trang trại

Bảng 1. 8 Tổng hợp máy móc thiết bị phục vụ trang trại

TT	Danh mục máy móc, thiết bị	Đơn vị	Số lượng thiết bị	Xuất xứ
			Thực tế tại trại	
1	Silo	Cái	21	Hà lan
2	Cân Silo	Bộ	21	Hà lan
3	Đường ống dẫn cám	M	3633	Hà lan
4	Motor tải cám	Cái	42	Hà lan
5	Hệ thống điều khiển cho ăn tự động	Bộ	22	Hà lan
6	Quạt hút – 0,5HP	Cái	20	Hà lan
7	Quạt hút 1,5HP	Cái	156	Hà lan
8	Tấm làm mát 1,8mx0,6mx0,15m	Tấm	755	Việt nam
9	Bơm nước	Cái	72	Trung quốc
10	Màn che	M	444	Hà lan
11	Motor kéo màn che	Cái	72	Hà lan
12	Hệ thống điều khiển nhiệt độ	Bộ	35	Hà lan
13	Sensor nhiệt độ	Cái	70	Hà lan
14	Đèn úm 125W	Cái	324	Việt nam
3	Máy xịt chuồng 250bar – 10HP	Bộ	3	Ý
18	Máy xịt chuồng 5HP	Bộ	2	Trung quốc
2	Lò đốt khí Biogas dư	Hệ	1	Việt Nam
20	Bơm hỏa tiễn	Cái	12	Trung quốc
1	Bơm chìm 3HP	Cái	15	
22	Bơm nước 2HP	Cái		
23	Bơm tăng áp 3HP	Cái	1	Trung quốc
24	Cân điện tử 500kg	Cái	2 cái	
25	Nhà sấy xe tải (4mx12mx5m) công suất 130kW	Nhà	1	Việt Nam
26	Máy ép phân	Cái	0	Việt Nam
27.1	Máy phát điện dự phòng (Công suất 700 KVA)	Cái	1	Việt Nam
27.2	Máy phát điện dự phòng (Công suất 330 KVA)	Cái	1	Việt Nam
28	Hệ thống thiết bị (bơm, hệ thống điện) cho Trạm XLNT	Hệ	1	Việt Nam
29	Hệ thống thiết bị (bơm, hệ thống điện) cho Trạm xử lý nước tái sử dụng cho chăn nuôi	Hệ	1	Việt Nam

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước, năm 2024

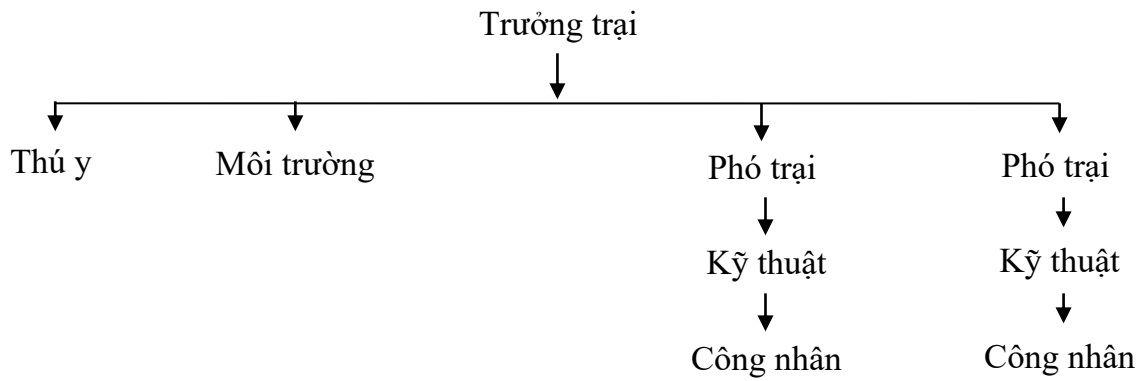
5.4 Các thông tin khác

a. Tổng mức đầu tư của dự án

Vốn đầu tư của Dự án là: 110.734.814.878 đồng tương đương 5.305.933 USD thuộc dự án Nhóm B theo luật đầu tư công.

b. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án

Sơ đồ tổ chức của trang trại được thể hiện như bên dưới:



Hình 1. 2: Sơ đồ tổ chức trang trại

Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước chịu trách nhiệm trực tiếp tổ chức quản lý và thực hiện dự án.

CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

a. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia

Theo Quyết định số 450/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ban hành ngày 13/4/2022 về việc Phê duyệt chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, mục tiêu cụ thể như sau:

- Về mục tiêu đến năm 2030: Ngăn chặn xu hướng gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường; giải quyết các vấn đề môi trường cấp bách; từng bước cải thiện, phục hồi chất lượng môi trường; ngăn chặn sự suy giảm đa dạng sinh học; góp phần nâng cao năng lực chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm an ninh môi trường, xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, các-bon thấp, phấn đấu đạt được các mục tiêu phát triển bền vững 2030 của đất nước. Do đó, cơ sở là phù hợp với chiến lược BVMT quốc gia.

- Về tầm nhìn đến năm 2050: Môi trường Việt Nam có chất lượng tốt, bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành và an toàn của nhân dân; đa dạng sinh học được gìn giữ, bảo tồn, bảo đảm cân bằng sinh thái; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; xã hội hài hòa với thiên nhiên, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, các-bon thấp được hình thành và phát triển, hướng tới mục tiêu trung hòa các-bon vào năm 2050.

b. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch của tỉnh Bình Phước

- Tỉnh Bình Phước có nhiều chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư phát triển ngành nghề đa dạng, chủ trương phát triển mạnh các doanh nghiệp và có những chính sách thu hút đầu tư cho các nhà đầu tư khi vào Bình Phước. Công ty đã được sự hỗ trợ của UBND huyện Lộc Ninh nói riêng và UBND tỉnh Bình Phước nói chung.

- Theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 17/01/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về việc thông qua quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kì 2021 – 2023, tầm nhìn đến năm 2050 có đề cập như sau:

+ Phát triển công nghiệp nhanh và bền vững theo hướng ưu tiên các ngành có giá trị gia tăng cao như: chế biến, chế tạo, phụ trợ, năng lượng tái tạo, vật liệu, công nghệ thông tin,... Chú trọng nâng cao trình độ công nghệ. Mở rộng và phát triển mới các khu, cụm công nghiệp.

+ Phát triển ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung theo tiêu chuẩn an toàn, từng bước hình thành các vùng nông nghiệp quy mô lớn, hướng vào các sản phẩm có giá trị kinh tế cao, đặc biệt là những sản phẩm có lợi thế cạnh tranh của tỉnh.

c. Sự phù hợp của cơ sở với phân vùng môi trường

Khu vực Trại heo giống ông bà, quy mô 1.200 con heo nái và 100 con heo nọc của Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước được xây dựng trên khu đất với tổng diện tích 194.423,6 m², thuộc khu 4, ấp Cần Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt tại Quyết định số 2282/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường của địa phương.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Các nội dung đã được đánh giá trong báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án Trại heo giống ông bà quy mô 1.200 con heo nái và 100 con heo nọc ấp Cần Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước theo Quyết định số 2282/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 về phê duyệt báo cáo ĐTM của dự án.

Nước thải phát sinh từ dự án được xử lý qua HTXLNT với công suất 250 m³/ngày.đêm đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B. Nước thải sau xử lý được tái sử dụng cho chuồng trại (rửa chuồng, không dùng cho gia súc) vào mùa nắng và xả ra suối nhỏ giáp trại vào mùa mưa phù hợp với phân vùng xả thải theo quyết định 452/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước ngày 25/02/2021 về việc ban hành Quy định về phân vùng các nguồn tiếp nhận nước thải trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2030 và trại cũng được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép xả thải số 86/GP-UBND ngày 27/11/2019.

Do vậy, đối với sự phù hợp của dự án đối với khả năng chịu tải của môi trường là không thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Mạng lưới thu gom nước mưa được xây dựng tách riêng với mạng lưới thoát nước thải và được xây dựng cụ thể như sau:

Hệ thống thoát nước mưa: Nước mưa được thu gom bằng hệ thống mương hở bao xung quanh các dãy của trại nuôi. Nước mưa được thu gom từ khu trại nuôi bằng hệ thống mương hở kích thước $R \times S = 0,2 - 0,4 \times 0,3 - 0,8\text{m}$ và hố ga xây bằng gạch, BTCT để lắng cặn. Sau đó, nước mưa theo cống ngầm BTCT $\Phi 500$ dẫn về hồ chứa nước mưa để tận dụng phục vụ vệ sinh cho trại nuôi, tưới cây phần nước dư còn lại được tự chảy ra suối nhỏ.

Nước mưa từ các dãy chuồng nuôi heo được thu gom bằng hệ thống mương hở và ống, dẫn về các hố ga sau đó ra hồ chứa nước mưa (kích thước $45 \times 45 \times 5\text{m}$).

Khu bên ngoài khuôn viên trại, nước mưa chảy tràn trên mặt và tự thấm trên mặt đất tự nhiên.

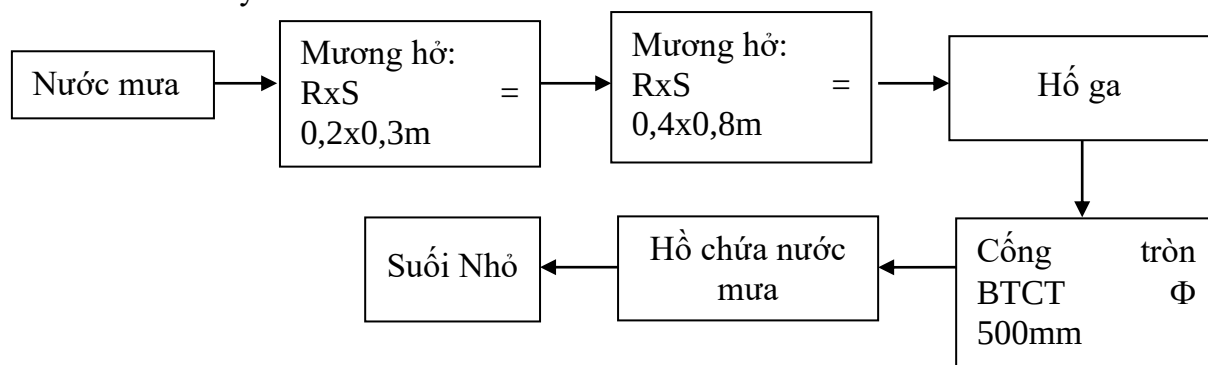
Thông số kỹ thuật của mương hở:

- + Vật liệu: Bê tông cốt thép, gạch
- + Kích thước: rộng $0,2\text{m}$; sâu $0,3\text{m}$; chiều dài 1.950m
- + Kích thước: rộng $0,4\text{m}$; sâu $0,8\text{m}$; chiều dài 454m
- + Kích thước: cống ngầm BTCT $\Phi 500$; chiều dài 170m
- + Tổng chiều dài: 2.574 m

Thông số kỹ thuật hố ga:

- + Vật liệu: Bê tông cốt thép, gạch
- + Kích thước: $D \times R \times C = 2\text{m} \times 1,2\text{m} \times 0,5\text{m}$
- + Số lượng: 9 cái

Nước mưa chảy theo sơ đồ sau:



Nước mưa chảy tràn sau khi được thu gom bằng hệ thống mương hở chảy về hướng đông của trang trại, sau đó toàn bộ nước mưa chảy tràn được thu gom vào hồ chứa, phần chứa không hết sẽ được tự chảy ra suối Nhỏ. Vì Trang trại được xây dựng trên nền đất nghiêng tự nhiên hướng về suối Nhỏ nên khả năng tiêu thoát nước thông qua các mương thu gom là rất tốt.

- Điểm thoát nước mưa : X: 542.142; Y: 1.289.598 (hệ VN2000, kinh tuyến 106°15', múi chiều 3°)

1.2. Biện pháp thu gom, thoát nước thải

a. Nước thải sinh hoạt

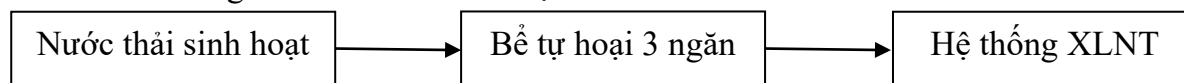
Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên trang trại (bao gồm nước thải nhà vệ sinh, nước rửa tay, chân) được thu gom vào bể tự hoại 03 ngăn bằng đường ống nhựa PVC 90mm. Bể này có 2 chức năng chính là lắng và phân huỷ cặn lắng với hiệu suất xử lý đạt 40 – 60 %. Ưu điểm chủ yếu của bể tự hoại có cấu tạo đơn giản, quản lý dễ dàng và có hiệu quả xử lý tương đối cao. Sau đó theo ống nhựa PVC đường kính $\Phi 350$ mm, dài 150m dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt:

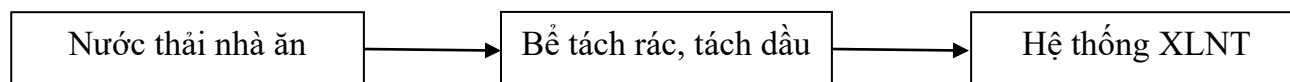
+ Vật liệu: PVC $\Phi 90$ mm

+ Chiều dài: 50 m

Sơ đồ thu gom nước thải sinh hoạt:



Nước thải từ nhà ăn được đưa qua hệ thống bể rác, gạn tách dầu mỡ và thức ăn thừa sau đó nước thải theo đường ống theo ống nhựa PVC đường kính $\Phi 350$ mm dẫn đưa vào hệ thống xử lý nước thải tập trung. Sơ đồ thu gom như sau:



b. Nước thải chăn nuôi

Nước thải chăn nuôi chủ yếu là nước tiểu, nước vệ sinh chuồng trại, nước tắm heo trong chuồng trại được thu gom bởi hệ thống mương bằng gạch, bê tông có kích thước rộng 0,25 m đến 0,35; sâu 0,4m. Nước thải sau khi ra khỏi chuồng nuôi được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng ống PVC có đường kính $\Phi 350$ mm.

Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt:

+ Vật liệu: PVC; Bê tông cốt thép, gạch

+ Kích thước: rộng 0,25m; sâu 0,4m; chiều dài 550m

+ Kích thước: rộng 0,35m; sâu 0,5m; chiều dài 430m

+ Kích thước: ống PVC $\Phi 350$; chiều dài 270m

+ Tổng chiều dài: 1.250 m

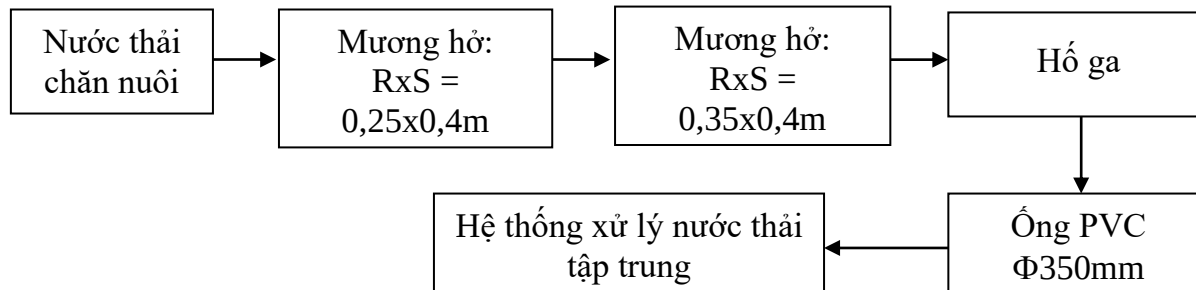
Thông số kỹ thuật hồ ga thu nước thải:

+ Vật liệu: Bê tông cốt thép, gạch

+ Kích thước: D x R x C = 1,2m x 1,2m x 0,5m

+ Số lượng: 60 cái

Nước thải chăn nuôi thu gom theo sơ đồ sau:



Vào mùa nắng: Nước thải sau khi được thu gom và xử lý qua hệ thống xử lý nước thải đạt cột B của QCVN 62-MT:2016/BTNMT – quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, được dẫn qua hồ chứa nước thải sau xử lý. Tại đây một phần nước thải sau xử lý được bơm về hệ thống xử lý nước tái sử dụng để tận dụng phục vụ cấp nước hầm dưới chuồng nuôi phần nước dư còn lại được lưu chứa tại hồ chứa nước sau xử lý.

Vào mùa mưa: Nước thải sau khi được thu gom và xử lý qua hệ thống xử lý nước thải đạt cột B của QCVN 62-MT:2016/BTNMT – quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi được dẫn ra suối Nhỏ giáp trại bằng ống nhựa PVC có đường kính 200 mm. Tại khu vực xả thải không có các điểm khai thác, sử dụng nước, xả nước thải lân cận cùng xả vào nguồn tiếp nhận là suối Nhỏ.

Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung của Trang trại để xử lý nước thải với công suất 250m³/ngày.đêm.

- Điểm xả nước thải sau xử lý:

+ Vị trí xả nước thải: Điểm xả tại suối nhỏ, tọa độ: X: 527.154, Y: 1.296.139 (hệ VN2000, kinh tuyến 106⁰15', múi chiều 3⁰) thuộc ấp Cần Lê xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

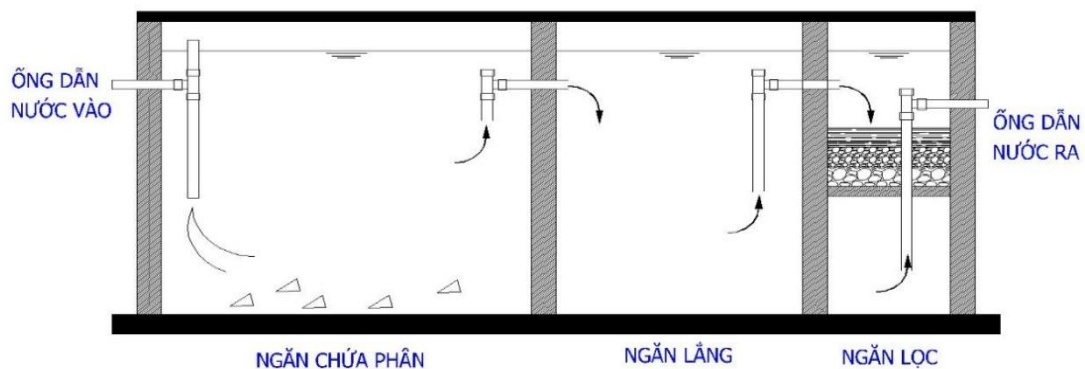
+ Mô tả công trình cửa xả nước thải: nước thải sau xử lý được tự chảy ra suối Nhỏ bằng ống nhựa PVC có đường kính 200 mm. Khoảng cách từ hồ chứa nước sau xử lý của Trang trại đến suối Nhỏ khoảng 50 m thuộc ấp Cần Lê xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

+ Phương thức xả nước thải vào nguồn tiếp nhận: Nước thải sau xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B được xả ra nguồn tiếp nhận theo phương thức tự chảy. Nước thải phát sinh từ các hoạt động của trại được thu gom và xử lý, sau đó theo cống dẫn nước thải xả vào suối nhỏ.

1.3. Công trình xử lý nước thải:

1.3.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt của công nhân viên được thu gom vào hầm tự hoại 03 ngăn bằng hệ thống đường ống PVC Φ90. Bể tự hoại 3 ngăn có hai chức năng chính là lắng và phân hủy cặn lắng với hiệu suất xử lý 40 – 60 %. Thời gian lưu nước trong bể khoảng 20 ngày thì 95 % chất lơ lửng sẽ lắng xuống đáy bể. Cặn được giữ lại trong đáy bể từ 6 – 8 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ bị phân hủy một phần, một phần tạo ra các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Nước thải ở trong bể một thời gian dài để đảm bảo hiệu suất lắng cao rồi mới chuyển qua ngăn lọc và thoát ra ngoài đường ống dẫn. Mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy. Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý bằng hệ thống ống nhựa PVC Φ90mm.



Hình 3. 1. Cấu tạo bể tự hoại 03 ngăn

Thông số kỹ thuật của bể tự hoại xử lý nước thải sinh hoạt: có kết cấu bằng bê tông cốt thép, bể dày thành bể khoảng 0,1 m. Bể tự hoại bom gồm 3 ngăn với kích thước như sau:

+ Số lượng bể tự hoại: Công ty bố trí 05 bể tự hoại tại: Văn phòng, khu vực giữa nhà điều hành và sát trùng, khu vực nhà ở công nhân, khu vực chăn nuôi, khu vực nhà ăn trưa. Với tổng thể tích của bể tự hoại đã xây dựng là 60 m³.

1.3.2. Công trình xử lý nước thải

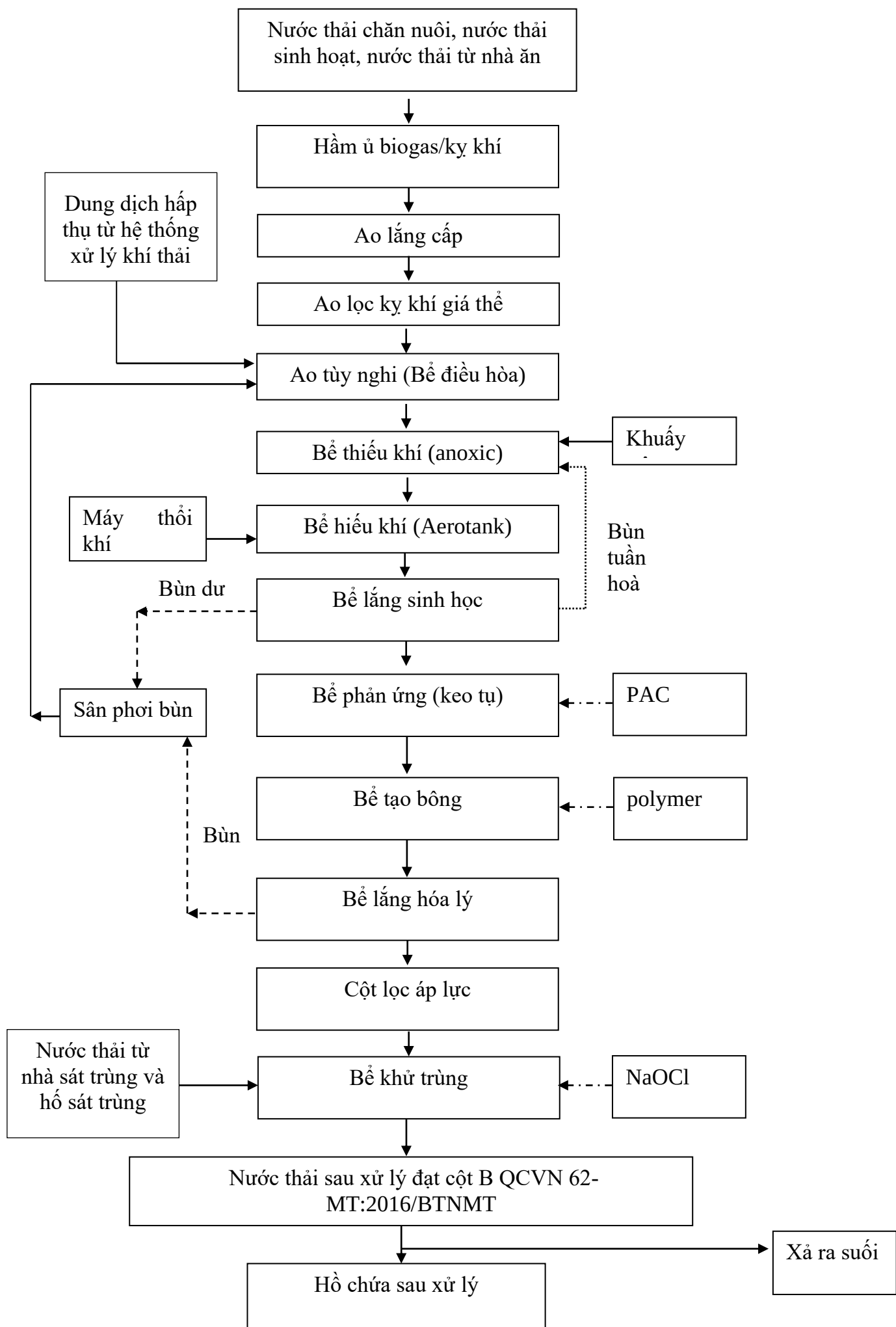
Hiện tại, Công ty đã xây dựng hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải cho Trang trại chăn nuôi heo giống ông bà quy mô 1.200 con heo nái và 100 con heo nọc với công suất thiết kế 250m³/ngày.đêm, đảm bảo xử lý nước thải chăn nuôi, sinh hoạt đạt cột B, theo QCVN 62-MT:2016/BTNMT – quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi. Mùa nắng nước thải sau khi xử lý được tận dụng cấp nước hầm nước dưới chuồng nuôi, rửa chuồng trại chăn nuôi và lưu chứa trong hồ chứa sau xử lý; mùa mưa nước thải sau xử lý sẽ xả ra ngoài môi trường (Suối nhỏ giáp trang trại).

Đối với nước thải từ nhà sát trùng và hồ sát trùng được dẫn vào bể khử trùng;

Đối với dung dịch hấp thụ từ hệ thống xử lý khí thải sau khi trung hoà được dẫn vào bể điều hoà của hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục xử lý;

Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải như sau:

a. Sơ đồ công nghệ



Hình 3. 2. Sơ đồ công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung

b. Thuyết minh sơ đồ công nghệ

Hầm ủ biogas

Hỗn hợp nước từ quá trình chăn nuôi, vệ sinh chuồng trại sang hầm biogas. Tại đây, các vi sinh vật kỵ khí ở dạng lơ lửng sẽ phân hủy các chất hữu cơ có trong nước thải thành các chất vô cơ dạng đơn giản và khí CO_2 , CH_4 , H_2S

Đây là phương pháp xử lý kỵ khí khá đơn giản, thấy ở hầu hết các cơ sở chăn nuôi

Quy mô trang trại, kể cả quy mô hộ gia đình. Ưu điểm của bể Biogas là có thể sản xuất được nguồn năng lượng khí sinh học để thay thế được một phần các nguồn năng lượng khác.

Trong bể Biogas các chất hữu cơ được phân hủy một phần, do đó sau biogas, nước thải có hàm lượng chất hữu cơ thấp và ít mùi hơn. Ngoài ra, trong hầm biogas thay vì xây dựng chúng tôi sử dụng màng chống thấm HDPE với nhiều ưu điểm:

- Thi công đơn giản.
- Giá thành rẻ.
- Vận hành và bảo dưỡng dễ dàng.

Sau thời gian lưu trong bể biogas, nước thải sẽ chảy sang bể điều hòa.

Ao lắng

Nước thải từ bể biogas sẽ được dẫn vào ao lắng vì hàm lượng cặn lơ lửng trong nước thải ra khỏi biogas lớn. Để giảm hàm lượng cặn và thuận lợi cho các công trình xử lý về sau. Nước thải sau khi qua ao lắng sẽ được dẫn về ao lọc kỵ khí giá thể để tiếp tục xử lý.

Ao Lọc kỵ khí giá thể

Nồng độ nước thải sau khi qua ao lắng còn cao, nên việc sử dụng ao kỵ khí trước khi vào cụm xử lý sinh học để giảm nồng độ chất hữu cơ. Giá thể làm lớp đệm sinh học vi sinh vật cố định dính bám và phát triển trên bề mặt vật liệu đệm rắn và tạo thành các lớp màng sinh học. Ở đây xảy ra quá trình phân hủy chất hữu cơ của vi sinh vật để chuyển hóa các hợp chất hữu cơ phức tạp.

Ao tùy nghi (Bể điều hòa)

Nước thải sau khi phân hủy kỵ khí sẽ chảy vào bể điều hòa.

Bể có chức năng chính như sau:

Điều hòa lưu lượng, giảm nhiệt độ nước thải, ổn định nồng độ các chất gây ô nhiễm có trong nước thải, tránh gây sốc tải cho các công trình xử lý phía sau (do chế độ xả nước không ổn định).

Giảm thể tích của các công trình xử lý phía sau, từ đó giảm chi phí đầu tư.

Đảm bảo cho hệ thống luôn hoạt động ổn định;

Bơm nước thải tại bể điều hòa có nhiệm vụ bơm nước thải liên tục từ bể điều hòa sang bể thiếu khí.

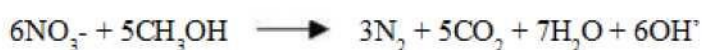
Bể thiếu khí

Nước thải từ bể điều hòa cùng với dòng nước tuần hoàn từ bể hiếu khí sang sẽ hòa trộn tại bể thiếu khí.

Dòng tuần hoàn từ bể hiếu khí chứa hàm lượng nitrit (NO_2^-), nitrat (NO_3^-) cao đưa sang bể thiếu khí. Tại đây, các vi khuẩn dị dưỡng tùy tiện còn gọi là vi khuẩn khử nitrat khử nitrat thành khí N_2 .

Các vi khuẩn dị dưỡng cần nguồn carbon như là nguồn thức ăn để sinh trưởng và phát triển. Vi khuẩn khử nitrat sử dụng nguồn oxy từ các phân tử nitrat cho hoạt động của mình. Quá trình thiếu khí khử nitrat diễn ra hiệu quả khi DO thấp hơn 0,5mg/l, lý tưởng hơn cả là DO thấp hơn 0,2mg/l. Khi đó vi khuẩn sẽ gây liên kết trong ion nitrat để lấy oxy. Kết quả là nitrat bị khử thành N_2O và cuối cùng là N_2 , sản phẩm cuối cùng thân thiện với môi trường.

Quá trình khử nitrat thể hiện qua phương trình:



Bể sinh học hiếu khí

Quá trình sinh học hiếu khí đã được chứng minh rất hiệu quả trong các hệ thống xử lý nước thải có chứa nhiều chất hữu cơ. Đây là quy trình đã được cải tiến các thông số thiết kế, vận hành để đem lại hiệu quả xử lý cao và chi phí đầu tư, vận hành thấp.

Dưới sự cung cấp oxy không khí từ hệ thống máy thổi khí, các vi sinh hiếu khí sẽ sinh trưởng và phát triển sinh khối nhờ vào quá trình tiêu thụ các chất hữu cơ ô nhiễm. Cụ thể quá trình như sau:

- Không khí được đưa vào bằng máy thổi khí, lượng oxy hòa tan trong nước thải luôn được duy trì trong khoảng 2 - 4 mg/L nhằm đảm bảo cung cấp đủ lượng oxy cho sinh vật sống tiêu thụ chất hữu cơ trong nước thải. Tại đây các chất hữu cơ ô nhiễm được vi sinh vật sử dụng làm nguồn thức ăn để tạo nên tế bào mới. Sản phẩm của quá trình này chủ yếu là CO_2 , H_2O và sinh khối vi sinh vật. Trong quá trình phân hủy chất hữu cơ, vi sinh vật cũng tiêu tốn một lượng nhỏ Nitơ và Photpho. Do đó, hỗn hợp NPK cũng được bơm vào tại đây để cung cấp cơ chất cho vi sinh phát triển.

Quá trình oxy hóa tạo nitrit, nitrat từ amoniac nhờ vào hoạt động của vi sinh cụ thể như sau:

$2\text{NH}_4^+ + 3\text{O}_2 + \text{Nitrosomonas} \rightarrow 2\text{NO}_2^- + 2\text{H}_2\text{O} + 4\text{H}^+ + \text{Năng lượng}$ Đây là phản ứng nitrite hóa

$2\text{NO}_2^- + \text{O}_2 + \text{Nitrobacter} \rightarrow 2\text{NO}_3^- + \text{Năng lượng}$ Đây là phản ứng nitrate hóa

$\text{NH}_4^+ + 2\text{O}_2 \rightarrow \text{NO}_3^- + 2\text{H}^+ + \text{H}_2\text{O} + \text{Năng lượng}$ Đây là phản ứng nitrate hóa tổng quát.

Dòng chứa nitrit, nitrat sẽ được tuần hoàn về bể thiếu khí để tiếp tục khử thành khí nitrogen.

Bể lắng sinh học

Hỗn hợp nước + bông bùn sinh học từ bể hiếu khí sẽ chảy sang bể lắng sinh học. Tại đây, bùn sinh học sẽ được lắng lại tại đây còn nước tiếp tục chảy qua máng thu nước sang bể phản ứng (keo tụ). Phần bùn tại bể lắng sẽ được chia thành hai dòng như sau:

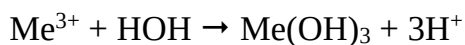
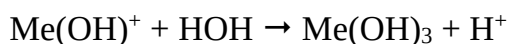
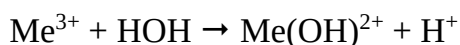
- Dòng tuần hoàn trở lại bể sinh học để duy trì nồng độ sinh khối giúp quá trình khử BOD đạt hiệu quả cao.
- Dòng bùn dư sẽ đưa về sân phơi bùn để tiếp tục xử lý.

Bể phản ứng

Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý sinh học để xử lý hết các hợp chất hữu cơ hòa tan sẽ tiếp tục dẫn sang bể phản ứng để tiếp tục xử lý các cặn lơ lửng, không loại bỏ được trong quá trình sinh học. Dung dịch PAC được bơm định lượng đưa vào để thực hiện quá trình keo tụ.

Quá trình keo tụ thực chất là quá trình nén lớp điện tích kép. Quá trình này đòi hỏi thêm vào nồng độ cao các ion trái dấu để trung hòa điện tích, giảm thế điện động Zeta.

Hóa chất keo tụ PAC sau khi thêm vào sẽ thủy phân, tạo ra các ion dương như sau:

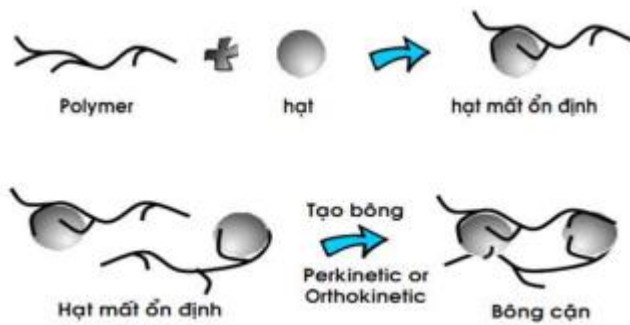


Các ion mang điện tích trái dấu này sẽ phá vỡ tính bền của hệ keo, thu hẹp điện thế Zeta về mức thế 0. Khi đó lực đẩy tĩnh điện giữa các hạt bằng không, tăng khả năng kết dính của các hạt keo, tạo ra các hạt có kích thước lớn hơn.

Nước sau quá trình keo tụ sẽ dẫn sang bể tạo bông.

Bể tạo bông

Để tách các cặn nhỏ sinh ra ở quá trình keo tụ dễ dàng hơn, nước thải được dẫn qua bể tạo bông và dung dịch Polymer sẽ thêm vào nhằm tạo ra các cầu nối để bắt giữ các bông cặn nhỏ này, tạo thành các bông cặn lớn hơn, dễ tách loại ra khỏi nước. Cơ chế tạo cầu nối và hình thành bông cặn cụ thể như sau:



Nước sau quá trình keo tụ - tạo bông sẽ dẫn sang bể lắng hóa lý

Bể lắng hóa lý

Nước thải sau quá trình xử lý hóa lý chứa nhiều bông bùn. Do vậy cần phải tách những bông bùn này ra khỏi bể lắng trước khi qua quá trình xử lý tiếp theo. Bể lắng hóa lý được thiết kế nhằm mục đích lắng bông bùn hóa lý bằng quá trình lắng trọng lực.

Bể chia làm 3 phần:

- Phần nước trong;
- Phần lắng;
- Phần chứa bùn.

Nước đưa vào ống trung tâm rồi từ đó phân phối đều khắp bể. Dưới tác dụng của trọng lực và tấm chắn hướng dòng các bông bùn lắng xuống đáy, nước trong di chuyển lên trên. Phần nước trong sẽ được thu gom qua hệ thống máng tràn đến bể trung gian. Còn phần bùn lắng sẽ được bơm đến sân phơi bùn để xử lý.

Bể trung gian

Nước sau lắng hóa lý chảy qua bể trung gian để chuẩn bị cho quá trình lọc áp lực.

Cột lọc áp lực

Bồn lọc áp lực có nhiệm vụ khử chất rắn lơ lửng (SS) không lắng được và các chất hữu cơ còn lại trong nước sau xử lý hóa lý trước khi thải vào nguồn tiếp nhận.

Hệ thống lọc sau một thời gian vận hành liên tục sẽ bị tắc lọc hoặc lưu lượng sau lọc giảm do trở lực ngày càng lớn nên cần phải tiến hành rửa lọc theo định kỳ để loại bỏ cặn.

Bể khử trùng

Nước sau quá trình lọc sẽ chảy qua bể khử trùng. Tại đây, nước được khử trùng bằng NaOCl trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

Quá trình tiêu diệt vi sinh vật xảy ra qua hai giai đoạn. Đầu tiên chất khử trùng khuếch tán xuyên qua vỏ tế bào vi sinh, sau đó phản ứng với men bên trong tế bào và phá hoại quá trình trao đổi chất dẫn đến sự diệt vong của tế bào vi sinh.

Mục đích của khử trùng nhằm loại bỏ các vi trùng, vi khuẩn... gây bệnh còn sót lại trong nước sau xử lý.

Sân phơi bùn

Lượng bùn sinh ra ở bể lắng hóa lý và bể lắng sinh học được đưa về sân phơi bùn. Tại đây bùn được tách nước. Nước tách từ bùn được dẫn về bể điều hòa để xử lý lại, phần bùn khô sẽ được thu gom để làm phân bón cho vườn cây trang trại.

Nước thải sau xử lý nước thải đạt cột B, theo QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi. Mùa nắng nước thải sau khi xử lý được tận dụng cấp nước hầm nước dưới chuồng nuôi, rửa chuồng trại chăn nuôi và lưu chứa trong hồ chứa sau xử lý còn mùa mưa xả ra ngoài môi trường (Suối nhỏ).

Bảng 3. 1. Thông số kỹ thuật, các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải

Stt	Hạng mục công trình	Thông số kỹ thuật
1	<i>Hầm ủ biogas/kỵ khí</i>	- Kích thước: D x R x C = 74 x 34 x 10m - Vật liệu: lót và phủ bạt HDPE.
2	<i>Ao lắng cấp</i>	- Kích thước: D x R x C = 108 x 25 x 7m - Vật liệu: lót bạt HDPE.
3	<i>Ao lọc kỵ khí giá thể</i>	- Kích thước: D x R x C = 108 x 25 x 7m - Vật liệu: lót bạt HDPE.
4	<i>Ao tùy nghi (Bể điều hòa)</i>	- Kích thước: D x R x C = 63 x 20 x 7m - Vật liệu: lót bạt HDPE.
5	<i>Bể thiếu khí</i>	- Kích thước: D x R x C = 7,2 x 3,8 x 4m - Vật liệu: Bê tông cốt thép, có quét vật liệu chống thấm.
6	<i>Bể hiếu khí</i>	- Kích thước: D x R x C = 9,2 x 5,5 x 4m - Vật liệu: Bê tông cốt thép, có quét vật liệu chống thấm.
7	<i>Bể lắng sinh học</i>	- Kích thước: D x R x C = 4,8 x 4,8 x 4m - Vật liệu: Bê tông cốt thép, có quét vật liệu chống thấm.
8	<i>Bể phản ứng (keo tụ)</i>	- Kích thước: D x R x C = 1,6 x 1,2 x 4m - Vật liệu: Bê tông cốt thép, có quét vật liệu chống thấm.
9	<i>Bể tạo bông</i>	- Kích thước: D x R x C = 1,6 x 1,2 x 4m - Vật liệu: Bê tông cốt thép, có quét vật liệu chống thấm.
10	<i>Bể lắng hóa lý</i>	- Kích thước: D x R x C = 3,4 x 3,4 x 4m

Stt	Hạng mục công trình	Thông số kỹ thuật
		- Vật liệu: Bê tông cốt thép, có quét vật liệu chống thấm.
11	Cột lọc áp lực	- Kích thước: D x H = 1,2 x 2m - Vật liệu: inox
12	Bể khử trùng	- Kích thước: D x R x C = 3,6 x 1,3 x 4m - Vật liệu: Gạch, bê tông cốt thép, có quét vật liệu chống thấm. - Số lượng: 3 bể
13	Sân phơi bùn	- Kích thước: D x R x C = 2,8 x 12,5 x 0,8m (4 ô) - Vật liệu: Gạch, bê tông cốt thép, có quét vật liệu chống thấm.
14	Hồ chứa nước tái sử dụng	- Kích thước: D x R x C = 70 x 40 x 7m - Vật liệu: lót bạt HDPE.

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước

+ Danh mục các thiết bị lắp đặt cho hệ thống xử lý nước thải

Danh mục các hạng mục, thiết bị lắp đặt cho hệ thống xử lý nước thải được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3. 2. Danh mục các hạng mục, thiết bị lắp đặt cho HTXL nước thải

STT	Tên hạng mục	Tên thiết bị/ Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
01	Bể điều hòa	+ Bơm nước thải loại: Bơm chìm, cánh hở + $H \geq 8\text{mH}$, + $Q \geq 13\text{m}^3/\text{h}$, 3 phases/380V, 50Hz, + $N \geq 0.75\text{kW}$, cấp bảo vệ kín nước IP-55.	Japan/ Italy	Bộ	2
02	Bể thiếu khí	Motor khuấy trộn: $n \geq 30\text{rpm}$, $H \geq 0.75\text{kw}$, 380V/3phase 50Hz	G7	Bộ	2
03	Bể sinh học hiếu khí	Máy thổi khí: $Q \geq 8.5\text{m}^3/\text{min}$, $H \geq 5000\text{mmAq}$, $N \geq 10\text{kw}$, 3ph/380v, 50hz, IP-54,	Japan	Bộ	2
		Đĩa thổi khí	USA	Hệ	1
04	Bể lắng sinh học	Motor gạt bùn bể lắng: 0.1rpm, 0.75 Kw, 380V/3phase/50Hz, IP-54	G7	Bộ	1

STT	Tên hạng mục	Tên thiết bị/ Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng
		- Hệ thống thu nước, dàn cào bùn			
		- Bơm bùn bể lắng	Việt Nam	Bộ	1
05	Bể phản ứng	- Motor khuấy trộn: 60rpm, 0.4kw, 380V/3phase 50Hz.	G7	Bộ	1
		- Trục và cánh khuấy.	Việt Nam	Bộ	1
		- Bơm định lượng: Bơm màng định lượng, 100l/h, 45W, 220V/1phase	USA	Bộ	1
		- Bồn chứa hóa chất: 1000L	Việt Nam	Bộ	1
06	Bể tạo bông	Motor khuấy trộn: 30rpm, 0.4kw, 380V/3phase 50Hz.	G7	Bộ	1
		- Trục và cánh khuấy.	Việt Nam	Bộ	1
		- Bơm định lượng: Bơm màng định lượng, 100l/h, 45W, 220V/1phase	USA	Bộ	1
		- Bồn chứa hóa chất: 1000L	Việt Nam	Bộ	1
07	Bể lắng hóa lý	Hệ thống thu nước. - Bơm bùn bể lắng	Việt Nam	Bộ	1
08	Bể trung gian	Bơm lọc: Bơm trục ngang, cánh kín $Q \geq 15.0\text{m}^3/\text{h}$, $H \geq 20\text{mH}$, $N \geq 3\text{kW}$, 380V/3pha, cấp bảo vệ kín nước IP55	Italy	Bộ	1
09	Thiết bị lọc áp lực	Thể tích: DxH=1200x2000 Vật liệu: Cát Thạch Anh, sỏi	Việt Nam	Thiết bị	1
10	Bể khử trùng	Bơm định lượng: Bơm màng định lượng, 100l/h, 45W, 220V/1phase	USA	Bộ	1
		Bồn chứa hóa chất: 1000L	Việt Nam	Bộ	1

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước

- Tính toán nhu cầu dùng nước đã qua xử lý cho các hoạt động của trang trại:

Như tính toán tại chương 1, nhu cầu dùng nước tái sử dụng có thể áp dụng cho các hoạt động sau:

+ Nước dùng cho bể chứa phía dưới tấm đan: 140,674 m³/ngày.

+ Nước vệ sinh tắm làm mát 0,36 m³/ngày.

+ Nước xịt rửa đan be tông: 5,184 m³/ngày

Như vậy, tổng nhu cầu nước tái sử dụng khoảng 135,13 m³/ngày.

- *Lượng nước còn dư:*

Với tổng lượng nước thải phát sinh là 206,668 m³/ngày

Lượng nước tái sử dụng cho rửa chuồng và cấp hầm (không dùng cho hoạt động chăn nuôi) là 140,674 m³/ngày.

Vì vậy lượng nước sau khi tái sử dụng còn dư với lưu lượng là 65,994 m³/ngày.

Vào mùa mưa trại sẽ xả toàn bộ nước thải ra ngoài môi trường với lưu lượng: 206,668 m³/ngày.

Vào mùa nắng do khu vực thiếu nước nên nước thải sau xử lý một phần tái sử dụng khoảng 140,684 m³/ngày, phần còn lại 65,994 m³/ngày được chứa trong hồ chứa nước sau xử lý để dùng dự phòng cho trang trại.

Hồ chứa nước sau xử lý có kích thước 70x40x7m =19.600 m³/ngày.

Nước thải sau xử lý cần lưu chứa trong mùa mưa (6 tháng) khoảng 65,994 m³/ngày x 180 ngày =11.878,92 m³/ngày.

Hồ chứa nước sau xử lý của trang trại đảm bảo lưu nước trong mùa nắng để dự phòng cho trang trại.

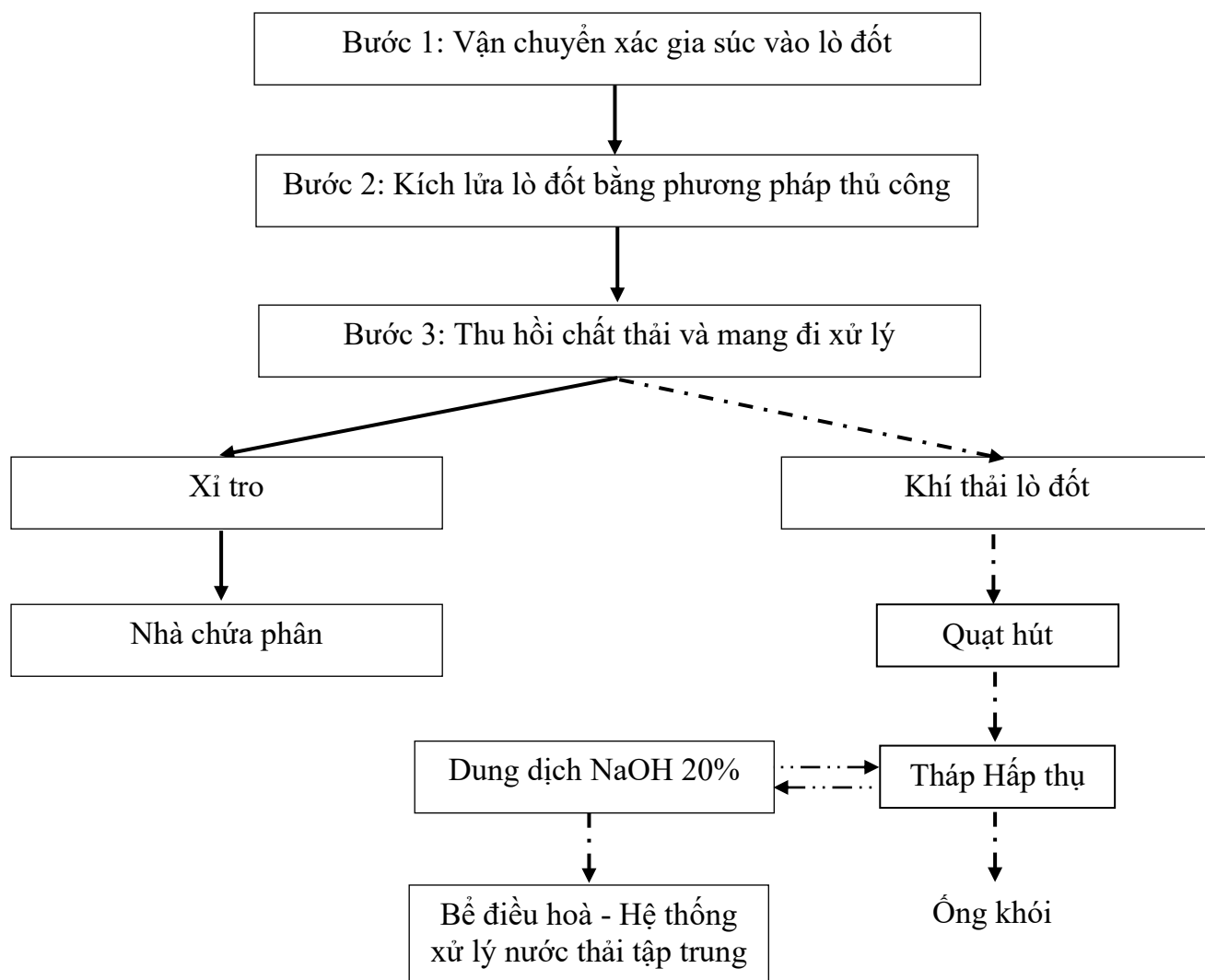
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

a. Biện pháp giảm thiểu khí thải từ lò đốt xác heo

Chủ dự án đã lắp đặt 01 lò đốt công suất 150kg/giờ sử dụng nhiên liệu từ biogas để đốt xác heo chết không do dịch bệnh và nhau thai. Đối với heo chết do dịch bệnh chủ dự án sẽ thông báo đến cơ quan chức năng để xử lý theo đúng hướng dẫn và quy định của pháp luật.

Chủ dự án đã lắp đặt hệ thống xử lý khí thải lò đốt xác heo chết không do dịch bệnh và nhau thai có quy trình như sau:

✓ **Sơ đồ công nghệ**



Hình 3. 3. Sơ đồ công nghệ xử lý khí thải lò đốt.

✓ **Thuyết minh sơ đồ công nghệ**

Heo chết không do dịch bệnh và nhau thai được thu gom về lò đốt của Trại. Tại đây, các nhân công vận hành lò đốt sẽ vận chuyển xác vào bên trong lò đốt và kích lửa bằng phương pháp thủ công.

Sau một thời gian cháy với nhiệt độ lớn, xác động vật sẽ hoàn toàn được phân hủy thành khí và xỉ tro. Xỉ tro sẽ được kéo ra khỏi lò đốt và mang về nhà để tro.

Khí thải sau khi ra khỏi lò đốt sẽ được dẫn đến hệ thống xử lý khí thải. Khí này sẽ được đi qua hệ thống phun nước làm mát hấp thụ bụi sau đó sẽ được dẫn đến tháp hấp thụ. Tháp hấp thụ vận dụng phương pháp trung hòa, dùng pec phun liên tục để trộn đều hóa chất NaOH 20% vào khí. Hóa chất dư sẽ được thu hồi về bồn chứa hóa chất và tuần hoàn lại pec phun. Định kỳ 1 tháng dung dịch xử lý khí thải đã trung hòa hóa chất từ buồng xử lý khí sẽ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải để tiếp tục chu

trình xử lý.

Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19: 2009/BTNMT, cột B và QCVN 20: 2009/BTNMT dẫn đến ống khói có đường kính 168mm; cao 5m tính từ mặt đất và thải ra ngoài môi trường.

Danh mục thiết bị sử dụng trong hệ thống xử lý khí thải lò đốt:

Bảng 3. 3 Thiết bị sử dụng trong hệ thống xử lý khí thải lò đốt

STT	Hạng mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Hệ thống đường dẫn khí từ lò sấy tới tháp hấp thụ	D = 168mm Vật liệu: thép không gỉ	Hệ thống	1
2	Ống khói	D = 168mm; cao 5m tính từ mặt đất Vật liệu: thép không gỉ	ống khói	1
3	Tháp hấp thụ	$\Phi = 500\text{mm}$; h = 1,2m; Vật liệu: thép	Tháp	1
4	Đường ống hoá chất	Vật liệu: Nhựa PVC	Hệ thống	1
5	Bồn chứa hóa chất	Vật liệu: Nhựa Dung tích: 1.000l	Bồn	1
6	Bơm dung dịch hấp thụ	Công suất: $Q_{\max} = 0.26\text{m}^3/\text{phút}$ Xuất xứ: JAPFA	Bơm	1
7	Quạt hút	Công suất: 1HP Xuất xứ: JAPFA	Quạt	1

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước

b. Biện pháp giảm thiểu bụi và khí thải từ máy phát điện dự phòng

Dự án có sử dụng 02 máy phát điện dự phòng gồm 01 máy công suất là 700 KVA và 01 máy công suất 330 KVA.

Để giảm thiểu bụi và khí thải từ các máy phát điện dự phòng, công ty sẽ thực hiện các biện pháp như sau:

- Bảo dưỡng các máy phát điện định kỳ. Sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp.
- Máy phát điện có bộ phận thanh lọc khí thải kèm theo máy để hạn chế các tác động đến môi trường không khí.

Máy phát điện đặt trên bệ bê tông chắc chắn, giữa có chèn lớp cao su đàn hồi nhằm giảm thiểu độ rung lan truyền, đồng thời đảm bảo máy phát điện hoạt động được

lâu dài.

c. Biện pháp giảm thiểu bụi ô nhiễm mùi

- Đối với hơi Clo, Flo phát sinh từ khâu khử trùng trại heo

Chủ đầu tư sẽ trang bị khẩu trang, quần áo bảo hộ lao động cho các công nhân viên làm việc tại trang trại. Hơi hoá chất phát sinh từ hoạt động khử trùng chuồng trại là nguồn phân tán, do vậy sẽ không thể thu gom và xử lý triệt để. Phương án tối ưu để đảm bảo an toàn cho các khu vực xung quanh, dự án tiến hành trồng hệ thống cây xanh trong và quanh phạm vi khu vực trang trại.

- Mùi từ quá trình chăn nuôi heo + phân heo

+ Phân heo phát sinh hằng ngày cùng lượng cám thực phẩm dư thừa rơi vãi là tác nhân gây mùi chủ yếu. Hằng ngày, phân heo lẫn trong nước thải dưới hầm nước của chuồng nuôi được dẫn xuống hầm biogas.

+ Trại không chế ô nhiễm mùi bằng các biện pháp sau: Sử dụng các hóa chất không chế mùi thuộc các dạng: thuốc ngậy trang, chất trung hòa mùi, những hóa chất hấp phụ mùi, những sản phẩm enzym nhằm thay đổi những hoạt động sinh học có khả năng không chế mùi, thường sử dụng chế phẩm EM và trang bị hệ thống quạt hút hoạt động liên tục làm cho độ ẩm trong thực phẩm và phân heo giảm đi đáng kể.

+ Bố trí trồng cây xanh và lắp đặt các tấm màn che chắn phía sau hệ thống quạt hút thông gió của chuồng nuôi để hạn chế và giảm thiểu mùi hôi phát tán ra môi trường xung quanh. Dự án lắp đặt mỗi dãy chuồng nuôi 2 quạt hút thông gió (dự án có tổng số 18 dãy chuồng nuôi với tổng số quạt hút là 36 quạt hút thông gió).

+ Tần suất: Thường xuyên vệ sinh chuồng trại sạch sẽ.

Quy trình xử lý mùi hôi cho trại chăn nuôi heo bằng EM

- **Chuồng trại và heo:** Heo nuôi thường có mùi hôi, cho nên dùng EM pha với nước sạch. Tỷ lệ pha 1lít EM cho 200 – 500 lít nước. Phun đều cho chuồng nuôi kể cả phun làm mát cho heo (phun lên mình heo), phun định kỳ 2 – 3 lần/ngày. Luôn vệ sinh chuồng trại sạch sẽ.

- **Nhà để phân:** Hiện nay trại không để phân trong nhà để phân mà phân được đẩy toàn bộ xuống hầm biogas nên không phát sinh mùi từ công trình này.

- Phân vùng quản lý và thu gom chất thải. Thường xuyên bố trí công nhân thu gom chất thải, quét dọn vệ sinh chuồng trại để xử lý tránh gây phát tán ra môi trường xung quanh.

- Xây dựng hầm biogas để xử lý chất thải. Theo nguyên lý hầm biogas là dạng phân hủy chất hữu cơ trong điều kiện yếm khí do vậy việc phát tán mùi trong quá trình này khó xảy ra, chỉ xảy ra khi có sự cố. Các hệ thống mương rãnh dẫn nước thải đều thiết kế kín (để tránh thoát mùi) và có nắp đậy (để thuận tiện khi tiến hành nạo vét). Trong trang trại, xây dựng chuồng thông thoáng, bố trí các thùng rác có nắp đậy và

thường xuyên thu gom xử lý. (Dung tích thùng rác khoảng 200lít).

- Vấn đề thiết yếu để góp phần pha loãng nồng độ khí thải và mùi phát sinh trong và ngoài khu vực trang trại là trồng cỏ và cây xanh, cùng với phương án quy hoạch ao cá. Trang trại cần bố trí trồng thêm cây xanh dọc các đường đi lại và các khuôn viên nhỏ trồng cây cảnh hoặc hoa bên trong trang trại.

(1) Biện pháp giảm thiểu mùi từ hệ thống xử lý nước thải

- Hệ thống mương dẫn nước thải phải là hệ thống kín, để tránh phát sinh mùi ra ngoài môi trường.

- Phủ bạt HDPE cho các hầm Biogas dưới lớp lót đáy có bề dày 0,75 milimet, phủ trên 1,5 milimet để tránh thủng và phát sinh mùi ra ngoài.

(2) Biện pháp giảm thiểu tác động từ khí Biogas

Khí Biogas sinh ra nếu không được quản lý sẽ dẫn đến nguy cơ gây cháy nổ. Chủ dự án sẽ tận dụng một phần lượng Biogas sinh ra phục vụ cho các hoạt động lò đốt xác heo, phần khí Biogas dư thừa sẽ được đốt bỏ để tránh nguy cơ cháy nổ.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Chức năng: Lưu chứa CTR sinh hoạt.

Thông số kỹ thuật cơ bản:

+ Vị trí khu vực chứa CTR sinh hoạt: bố trí thùng nhựa HDPE có nắp đậy và được bố trí nhà ăn (2 cái), nhà ở của công nhân (2 cái), nhà bảo vệ (1 cái), nhà điều hành (2 cái).

Thành phần, khối lượng CTR sinh hoạt:

+ Thành phần: Thành phần chất thải rắn sinh hoạt bao gồm các loại chất khác nhau như rau, vỏ hoa quả, xương, giấy, vỏ đồ hộp...Chất thải sinh hoạt có chứa 60 – 70% chất hữu cơ và 30 – 40% các chất khác. Việc phân loại rác theo Luật bảo vệ môi trường 2020 và Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

+ Khối lượng: 50 kg/ngày.

Phương án thu gom: Công ty hợp đồng với đơn vị trên địa bàn huyện có chức năng thu gom và xử lý tuân thủ các quy định hiện hành.

a. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn không nguy hại

b.1. Đối với chất thải rắn thông thường

+ Vị trí kho chứa CTR thông thường: hiển thị trên bản vẽ tại Phụ lục.

+ Diện tích: 1 kho với diện tích khoảng 30 m².

+ Kết cấu: Nền, móng bê tông cốt thép, tường xây gạch, sơn nước hoàn thiện, mái tôn. Bên trong được ngăn vách phân chia khu lưu trữ từng loại chất thải theo quy định. Có biển ghi chú khu vực lưu chứa chất thải.

+ Tần suất thu gom: 1 tháng/lần.

Thành phần, khối lượng CTR thông thường:

+ Thành phần: thùng carton, bao bì đựng lọ, thuốc,...

+ Khối lượng: 4.680 kg/ngày. Nguồn phát sinh: chất thải công nghiệp thông thường phát sinh chủ yếu từ hoạt động chăn nuôi và khu vực văn phòng.

Chi tiết khối lượng chất thải thông thường được trình bày như sau:

Bảng 3. 4: Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Ghi chú
1	Tấm làm mát hư hỏng	Rắn	90	-		
2	Bao bì cám (bao cám dự trữ)	Rắn	360	-		
3	Bao bì của các loại thuốc	Rắn	30	13 02 04	TT	Chất thải không yêu cầu thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa lây nhiễm
4	Xác heo chết không do dịch bệnh	Rắn	3.000			
5	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	Rắn	1.200	12 06 13	TT	
Tổng			4.680			

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam-Chi nhánh Bình Phước

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh được chuyển giao hoàn toàn cho đơn vị chức năng, không thực hiện tái sử dụng. Lượng chất thải công nghiệp thông thường nếu có dính thành phần nguy hại sẽ được phân loại và quản lý như là chất thải nguy hại.

Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải cũng được phơi khô bằng sân phơi bùn, sau đó lưu chứa tại nhà chứa phân của dự án và bón cho vườn cây của trang trại.

Phương án thu gom: Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom đưa đi xử lý theo quy định.

b.2. Đối với phân heo

Hiện nay trại không tách và thu gom phân heo, mà phân được đẩy toàn bộ xuống hầm biogas.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Chức năng: Lưu chứa chất thải nguy hại (trừ heo chết do dịch bệnh)

Thông số kỹ thuật cơ bản:

+ Vị trí kho chứa CTNH: hiển thị trên bản vẽ tại Phụ Lục.

+ Diện tích: 01 kho với diện tích khoảng 30 m²

+ Kết cấu: Nền, móng bê tông cốt thép, tường xây gạch, mái tôn. Có biển ghi chú khu vực lưu chứa chất thải nguy hại. Nền láng xi măng và lớp Sica chống thấm, bên trong được thiết kế phòng ngừa tràn đổ chất thải nguy hại dạng lỏng (gờ chống tràn). Kho lưu chứa CTNH có biển cảnh báo, kho đặt khoảng 9 thùng chứa HDPE nắp đậy dung tích 120L đối với những loại hóa chất nguy hại dễ bay hơi và trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy... và tuân theo các quy định khác được hướng dẫn tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi Trường.

+ Bố trí trong kho: Chất thải nguy hại được thu gom và lưu giữ vào thùng chứa riêng biệt có nắp đậy và dán nhãn trên mỗi khu vực theo quy định.

+ Tần suất thu gom: 6 tháng/lần.

Thành phần, khối lượng CTNH như sau: theo dự kiến của chủ dự án theo tình hình sản xuất tại công suất tối đa thì khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động ổn định của dự án như sau:

Bảng 3. 5: Danh sách chất thải nguy hại

STT	Tên chất thải nguy hại	Mã CTNH	Trạng thái (thể) tồn tại	Khối lượng năm 2023 (kg/năm)	Khối lượng đăng ký (kg/năm)	Tính chất nguy hại chính	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	200	300	Đ, ĐS	NH
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), bao tay, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	-	100	Đ, ĐS	KS
3	Hộp mực in thải	08 02 04	Rắn	-	50	Đ, ĐS	KS
4	Bao bì mềm thải	18 01 01	Rắn		50	Đ, ĐS	KS
5	Bao bì kim loại cứng thải	18 01 02	Rắn	-	50	Đ, ĐS	KS
6	Bao bì nhựa thải	18 01 03	Rắn	-	50	Đ, ĐS	KS

7	Bao bì thải bằng các vật liệu khác: chai, lọ thủy tinh,...	18 01 04	Rắn	-	10	Đ, ĐS	KS
8	Dụng cụ thuốc thú y thải	13 02 01	Rắn, Lỏng	300	400	LN	NH
9	Dung dịch thuốc thú y thải	13 02 02	Rắn, lỏng	-	50	Đ, ĐS	KS
TỔNG				500	1.060		

Nguồn: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam-Chi nhánh Bình Phước

Nguồn phát sinh CTNH chủ yếu là từ các hoạt động phục vụ chăn nuôi và các hoạt động phụ trợ khác. Các loại CTNH được lưu trữ tại kho chứa CTNH trước khi chuyển giao cho đơn vị chức năng.

Phương án thu gom: Công ty đã hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển chất thải nguy hại dự kiến là Công Ty TNHH Môi Trường Cao Gia Quý.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

a. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

* *Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung tại dự án:* Tại dự án có 02 nguồn phát sinh tiếng ồn đáng kể của 2 máy phát điện, tuy nhiên đây là nguồn ồn gián đoạn, không thường xuyên và chỉ phát sinh khi có sự cố mất điện tại dự án.

* *Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung tại dự án:*

Lắp đặt thiết bị có chất lượng tốt đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật;

Gia cố nền móng để giảm độ rung và tiếng ồn;

Thường xuyên bảo dưỡng trang thiết bị;

Bố trí thời gian sản xuất và vận hành máy móc hợp lý;

Trồng và chăm sóc cây xanh trong phạm vi dự án, đảm bảo tỷ lệ cây xanh theo quy định

Đối với những công nhân trực tiếp sản xuất tại khu vực ô nhiễm tiếng ồn, độ rung:

+ Công nhân và quản lý phải được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách, vận hành đúng kỹ thuật.

+ Tuân thủ thời gian làm việc theo đúng quy định

+ Chú trọng tăng mức độ tự động hóa của thiết bị

+ Trang bị bảo hộ lao động cá nhân tại các khu vực phát sinh tiếng ồn cao.

b. Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung của trang trại:

- Giới hạn đối với tiếng ồn: Đảm bảo đạt QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, áp dụng đối với khu vực thông thường, cụ thể:

+ Từ 06 giờ đến 21 giờ: 70 dBA.

+ Từ 21 giờ đến 06 giờ: 55 dBA.

- Giới hạn đối với độ rung: Đảm bảo đạt QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, áp dụng đối với khu vực thông thường, cụ thể:

+ Từ 06 giờ đến 21 giờ: 75 dB.

+ Từ 21 giờ đến 06 giờ: Mức nền (là mức gia tốc rung đo được khi không có các hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng tại các khu vực được đánh giá).

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm tương tự như giai đoạn vận hành ổn định, cụ thể như sau:

6.1 Quản lý chương trình vaccin có hiệu quả

Xác định đúng danh mục các bệnh phải tiêm phòng bắt buộc của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành và yếu tố dịch tễ lưu ý thuộc các chủng mầm bệnh đang thịnh hành tại vùng tỉnh Bình Phước và vùng lân cận. Hiện trạng miễn dịch và sự duy trì kháng thể có thể được kiểm tra bằng phương pháp thử huyết thanh thích hợp. Hiệu quả của chương trình phải được giám sát bằng các kiểm tra huyết thanh trong phòng thí nghiệm đối với các mẫu lấy từ các đàn.

Khi thực hiện việc tiêm vaccin phải có sự phân công trách nhiệm được ghi chép chi tiết và chữ ký của người chịu trách nhiệm. Áp dụng các biện pháp thực hiện nghiêm ngặt, ghi chép đầy đủ, duy trì quy định tiêm phòng thường xuyên theo lứa tuổi.

6.2 Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nhiễm bệnh và lan truyền dịch bệnh

Chương trình vệ sinh phòng dịch của khu trại sẽ được thực hiện nghiêm ngặt và đúng theo Luật thú y số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 và Thông tư 07/2016/TT-BNNPTNT quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

a. Biện pháp phòng dịch

Nơi chăn dựng cụ dùng trong chăn nuôi phải được vệ sinh, khử trùng, tiêu độc, diệt vật chủ trung gian định kỳ và sau mỗi đợt nuôi; nơi chăn nuôi phải theo quy hoạch của địa phương hoặc được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

Chất thải trong chăn nuôi phải được xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Con giống, thức ăn sử dụng trong chăn nuôi phải bảo đảm an toàn dịch bệnh, vệ sinh thú y và theo quy định của pháp luật về giống vật nuôi, pháp luật về thức ăn chăn nuôi.

Động vật phải được phòng bệnh bắt buộc đối với bệnh truyền nhiễm nguy hiểm theo yêu cầu của cơ quan quản lý địa phương.

Vắc-xin phòng bệnh bắt buộc trong các chương trình khống chế, thanh toán dịch bệnh động vật, phòng, chống dịch bệnh khẩn cấp do ngân sách nhà nước hỗ trợ; cơ quan quản lý địa phương chịu trách nhiệm xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng vắc-xin phòng bệnh động vật.

b. Xử lý dịch bệnh

Cách ly ngay động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh.

Không giết mổ, mua bán, vứt động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh, động vật chết, sản phẩm động vật mang mầm bệnh ra môi trường.

Thực hiện vệ sinh, khử trùng, tiêu độc, tiêu hủy, giết mổ bắt buộc động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh, động vật chết theo hướng dẫn của cơ quan quản lý địa phương và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Cung cấp thông tin chính xác về dịch bệnh động vật theo yêu cầu của cơ quan quản lý địa phương.

Chấp hành yêu cầu thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Ngoài ra để phòng ngừa dịch bệnh Chủ đầu tư tuân thủ theo tất cả các quy định hiện hành về điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học.

c. Yêu cầu về chuồng trại

Trại chăn nuôi phải có tường hoặc hàng rào bao quanh nhằm kiểm soát được người và động vật ra vào trại.

Trại chăn nuôi phải bố trí riêng biệt các khu: khu chăn nuôi; khu vệ sinh, sát trùng thiết bị chăn nuôi; khu tắm rửa, khử trùng, thay quần áo cho công nhân và khách thăm quan; khu cách ly heo ốm; khu mổ khám lâm sàng và lấy bệnh phẩm; khu tập kết và xử lý chất thải; khu làm việc của cán bộ chuyên môn; các khu phụ trợ khác (nếu có).

– Cổng ra vào trại chăn nuôi, khu chuồng nuôi và tại lối ra vào mỗi dãy chuồng nuôi phải bố trí hồ khử trùng.

– Chuồng nuôi heo phải bố trí hợp lý theo các kiểu chuồng về vị trí, hướng, kích thước, khoảng cách giữa các dãy chuồng theo quy định hiện hành về chuồng trại.

– Nền chuồng phải đảm bảo không trơn trượt và phải có rãnh thoát nước đối với chuồng sàn, có độ dốc từ 3-5% đối với chuồng nền.

– Vách chuồng phải nhẵn, không có góc sắc, đảm bảo heo không bị trầy xước khi cọ sát vào vách chuồng.

– Mái chuồng phải đảm bảo không bị dột nước khi mưa.

– Đường thoát nước thải từ chuồng nuôi đến khu xử lý chất thải phải kín, đảm bảo dễ thoát nước và không trùng với đường thoát nước khác.

– Các thiết bị, dụng cụ chứa thức ăn, nước uống phải đảm bảo không gây độc và dễ vệ sinh tẩy rửa.

– Các dụng cụ khác trong các chuồng trại (xẻng, xô, ...) phải đảm bảo dễ vệ sinh, tẩy rửa sau mỗi lần sử dụng.

– Các kho thức ăn, kho thuốc thú y, kho hoá chất và thuốc sát trùng, kho thiết bị,... phải được thiết kế đảm bảo thông thoáng, không ẩm thấp và dễ vệ sinh, tiêu độc khử trùng.

d. Yêu cầu về con giống

Heo giống phải được quản lý và sử dụng phù hợp theo quy định hiện hành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Heo giống mua về nuôi phải có nguồn gốc rõ ràng, khoẻ mạnh, có đầy đủ giấy kiểm dịch và phải có bản công bố tiêu chuẩn chất lượng kèm theo. Trước khi nhập đàn, heo phải được nuôi cách ly theo quy định hiện hành.

Heo giống sản xuất tại cơ sở phải thực hiện công bố tiêu chuẩn. Chất lượng con giống phải bảo đảm đúng tiêu chuẩn đã công bố.

e. Thức ăn, nước uống

Thức ăn sử dụng cho chăn nuôi heo phải đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn và khẩu phần ăn của các loại heo.

Không sử dụng thức ăn thừa của đàn heo đã xuất chuồng, thức ăn của đàn heo đã bị dịch cho đàn heo mới.

Bao bì, dụng cụ đựng thức ăn của đàn heo bị dịch bệnh phải được tiêu độc, khử trùng.

Nước dùng cho heo uống phải đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng.

Trong trường hợp phải trộn thuốc, hoá chất vào thức ăn, nước uống nhằm mục đích phòng bệnh hoặc trị bệnh phải tuân thủ thời gian ngừng thuốc, ngừng hoá chất theo hướng dẫn của nhà sản xuất; không được sử dụng kháng sinh, hoá chất trong danh mục cấm theo quy định hiện hành.

f. Chăm sóc, nuôi dưỡng

Các trại chăn nuôi phải có quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng phù hợp các loại heo theo các giai đoạn sinh trưởng phát triển.

Mật độ nuôi, cung cấp thức ăn nước uống, vệ sinh thú y phải phù hợp theo quy định hiện hành.

g. Quản lý và thực hiện chương trình tiêm chủng vaccin

Thúc đẩy hệ miễn dịch để tạo ra kháng thể là phương pháp thực tế và cần thiết làm giảm tổn thất về tài chính do dịch bệnh. Khi mầm bệnh đã nhiễm vào đàn heo, các biện pháp phòng ngừa ở mức độ cao có thể ngăn chặn được dịch bệnh xảy ra hoặc hạn chế được ảnh hưởng, giảm được tổn thất. Nếu tỷ lệ số con heo mắc cảm chiếm tỷ lệ cao trong đàn hoặc trong vùng, khi có mầm bệnh thì sẽ dẫn đến dịch gây tổn thất. Điều này có thể loại bỏ được hoàn toàn các bệnh đặc trưng bằng chương trình tiêm chủng vaccin để tỷ lệ cá thể mắc cảm giảm xuống thấp dưới mức ngưỡng bệnh tại địa phương và sự duy trì mầm bệnh trong đàn bị ức chế.

Tuy nhiên trong thực tế, một vài trường hợp vaccin không có công dụng với một số bệnh. Thậm chí trong một bệnh như lở mồm long móng, bệnh heo tai xanh...do tính không đồng nhất của vaccin và các chủng bệnh thuộc các nhóm khác nhau. Do đó, đề ra chương trình vaccin là một nội dung quan trọng để bảo vệ đàn gia súc chống lại các mầm bệnh tập trung. Thế nhưng việc phòng bệnh hữu hiệu đòi hỏi có sự trợ giúp của các phương pháp an toàn sinh học nghiêm ngặt.

Các biện pháp xử lý và phòng chống khi xảy ra dịch bệnh:

➤ Khi có bệnh xảy ra:

- Thông báo ngay cho cơ quan quản lý địa phương;

– Không bán chạy, không ăn thịt gia súc trong đàn bị bệnh, không vớt xác chết bừa bãi;

– Cách ly ổ dịch, tiêu hủy toàn bộ gia súc chết, mắc bệnh và các gia súc khác trong đàn theo hướng dẫn của cơ quan quản lý địa phương.

– Vệ sinh tiêu độc ổ dịch theo trình tự sau:

+ Phun sát trùng, tiêu độc toàn bộ khu vực chăn nuôi liên tục 2-3 lần trong tuần đầu. Riêng chuồng nuôi phải để nguyên trạng, phun thuốc sát trùng và ủ 5-7 ngày;

+ Quét dọn, thu gom và tiêu hủy phân.

+ Rửa sạch chuồng trại và các dụng cụ chăn nuôi phải được thu gom.

+ Việc nuôi gia súc trở lại phải được sự đồng ý của các cơ quan quản lý địa phương.

+ **Chú ý:** Tất cả những người tiếp xúc với gia súc bệnh, phải sử dụng bảo hộ lao động, tránh lây nhiễm bệnh.

➤ ***Biện pháp phòng tránh chung trong vùng chưa có dịch***

Không tiếp xúc với gia súc, trừ trường hợp bắt buộc.

Người chăn nuôi phải sử dụng trang bị bảo hộ lao động trong khi làm việc. Sau khi làm việc phải tắm rửa, để quần áo, giày dép ở khu vực riêng.

➤ ***Biện pháp phòng tránh trong vùng dịch***

Người chăn nuôi, người vận chuyển, kiểm tra và tiêu hủy gia súc phải sử dụng trang bị bảo hộ lao động:

– Mặc quần áo bảo hộ liền bộ, dài tay, không thấm nước;

– Đeo găng tay cao su loại dày đã được khử trùng;

– Đeo khẩu trang; đeo kính bảo hộ; đội mũ bảo hộ; đi ủng cao su

– Những người tiếp xúc với gia súc bệnh cần rửa tay sạch sẽ bằng xà phòng.

– Thường xuyên theo dõi sức khỏe đàn heo. Nếu thấy có heo bệnh:

+ Phải báo ngay cho cán bộ thú y, cán bộ kỹ thuật của Công ty;

+ Không bán chạy, không ăn thịt gia cầm bệnh, không vớt xác chết bừa bãi;

+ Phải tiêu hủy toàn bộ đàn gia cầm theo quy định;

+ Quét dọn phân, khử trùng chuồng nuôi, dụng cụ chăn nuôi theo hướng dẫn của thú y của công ty;

Những người đã tiếp xúc với gia súc bệnh, khi thấy có biểu hiện như ho, sốt phải đến ngay cơ sở y tế gần nhất để khám.

6.3 Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy, nổ

a. Phòng ngừa sự cố

Nếu có cháy, nổ xảy ra trong quá trình hoạt động của trang trại thì tác hại đối với tài sản và tính mạng của công nhân khá lớn. Vì vậy, các khu nhà phải đảm bảo khâu thiết kế phù hợp với yêu cầu phòng cháy chữa cháy. Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây tia lửa phải được bố trí thật an toàn.

- Kiểm tra các thiết bị, đảm bảo luôn trong tình trạng an toàn về điện.

- Các trang thiết bị ứng phó khi có sự cố cháy trại: hòng cứu hỏa, bình CO₂ MT3, máy bơm,.. Các thiết bị như bình CO₂ được bố trí phù hợp và thuận tiện nhất có thể lấy và sử dụng khi có sự cố cháy nổ xảy ra: đặt tại lối ra vào của Trại, tại hệ thống xử lý nước thải, kho chứa hóa chất,... Số lượng, thông số kỹ thuật của các phương tiện, thiết bị PCCC cụ thể tại dự án như sau: 12 bình 8 bình CO₂ và 4 bình bột.

- Lắp đặt hệ thống PCCC theo đúng quy định của nhà nước Việt Nam. Tập huấn định kỳ về PCCC cho nhân viên của Dự án.

b. Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ

Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ như sau:

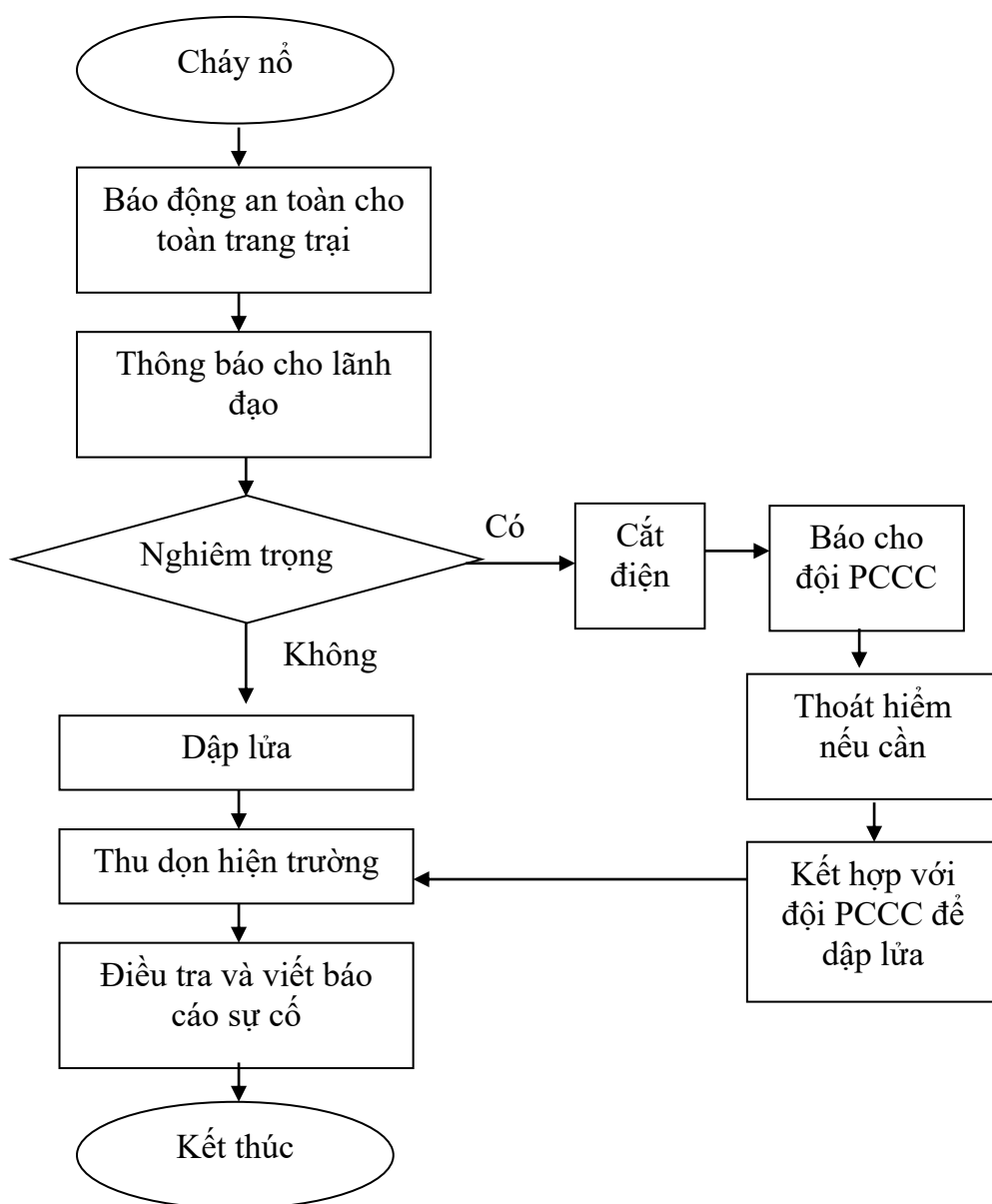
- + Thông báo: khi phát hiện ra sự cố thì tất cả các cán bộ công nhân viên đều có thể biết và thông báo qua điện thoại, báo động qua keng, chuông báo động, trực tiếp báo cho đội phòng cháy, chữa cháy của tỉnh.

- + Dập lửa: Ngay từ khi phát hiện có cháy, lực lượng chữa cháy tại chỗ và các lực lượng khác cần tiến hành ngay công tác dập lửa. Sử dụng các dụng cụ như: bình chữa cháy, nước để dập lửa. Trường hợp cháy ở mức độ nghiêm trọng thì đội PCCC sẽ liên hệ với cơ quan PCCC địa phương để phối hợp chữa cháy, dập cháy nhanh chóng giảm thiểu được các thiệt hại về tài sản và con người.

- + Thu dọn hiện trường: Sau khi ngọn lửa được dập tắt, điều động nhân công dọn dẹp sạch sẽ khu vực bị cháy, các chi tiết, thiết bị, máy móc bị hư hỏng cũng được tháo dỡ và vận chuyển ra khỏi khu vực.

- + Báo cáo điều tra nguyên nhân và rút kinh nghiệm: ngay sau khi phát hiện cháy, cần báo cáo ngay với cơ quan chức năng để phối hợp trong công tác chữa cháy. Sau đó chủ dự án sẽ cùng với cơ quan chức năng tiến hành công tác điều tra xác định nguyên nhân và lập thành báo cáo gửi các bên có liên quan. Ngoài ra chủ dự án sẽ tiến hành công tác định giá thiệt hại, xác định những hư hại và phần cần sửa chữa để có kế hoạch cụ thể khắc phục.

Sau khi hoàn tất công việc thì người phụ trách trong nhà máy sẽ ghi và lập phương án phòng cháy chữa cháy theo mẫu PCL6, BH theo Thông tư số 04:2004/TT-BCA ngày 31/3/2004 trình cơ quan chức năng thẩm định và phê duyệt.



Hình 3. 4: Quy trình ứng phó sự cố cháy nổ

+ Không đặt bếp gas gần vật dễ cháy như rơm, rạ... phải có bệ cao trên mặt đất dành riêng cho bếp gas.

+ Không được để vật nặng hoặc để xe ô tô và các xe cộ đi lại trong khu vực hầm biogas, điều này làm cho hầm biogas bị chấn động gây hở hoặc có thể bị sập gây nguy hiểm.

6.4 Phòng ngừa sự cố rò rỉ khí gas của hệ thống Biogas

Để tránh sự cố đối với rò rỉ CH_4 của hệ thống Biogas, Công ty có các biện pháp như sau:

- Tuân thủ các yêu cầu về thiết kế;

– Thường xuyên kiểm tra, bảo trì hệ thống thu gom, sử dụng Biogas đảm bảo khí gas không bị rò rỉ, xảy ra sự cố cháy nổ;

– Trường hợp, lượng khí biogas sử dụng cho dự án còn dư, Công ty sẽ tiến hành đốt có kiểm soát để giảm thiểu nguy cơ cháy nổ.

– Giảm thiểu sự cố cháy nổ do biogas:

+ Thường xuyên theo dõi áp suất khí, hệ thống đường ống dẫn khí và hoạt động của van bếp để phát hiện, sửa chữa khắc phục rò rỉ khí qua đường ống. Khi thấy hồ khí gas (có mùi) tiến hành sửa chữa ngay. Khi châm thử mức độ cháy của khí gas, tuyệt đối không được thực hiện ở đường ống dẫn khí mà chỉ được thực hiện ở bếp; tại nơi có khí thoát ra ngoài do đường ống hở cần tuyệt đối cấm lửa, hút thuốc, dùng đèn dầu. Khi dùng bếp cần chú ý đưa lửa tới gần rồi mới mở van cho khí ra.

+ Khi sử dụng bếp gas: khi đun nấu xong phải khóa chặt van gas. Không được mở van gas mà không đốt lửa. Vì khí gas hở không được đốt cháy sẽ là loại khí độc cho người và dễ gây hỏa hoạn.

6.5 Phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động

Để đảm bảo an toàn lao động, Chủ Dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau:

– Tổ chức các buổi tập huấn an toàn lao động định kỳ cho toàn Công ty.

– Giám sát chặt chẽ việc tuân thủ an toàn lao động của công nhân.

6.6 Phòng ngừa, ứng phó sự cố bể tự hoại

a. Biện pháp phòng ngừa

- Định kỳ bơm hút bể tự hoại.

- Không đổ hóa chất vào bồn cầu.

- Thường xuyên vệ sinh sạch sẽ, dọn rác hàng ngày.

b. Biện pháp ứng phó

Khi có sự cố cần nhanh chóng khắc phục như sau:

- Báo cáo ngay đến bộ phận quản lý.

- Đặt biển báo để cảnh báo công nhân biết và tạm ngưng sử dụng nhà vệ sinh có bồn cầu đang bị tắc nghẽn.

6.7 Phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

– Có nhân viên vận hành đúng chuyên môn. Thường xuyên kiểm tra hệ thống để có biện pháp khắc phục kịp thời.

– Các máy móc, thiết bị phục vụ cho việc xử lý nước thải đa số đều có mua thiết bị dự phòng. Tuy nhiên nếu xảy ra sự cố, Công ty sẽ báo ngay với đơn vị có chức năng để sửa chữa kịp thời và giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường.

– Xây dựng hồ chứa nước tái sử dụng theo đúng kế hoạch, có khả năng lưu chứa

nước thải trong trường hợp có sự cố.

- Định kỳ vệ sinh đường ống thu gom nước thải tránh tắc nghẽn.

6.8 Phòng ngừa sự cố đối với đường dẫn khí gas

- Đường ống dẫn khí gas làm bằng inox.
- Có nhân viên vận hành đúng chuyên môn. Kiểm soát nhiệt độ đốt để đảm bảo quá trình đốt xảy ra hoàn toàn.
- Thường xuyên kiểm tra hệ thống để khắc phục kịp thời khi có sự cố.

6.9 Phòng ngừa sự cố liên quan đến các loại thuốc thú y

Để hạn chế tác động từ các hoạt động sử dụng hóa chất, thuốc thú y, chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau:

- + Bố trí khu vực lưu trữ hóa chất riêng biệt có khay chống tràn đổ thuốc thú y tại khu vực kho.
- + Hướng dẫn nhân viên thực hiện quá trình chiết rót và vệ sinh khu vực lưu trữ.
- + Trang bị đầy đủ các phương tiện ứng phó sự cố tràn đổ tại khu vực lưu trữ.
- + Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

6.10 Phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

Khả năng lưu chứa: lưu chứa hóa chất trên các tấm palet, không để tiếp xúc với mặt nền nhà kho. Kho chứa hóa chất không để đổ tràn ra ngoài, không bị thấm nước mưa, không có vật liệu dễ cháy nên đảm bảo khả năng lưu chứa an toàn. Kết cấu kho hóa chất: tường xây bằng xi măng, gạch, có mái tôn che, cửa ra vào theo đúng quy định. Kho hóa chất có chiều dài: 5m, chiều rộng: 3m.

a. Phòng ngừa sự cố

➤ Biện pháp quản lý

Quá trình lưu trữ hóa chất có thể xảy ra các sự cố rò rỉ gây ô nhiễm môi trường và sự cố cháy nổ. Để phòng ngừa sự cố này có thể xảy ra, các giải pháp liên quan lưu trữ và an toàn hóa chất trình bày như sau:

- Hóa chất được để trong kho riêng biệt.
- Kiểm tra định kỳ việc thực hiện quản lý và sử dụng hóa chất.
- Trang bị các thiết bị, dụng cụ xử lý khi xảy ra sự cố; vật dụng thu gom, thùng chứa giặt lau,...
- Trang bị các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc với hóa chất; quần áo bảo hộ khẩu trang, găng tay, giày bảo hộ,...
- Đào tạo kiến thức về quản lý và sử dụng hóa chất, huấn luyện kỹ thuật an toàn về hóa chất cho công nhân, biện pháp ứng cứu khẩn cấp khi có sự cố xảy ra.

- Lưu trữ hóa chất trong thùng kín, bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh xa các nguồn nhiệt hoặc nguồn đánh lửa, độ ẩm cao.

- MSDS được thông báo đầy đủ và có sẵn ở nơi dễ thấy.

- Trong kho bảo quản hóa chất, hệ thống điện chiếu được thiết kế đúng theo tiêu chuẩn an toàn TCVN 5507:2002. Kho có hệ thống thông gió tại cửa thông, tránh sự tích tụ của khí, hơi dễ cháy.

- Kho có biển báo, nhận dạng hóa chất nguy hiểm, có nội quy kho.

- Kho phải được gắn phương tiện chữa cháy nổ như bình chữa cháy, thùng cát, bồn nước chữa cháy đặt gần để hỗ trợ nhanh khi có sự cố.

- Kho lưu trữ thường xuyên được kiểm tra sự ngăn nắp, sạch sẽ, thông thoáng.

- Trang bị tủ thuốc và dụng cụ sơ cấp cứu.

➤ **Kiểm soát kỹ thuật**

- Thao tác khi sử dụng hóa chất: phải có bảo hộ cá nhân như kính bảo hộ, tạp dề, khẩu trang ngăn bụi, găng tay.

- Bảo hộ cá nhân trong trường hợp rò rỉ lớn: kính bảo hộ, trang phục bảo hộ nguyên bộ, mặt nạ ngăn bụi, ủng, găng tay.

- Trường hợp vận chuyển, bốc dỡ thủ công cần chú ý trong quá trình nhập cần kiểm tra kỹ bao bì chứa đựng hóa chất để đảm bảo không có hiện tượng nứt, rách tránh hiện tượng rò rỉ tràn đổ. Nếu phát hiện có hiện tượng nứt vỡ, rách thùng thì phải để riêng và xử lý trước khi nhập kho.

b. Ứng phó sự cố rò rỉ hóa chất

Khi xảy ra sự cố rò rỉ hóa chất cần thực hiện các bước sau:

- Sơ tán toàn bộ những người không có trách nhiệm đến nơi an toàn.

- Dập tắt mọi ngọn lửa trần, nguồn nhiệt hoặc các kích ứng khác.

- Thông báo cho đơn vị có chức năng.

- Dùng các phương tiện bảo vệ cá nhân thích hợp với các hóa chất tràn đổ, rò rỉ.

- Kiểm soát ngay tại nguồn phát sinh nhằm hạn chế hóa chất tràn đổ lan rộng hơn.

- Khoanh vùng hóa chất bị tràn đổ. Rải cát hoặc mùn cưa xung quanh khu vực hóa chất bị tràn đổ. Trường hợp hóa chất bị rò rỉ hay đổ ra ngoài với số lượng lớn như trong quá trình cháy nổ trên phạm vi rộng, lượng hóa chất được thu gom bằng rãnh thu ở giữa kho dẫn đến hố thu gom tạm thời. Lượng chất thải là chất thải nguy hại sẽ được hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- Chỉ cho phép trở lại làm việc nếu vùng rò rỉ hoặc tràn đổ được xác nhận là an toàn.

6.11 Phòng ngừa, ứng phó sự cố hỏng hệ thống thông gió

- Công ty thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra hệ thống làm mát để phòng ngừa sự cố xảy ra

- Trang bị máy bơm nước dự phòng mát bơm nước gặp sự cố làm ảnh hưởng tới hệ thống làm mát của trang trại.

6.12 Phòng ngừa, ứng phó sự cố ngộ độc thực phẩm

a. Phòng ngừa sự cố ngộ độc thực phẩm

Để hạn chế ngộ độc thực phẩm một cách hiệu quả, công ty có thể áp dụng những cách sau đây:

- Ăn thức ăn thịt cá tươi sống, rau quả tươi, trứng còn nguyên vẹn không có nứt vỏ, trứng cũ.

- Không ăn đồ hộp đóng gói đã quá hạn sử dụng.

- Không ăn thức ăn đã có mùi lạ, cần phải bỏ đi.

- Giữ gìn vệ sinh cá nhân.

- Khu vực ăn uống phải được thường xuyên vệ sinh sạch sẽ.

b. Ứng phó sự cố công nhân bị ngộ độc thực phẩm

Đối với người bị ngộ độc thực phẩm cần phân biệt 02 trường hợp ngộ độc: ngộ độc trước 6h và sau 6h.

- Nếu có các biểu hiện ngộ độc xảy ra sau khi ăn thức ăn gây ngộ độc trước 6h thì cần làm cho người bị ngộ độc nôn ra hết thức ăn đã ăn vào.

- Có thể gây nôn bằng cách: uống nước muối (2 thìa canh muối pha với 1 cốc nước ấm) hoặc uống đầy nước rồi móc họng để kích thích gây nôn.

- Với trường hợp ngộ độc xảy ra sau 6h, lúc này chất độc đã bị hấp thu một phần vào cơ thể, thì cần xử lý như sau:

- Dùng chất trung hòa: nếu người bị ngộ độc do những chất axit có thể dùng những chất kiềm chủ yếu như nước magie oxyt 4% cứ cách 5 phút cho người bệnh uống 15ml. Tuy nhiên, tuyệt đối không được dùng thuốc muối để tránh hình thành CO₂ làm thủng dạ dày cho bệnh nhân có tiền sử bị viêm loét dạ dày. Nếu người bệnh bị ngộ độc do chất kiềm thì cho uống dung dịch như dấm, nước quả chua....

- Dùng chất bảo vệ niêm mạc dạ dày như: dùng bột mì, bột gạo, sữa, lòng trắng trứng gà, nước cháo để ngăn cản sự hấp thu của dạ dày, ruột đối với chất độc.

- Lưu ý: Đối với tất cả các trường hợp ngộ độc đều phải được đưa ngay đến cơ sở y tế để được các bác sỹ đưa ra phác đồ cứu điều trị, phù hợp, kịp thời.

6.13 Phòng ngừa và ứng phó sự cố vỡ, rò rỉ ống cấp nước, thoát nước

a. Phòng ngừa sự cố vỡ, rò rỉ ống cấp nước, thoát nước

- Thường xuyên khơi thông các hố ga thoát nước mưa, tránh để rác, lá cây làm tắc

nghe bề mặt hồ ga.

- Dọn dẹp, thu gom rác thải trong dự án theo đúng quy định.
- Theo dõi lượng nước thải hàng tháng và đối chiếu để phát hiện kịp thời tránh để nước rò rỉ ra ngoài môi trường.
- Sử dụng các nguyên liệu, vật tư có độ bền cao và đạt yêu cầu về kỹ thuật để xây dựng, lắp đặt.
- Theo dõi sự làm việc của mạng tuyến ống thông qua đồng hồ đo lưu lượng trên các tuyến ống hằng ngày và các thiết bị thường được thực hiện theo chu kỳ hoặc đột xuất mỗi năm ít nhất 2 lần.
- Thực hiện tốt công tác duy tu bảo dưỡng công trình là biện pháp hữu hiệu tránh xuống cấp công trình nâng cao hiệu quả đầu tư.

b. Ứng phó sự cố vỡ, rò rỉ ống cấp nước, thoát nước

- Khi phát hiện sự cố hư hỏng hay bị ùn tắc hệ thống thoát nước mưa cần nhanh chóng phục hồi và sửa chữa hệ thống thoát nước khi bị ảnh hưởng.
- Khi có sự cố vỡ ống nước xảy ra cần nhanh chóng xử lý kịp thời, phát hiện sự cố cần báo ngay với Công ty để sửa chữa, thay thế.

Khi có sự cố chất lượng nước thải không đạt yêu cầu cần kiểm tra tìm ra nguyên nhân để khắc phục.

7. Các nội dung thay đổi so với Báo cáo hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (không có)

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Nước thải phát sinh từ hoạt động của trang trại (khoảng 206,668 m³/ngày.đêm) sau khi xử lý sơ bộ, được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất 250 m³/ngày.đêm để xử lý.

1.1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt và rửa tay chân của cán bộ, công nhân viên của trang trại, lưu lượng tối đa 5,7 m³/ngày.đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động chăn nuôi bao gồm nước tiểu heo, nước từ hầm chứa nước dưới chuồng nuôi, nước sát trùng người và xe, lưu lượng tối đa 200,968 m³/ngày.đêm.

1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

1.2.1. *Nguồn tiếp nhận nước thải:* suối nhỏ.

1.2.2. *Vị trí xả nước thải:*

- Điểm xả tại suối nhỏ, tọa độ: X: 527.154, Y: 1.296.139 (hệ VN2000, kinh tuyến 106⁰15', múi chiều 3⁰) thuộc ấp Cần Lê xã Tân Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

1.2.3. *Lưu lượng xả nước thải lớn nhất của trại:* Dòng nước thải số 01 (tương ứng với nguồn số 01 và số 02): 206,668 m³/ngày.đêm.

1.2.3.1. *Phương thức xả nước thải:*

- Nước thải sau xử lý được tự chảy ra suối nhỏ bằng ống nhựa PVC có đường kính 200 mm. Điểm xả của Trang trại thuộc ấp Cần Lê xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

- Hình thức xả thải: Tự chảy.

1.2.3.3. *Chế độ xả nước thải:* liên tục, 24 giờ/ngày. 6 tháng mùa mưa trong năm (từ tháng 5 đến tháng 11).

1.2.3.4. *Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B (K_q = 0,9; K_f = 1,0) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi như sau:*

Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giới hạn trong nước thải

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 – 9	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ- CP
2	TSS	mg/l	150		
3	COD	mg/l	300		
4	BOD ₅	mg/l	100		
5	Tổng N	mg/l	150		
6	Tổng Coliform	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1.3. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.3.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên trang trại (bao gồm nước thải nhà vệ sinh, nước rửa tay, chân) được thu gom vào bể tự hoại 03 ngăn bằng đường ống nhựa PVC 90mm. Bể này có 2 chức năng chính là lắng và phân huỷ cặn lắng với hiệu suất xử lý đạt 40 – 60 %. Ưu điểm chủ yếu của bể tự hoại có cấu tạo đơn giản, quản lý dễ dàng và có hiệu quả xử lý tương đối cao. Sau đó theo ống nhựa PVC đường kính Φ350 mm, dài 150m dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Nước thải từ nhà ăn được đưa qua hệ thống bể rác, gạt tách dầu mỡ và thức ăn thừa sau đó nước thải theo đường ống theo ống nhựa PVC đường kính Φ350mm dẫn đưa vào hệ thống xử lý nước thải tập trung

Nước thải chăn nuôi chủ yếu là nước tiểu, nước vệ sinh chuồng trại, nước tắm heo trong chuồng trại được thu gom bởi hệ thống mương bằng gạch, bê tông có kích thước rộng 0,25 m đến 0,35; sâu 0,4m. Nước thải sau khi ra khỏi chuồng nuôi được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung bằng ống PVC có đường kính Φ350mm.

Tổng lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của trang trại khoảng 206,668 m³/ngày.đêm được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất thiết kế 250 m³/ngày.đêm để xử lý.

1.3.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt, nước thải chăn nuôi, nước thải nhà ăn → Hàm Biogas → Ao lắng cấp → Ao lọc kỵ khí giá thể → Ao tuỷ nghi (Bể điều hòa) → Bể thiếu khí (Bể Anoxic) → Bể hiếu khí (Bể Aerotank) → Bể lắng sinh học → Bể phản ứng (keo tụ) → Bể tạo bông → Bể lắng hoá lý → Cột lọc áp lực → Bể khử trùng

→ Hồ chứa nước thải sau xử lý (mùa nắng)

→ suối nhỏ giáp trang trại (mùa mưa)

Nước thải phát sinh từ Cơ sở được xử lý đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi. Nước thải sau xử lý với lưu lượng 206,668 m³/ngày.đêm và nước thải sau xử lý được tuần hoàn, xử lý và tái sử dụng cho mục đích vệ sinh tắm đàn, tắm làm mát và cấp nước hầm dưới chuồng nuôi với lưu lượng 140,674 m³/ngày.đêm. Phần còn lại chứa trong hồ chứa nước thải sau xử lý (tổng thể tích khoảng 19.600 m³). Vào mùa mưa toàn bộ nước thải sau xử lý được thải ra suối. Chủ Cơ sở phải đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra suối nhỏ. Chủ Cơ sở phải tự chịu trách nhiệm đối với chất lượng nước tuần hoàn, tái sử dụng vệ sinh chuồng trại.

- Công suất thiết kế hệ thống: 250 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải: Chlorine, PAC, polymer anion

1.3.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục.

1.3.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đối với hầm biogas: Thường xuyên theo dõi áp suất khí, hệ thống đường ống dẫn khí để có biện pháp khắc phục kịp thời. Khí gas phát sinh từ hầm biogas được thu gom và đốt bỏ có kiểm soát.

- Đối với hệ thống xử lý nước thải: Thường xuyên kiểm tra hệ thống; có nhân viên vận hành đúng chuyên môn; vận hành, bảo trì hệ thống theo đúng quy trình. Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố thì toàn bộ lượng nước thải được lưu chứa tại hồ chứa nước thải sau xử lý, thể tích khoảng 19.600 m³ sau khi khắc phục sự cố xong, nước thải sẽ được bơm về hầm biogas để xử lý lại.

1.4. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Cơ sở đã hoàn thành vận hành thử nghiệm theo quy định hiện hành.

1.5. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Nước thải phát sinh từ dự án được xử lý đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi trước khi được tuần hoàn, tái sử dụng vào mục đích cấp nước hầm chứa dưới chuồng nuôi, rửa tắm đàn, rửa tắm làm mát và lượng nước còn lại sẽ xả ra suối nhỏ. Chủ Cơ sở cam kết tự chịu trách nhiệm đối với chất lượng nước tuần hoàn, tái sử dụng của trang trại.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải, vận hành công trình xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật.

- Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác: Trong quá trình hoạt động, chủ Cơ sở sẽ nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi hoạt động của Cơ sở để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

- Chủ Cơ sở cam kết đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra suối.

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- Nguồn phát sinh khí thải: từ lò đốt xác heo

- Lưu lượng khí thải phát sinh tối đa: 4.000 m³/h

- Dòng khí thải và vị trí xả thải: từ ống khói lò đốt xác heo với tọa độ X: 527.095 ; Y: 1.296.125

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: khí thải từ ống thoát khí của lò đốt phải đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT, K_p = 1 và K_v=1,2 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải như sau:

Bảng 4. 1. Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải của dự án

STT	Thông số ô nhiễm đề nghị cấp phép	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B (K _p =1 và K _v =1,2)
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	240
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	1.200
3	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	600
4	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	1.020

- Phương thức xả khí thải: liên tục khi lò đốt hoạt động

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh:

+ Nguồn số 1: máy phát điện dự phòng công suất 700 KVA. Tọa độ X: 526.856; Y: 1.296.386 (theo hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trực 106⁰15').

+ Nguồn số 2: máy phát điện dự phòng công suất 330 KVA. Tọa độ X: 526.844; Y: 1.296.306 (theo hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trực 106⁰15').

+ Nguồn số 3: hệ thống xử lý nước thải. Tọa độ X: 527.096, Y: 1.296.128 (theo hệ tọa độ VN2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trực 106⁰15').

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

*** Tiếng ồn:**

TT	Từ 6 – 21 giờ (dBA)	Từ 21 – 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	--	Khu vực thông thường

***Độ rung:**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 – 21 giờ	Từ 21 – 6 giờ		
1	70	60	--	Khu vực thông thường

4. Nội dung cấp phép quản lý chất thải

4. Nội dung cấp phép chất thải rắn

4.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Bảng 4.4. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh

STT	Tên chất thải nguy hại	Mã CTNH	Khối lượng đăng ký (kg/năm)	Tính chất nguy hại chính	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	300	Đ, ĐS	NH
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), bao tay, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	100	Đ, ĐS	KS
3	Hộp mực in thải	08 02 04	50	Đ, ĐS	KS

4	Bao bì mềm thải	18 01 01	50	Đ, ĐS	KS
5	Bao bì kim loại cứng thải	18 01 02	50	Đ, ĐS	KS
6	Bao bì nhựa thải	18 01 03	50	Đ, ĐS	KS
7	Bao bì thải bằng các vật liệu khác: chai, lọ thủy tinh,...	18 01 04	10	Đ, ĐS	KS
8	Dụng cụ thuốc thú y thải	13 02 01	400	LN	NH
9	Dung dịch thuốc thú y thải	13 02 02	50	Đ, ĐS	KS
TỔNG			1.060		

4.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

Bảng 4.5. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Tấm làm mát hư hỏng	90
2	Bao bì cám (bao cám dự trữ)	360
3	Bao bì của các loại thuốc	30
4	Xác heo chết không do dịch bệnh	3.000
	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	1.200
Tổng khối lượng		4.680

4.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Bảng 4.6. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Rác thải sinh hoạt	50
Tổng khối lượng		50

4.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

4.4.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa HDPE, dung tích 120 lít, có nắp đậy.

- Kho lưu chứa trong nhà: Gồm 01 kho.

- + Diện tích kho: 30 m².

- + Thiết kế, cấu tạo của kho: Nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây tô 2 mặt, mái lợp tôn, sàn cao tránh bị ngập nước, có dán biển cảnh báo, có bố trí thiết bị phòng cháy chữa cháy, rãnh thu gom chất thải dạng lỏng tránh sự cố tràn đổ và bố trí vật liệu hấp thụ là cát khô tại khu vực kho lưu trữ CTNH,...theo đúng quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.4.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- * Thiết bị lưu chứa: Bao bì, thùng nhựa có nắp đậy.

- * Kho lưu chứa:

- Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- + Diện tích: 30 m².

- + Thiết kế, cấu tạo của kho: Nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây tô 2 mặt, mái lợp tôn.

- Đối với phân heo: Phân heo hằng ngày ở hầm nước dưới chuồng nuôi được đẩy thẳng xuống hầm biogas.

- Đối với bùn thải: Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được Chủ Cơ sở thu gom về sân phơi bùn có 04 ngăn, có kích thước: D x R x C = 2,8 x 12,5 x 0,8m. Kết cấu: Bê tông cốt thép, trát lớp chống thấm.

- Đối với nhau thai, xác heo chết không do dịch bệnh và bệnh thông thường: Hiện tại Chủ cơ sở đang sử dụng phương án xử lý nhau thai, xác heo chết không do dịch bệnh và bệnh thông thường như sau:

- + Xác heo chết không do dịch bệnh và nhau thai được đưa vào lò đốt xác tại trại. Tro từ lò đốt xác sẽ được thu gom đóng bao và bón cho vườn cây trong khu vực trại.

4.4.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa bằng nhựa, dung tích 120 lít.

- Kho lưu chứa: Không bố trí kho. Chủ Cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo đúng quy định.

5. Yêu cầu về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phải được quản lý theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành. Đối với các trường hợp heo chết do dịch bệnh: Chủ Cơ sở sẽ tiến hành báo cáo với chính quyền địa phương và cơ quan thú y để được hướng dẫn, xử lý theo đúng quy định.

- Đối với hệ thống xử lý nước thải: Thường xuyên kiểm tra hệ thống; có nhân viên vận hành đúng chuyên môn; vận hành, bảo trì hệ thống theo đúng quy trình kỹ thuật. Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố thì toàn bộ lượng nước thải phát sinh được lưu chứa tạm thời tại hồ chứa nước sau xử lý, hồ có thể tích khoảng 19.600 m³, hồ chứa nước sau xử lý là hồ đất được lót bạt HDPE chống thấm, sau khi khắc phục sự cố xong, nước thải được bơm về hầm biogas để tiếp tục xử lý.

- Chủ cơ sở cam kết thực hiện các yêu cầu về phân loại, thu gom, lưu giữ chất thải nguy hại đối với chủ nguồn thải chất thải nguy hại và mẫu chứng từ chất thải nguy hại theo các quy định tại Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Chủ cơ sở sẽ xây dựng thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Chủ cơ sở cam kết thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi sự cố môi trường theo quy định tại Khoản 1 Điều 122 Luật Bảo vệ môi trường.

- Cam kết sẽ có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b Khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

CHƯƠNG V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

1.1. Kết quả quan trắc môi trường nước thải năm 2022:

- Thời gian quan trắc:
- + Quý I: ngày 31/03/2022
- + Quý II: ngày 24/06/2022
- + Quý III: ngày 15/09/2022
- + Quý IV: ngày 21/11/2022
- Tần suất quan trắc: 3 tháng/lần.
- Vị trí các điểm quan trắc:

Kí hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Thời gian
QUÝ I		
22.5904.NT.01	Nước thải đầu ra hệ thống XLNT tại hồ chứa nước tái sử dụng	31/03/2022
22.5904.NT.02	Nước thải đầu vào hệ thống XLNT tại bể điều hoà	
QUÝ II		
220625.NT.002	Nước thải đầu ra hệ thống XLNT tại hồ chứa nước tái sử dụng	24/06/2022
220625.NT.003	Nước thải đầu vào hệ thống XLNT tại bể điều hoà	
QUÝ III		
220916.NT.005	Nước thải đầu ra hệ thống XLNT tại hồ chứa nước tái sử dụng	15/09/2022
220916.NT.006	Nước thải đầu vào hệ thống XLNT tại bể điều hoà	
QUÝ IV		
22.5904.NT.01	Nước thải đầu ra hệ thống XLNT tại hồ chứa nước tái sử dụng	21/11/2022
22.5904.NT.02	Nước thải đầu vào hệ thống XLNT tại bể điều hoà	

Bảng 5. 1. Thống kê giá trị quan trắc nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả Quý I		Kết quả Quý II		Kết quả Quý III		Kết quả Quý IV		QCVN 62-MT:2016/BTNMT
			22.5904.NT.01	22.5904.NT.02	220625.NT.002	220625.NT.003	220916.NT.005	220916.NT.006	22.5904.NT.01	22.5904.NT.02	Cột B (tính theo giá trị C)
1	pH	--	6,12	8,32	6,22	8,21	7,26	7,32	7,83	7,03	5,5-9
2	TSS	mg/L	21	214	81	36,5	28	62,5	KPH (MDL=5)	86,5	150
3	COD	mg/L	48	-	<10	73,6	11	67	24	560	300
4	BOD ₅	mg/L	22	616	4	38,7	4	34	9,7	320	100
5	NH ₄ ⁺	mg/L	4,69	106	3,35	100,3	2,85	85,3	1,26	94,5	-
6	Tổng nitơ	mg/L	19,4	181	16,4	193	14,3	181	11,2	165	150
7	Tổng photpho	mg/L	1,39	7,73	1,17	8,09	0,98	7,83	7,74	18	-
8	E.Coli	MPN/100ml	KPH	540	KPH	330	KPH	490	KPH	1,1*10 ³	-
9	Tổng Coliform	MPN/100ml	KPH	1,1*10 ³	KPH	5,4*10 ³	KPH	4,7*10 ³	KPH	5,4*10 ³	5000
10	Salmonella	Phát hiện/100ml	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	-

Nhận xét: Qua bảng kết quả phân tích mẫu nước thải 4 quý năm 2022 cho thấy với kết quả mẫu nước thải đầu ra của hệ thống xử lý thì hầu hết các chỉ tiêu có kết quả nằm trong giới hạn cho phép đối với QCVN 62-MT:2016/BTNMT, Cột B, (Kq=0,9, Kf=1,0).

1.2 Kết quả quan môi trường nước thải năm 2023

- Thời gian quan trắc:
- + Quý I: ngày 31/03/2023
- + Quý II: ngày 30/06/2023
- + Quý III: ngày 08/09/2023
- Tần suất quan trắc: 3 tháng/lần.
- Vị trí các điểm quan trắc:

Kí hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Thời gian
QUÝ I		
23.1506.NT.02	Nước thải đầu ra hệ thống XLNT tại hồ chứa nước tái sử dụng	31/03/2023
23.1506.NT.01	Nước thải đầu vào hệ thống XLNT tại bể điều hoà	
QUÝ II		
23.4068.NT.01	Nước thải đầu ra hệ thống XLNT tại hồ chứa nước tái sử dụng	30/06/2023
23.4068.NT.02	Nước thải đầu vào hệ thống XLNT tại bể điều hoà	
QUÝ III		
23.5547.NT.04	Nước thải đầu ra hệ thống XLNT tại hồ chứa nước tái sử dụng	08/09/2023
23.5547.NT.03	Nước thải đầu vào hệ thống XLNT tại bể điều hoà	

Bảng 5. 2. Thống kê giá trị quan trắc nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả Quý I		Kết quả Quý II		Kết quả Quý III		QCVN 62-MT:2016/BTNMT
			23.1506.NT.02	23.1506.NT.01	23.4068.NT.02	23.4068.NT.01	23.5547.NT.04	23.5547.NT.03	Cột B (tính theo giá trị C)
1	pH	--	7,59	7,2	7,21	6,7	6,31	7,13	5,5-9
2	TSS	mg/L	18,5	92,5	28	126	36	18	150
3	COD	mg/L	20,8	611	58	541	195	11,2	300
4	BOD ₅	mg/L	6,5	339	26	231	106	5	100
5	NH ₄ ⁺	mg/L	0,86	86,2	8	112	47,6	1,99	-
6	Tổng nitơ	mg/L	<10	147	24,4	149	63,6	14,3	150
7	Tổng photpho	mg/L	3,82	17,5	7,66	31,36	6,82	7,63	-
8	E.Coli	MPN/100ml	KPH	1,4*10 ³	KPH	2*10 ³	1,4*10 ³	KPH	-
9	Tổng Coliform	MPN/100ml	KPH	9,2*10 ³	KPH	13*10 ³	22*10 ³	2*10 ³	5000
10	Salmonella	Phát hiện/100 ml	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	-

Nhận xét: Qua bảng kết quả phân tích mẫu nước thải năm 2023 cho thấy với kết quả mẫu nước thải đầu ra của hệ thống xử lý thì hầu hết các chỉ tiêu có kết quả nằm trong giới hạn cho phép đối với QCVN 62-MT:2016/BTNMT, Cột B, (Kq=0,9, Kf=1,0).

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải (không có)

CHƯƠNG VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Trại đã có Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường số 23/GXN-STNMT ngày 23/9/2019, không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định khoản 4, Điều 31 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

a. Quan trắc nước thải:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải.
- Thông số giám sát: lưu lượng, pH, COD, BOD, coliform, tổng Nito, tổng chất rắn lơ lửng.
- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B.

b. Quan trắc khí thải

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại đầu ra hệ thống xử lý khí thải.
- Thông số giám sát: lưu lượng, bụi, SO₂, CO, NO_x.
- Tần suất giám sát: chỉ tiêu bụi 06 tháng/lần, các thông số còn lại 3 tháng/lần
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19: 2009/BTNMT, cột B

c. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại

- Vị trí giám sát: Kho lưu trữ chất thải rắn và chất thải nguy hại.
- Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng, cách thức phân loại, lưu trữ.
- Tần suất giám sát: liên tục, thường xuyên.
- Quy chuẩn: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải: không có

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở: không có

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Căn cứ theo đơn giá quan trắc môi trường tại Quyết định số 1925/QĐ-UBND ngày

26/7/2021 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành đơn giá hoạt động quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Phước, dự toán kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm khoảng 100.000.000 VNĐ (một trăm triệu đồng).

CHƯƠNG VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong 2 năm gần nhất trước thời điểm lập báo cáo cơ sở không có bị kiểm tra, thanh tra về môi trường.

CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường

Chủ cơ sở cam kết các số liệu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường là hoàn toàn đúng sự thật. Nếu có gì sai trái, chủ đầu tư xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan

Thực hiện đúng theo các quy định của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020, các nội dung quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Công ty TNHH CN Long Tân cam kết:

* Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan như:

- Hệ thống thu gom nước thải triệt để đảm bảo nước thải được thu gom 100% vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải sinh hoạt và chăn nuôi được thu gom thiết để và dẫn về xử lý tại HTXLNT công suất 250 m³/ngày.đêm. Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt Quy chuẩn QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B được tái sử dụng cho chuồng trại (rửa đàn, tắm làm mát, xả gặm, không dùng cho gia súc) và xả ra môi trường.

- CTR thông thường và CTNH được phân loại, thu gom, lưu giữ và xử lý theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Tiếng ồn, độ rung từ các hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

* Cam kết thực hiện tất cả các biện pháp, quy định chung về bảo vệ môi trường:

- Cam kết hoàn thành các công trình xử lý chất thải và công trình bảo vệ môi trường được cấp phép trước khi Dự án đi vào hoạt động.

- Cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu mùi hôi tại dự án.

- Cam kết triển khai thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường, chịu trách nhiệm hoàn toàn trong việc đền bù, khắc phục nếu như có sự cố xảy ra.

- Cam kết chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành, tuân thủ nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường của Nhà nước và UBND tỉnh Bình Phước.

- Cam kết thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường, lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý Nhà nước về Bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

- Đáp ứng các yêu cầu về cảnh quan, mỹ quan môi trường, bảo vệ sức khỏe người lao động và cộng đồng.

- Có bộ phận chuyên môn về môi trường đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường dự án. Tăng cường công tác đào tạo cán bộ về môi trường nhằm nâng cao năng lực quản lý môi trường trong nhà máy, đảm bảo không phát sinh các vấn đề gây ô nhiễm môi trường.

- Cam kết phối hợp với cơ quan có thẩm quyền và chính quyền địa phương trong việc kiểm tra, giám sát hệ thống xử lý chất thải theo đúng quy định.

- Cam kết trồng và duy trì diện tích cây xanh tối thiểu đạt 20% diện tích dự án.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH CỦA HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI



Hố gom



Biogas



Ao lắng cấp



Ao lắng kỵ khí giá thể



Ao tùy nghi (điều hoà)



Bể anoxic



Bể Aerotank



Bể lắng sinh học



Bể keo tụ



Bể tạo bông



Bể lắng hoá lý



Cột lọc áp lực



Hồ chứa nước sau xử lý

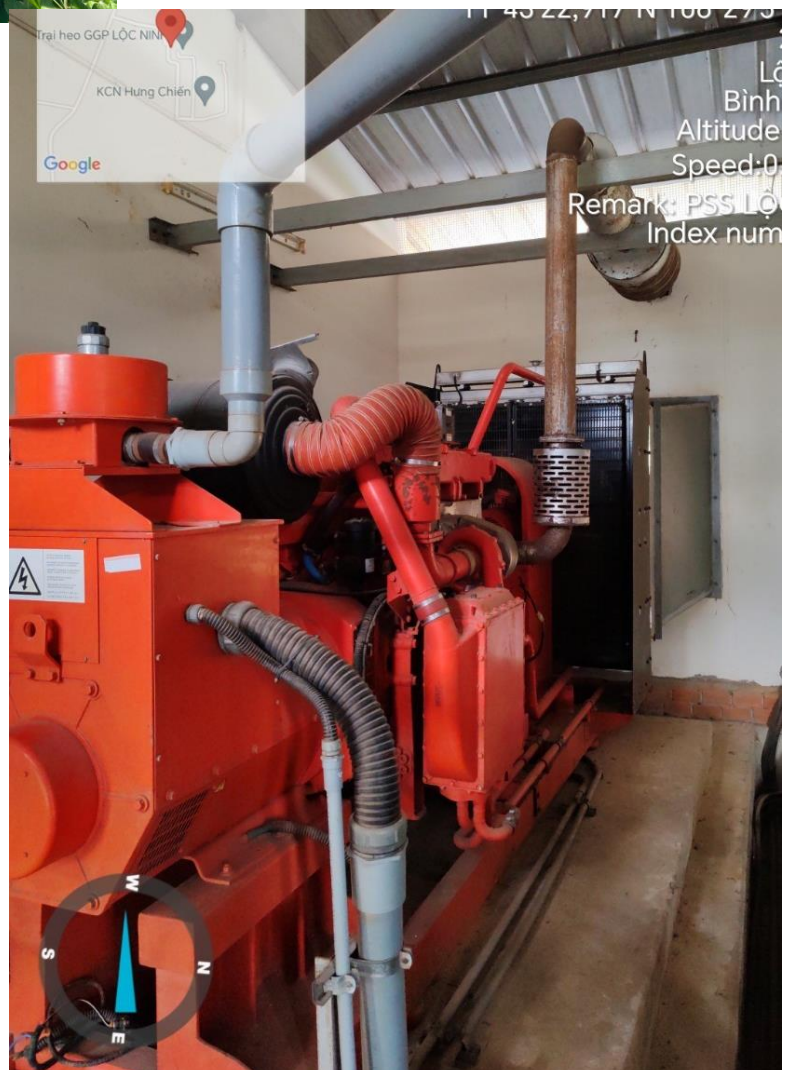


Hồ chứa nước mưa



Bể nén bùn

MỘT SỐ HÌNH ẢNH CỦA MÁY PHÁT ĐIỆN



HÌNH ẢNH KHO CHẤT THẢI



Kho chứa chất thải nguy hại



Kho chứa chất thải rắn thông thường



Thùng chứa chất thải sinh hoạt tại trại

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH**

Mã số chi nhánh: 2500175548-011

Đăng ký lần đầu, ngày 09 tháng 01 năm 2017

Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 15 tháng 03 năm 2024

1. Tên chi nhánh:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN JAPFA COMFEED VIỆT NAM - CHI
NHÁNH BÌNH PHƯỚC

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài: JAPFA COMFEED VIETNAM
LIMITED COMPANY - BRANCH BINH PHUOC

Tên chi nhánh viết tắt:

2. Địa chỉ:

Khu 4, Ấp Cẩn Lê, Xã Lộc Thịnh, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

Điện thoại: 02513.895381

Fax:

Email: infor@japfavietnam.com

Website: www.japfavietnam.com

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: NGUYỄN CHÍ CÔNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 23/09/1970

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 033070007295

Ngày cấp: 15/04/2022

Nơi cấp: cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự
xã hội

Địa chỉ thường trú: B7 Tt2, tổ 18 Bắc Linh Đàm, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: B7 Tt2, tổ 18 Bắc Linh Đàm, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN JAPFA COMFEED VIỆT
NAM

Mã số doanh nghiệp: 2500175548

Địa chỉ trụ sở chính: ., Thị Trấn Hương Canh, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc,
Việt Nam



UBND. TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN CHĂN NUÔI**

Số: 70/055/2022/DKCN

Tên cơ sở chăn nuôi: Công ty TNHH Japfa comfeed Việt Nam

Địa chỉ trụ sở: Ấp Cấn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

Số điện thoại: 0913133554

Tên trang trại: Trại chăn nuôi lợn GGP Lộc Ninh

Địa chỉ trang trại: Ấp Cấn Lê, Lộc Thịnh, Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

Số điện thoại: 0938020352

Giấy đăng ký kinh doanh: 250047548-11 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đăng ký lần đầu ngày 09/01/2017

Được chứng nhận cơ sở đủ điều kiện chăn nuôi:

Gia súc: Lợn nái, số lượng: 1.300 con

Bình Phước, ngày 04 tháng 08 năm 2022

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Văn Phương

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trang trại chăn nuôi heo ông bà quy mô 1.200 con heo nái và 100 heo nọc tại ấp Cần Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước do Công Ty TNHH Japfa Comfeed Long An làm chủ đầu tư

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết một số điều của Nghị định 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường

Căn cứ Quyết định số 1469/QĐ-UBND ngày 21/6/2011 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2020;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường ngày 03/10/2012 tại Hội trường Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước của Dự án trại heo giống ông bà quy mô 1200 con heo nái và 100 con heo nọc – Công ty TNHH JAPFA COMFEED Long An tại ấp Cần Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 481/TTr-STNMT ngày 26/10/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Trang trại chăn nuôi heo ông bà quy mô 1.200 con heo nái và 100 heo nọc tại ấp Cần Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước (sau đây gọi là Dự án) do Công Ty TNHH Japfa Comfeed Long An làm chủ đầu tư (sau đây gọi là Chủ đầu tư) với các nội dung sau:

1. Vị trí, công suất của dự án:

1.1. Vị trí thực hiện dự án: ấp Cần Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

1.2. Quy mô dự án: 1.200 con heo nái và 100 con heo nọc.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1. Phải xây dựng hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng biệt. Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ phải được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án để xử lý. Nước thải của dự án phải xử lý đạt Quy chuẩn Việt Nam QCVN 40:2011/BTNMT cột B ($k_q = 0,9$ và $k_f = 1,1$) trước khi thải vào môi trường (suối nhỏ chảy qua khu vực dự án).

2.2. Trong quá trình hoạt động của dự án phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn theo qui định tại các Quy chuẩn Việt Nam QCVN 26:2010/BTNMT và độ rung theo qui định tại Quy chuẩn Việt Nam QCVN 27:2010/BTNMT. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường do bụi và các khí độc hại phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án. Nồng độ bụi, các khí độc hại trong không khí xung quanh phải đảm bảo đạt các Quy chuẩn Việt Nam QCVN 05:2009/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT; khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án phải được xử lý đạt Quy chuẩn Việt Nam QCVN 19:2009/BTNMT cột B ($K_p=1$, $K_v=1,2$), QCVN 20:2009/BTNMT. Thực hiện các biện pháp khống chế ô nhiễm do mùi phát sinh từ các hoạt động của dự án, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến khu dân cư xung quanh.

2.3. Thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn chăn nuôi theo đúng qui định. Thực hiện các biện pháp ngăn ngừa, phòng chống dịch bệnh cho trại chăn nuôi và khu vực xung quanh. Đối với các loại chất thải nguy hại phải thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý theo qui định tại Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại. Phải xây dựng lò đốt heo chết không do dịch bệnh theo đúng nội dung đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường. Heo chết do dịch bệnh là chất thải nguy hại phải xử lý theo qui định không tự ý đốt tại các lò đốt.

2.4. Thực hiện trồng cây xanh trong khu vực dự án, xung quanh khu vực chăn nuôi phải có dãy cây xanh cách ly với khu vực xung quanh như đã trình bày trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2.5. Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ kho nguyên liệu có chứa dung môi, các rủi ro và sự cố môi trường khác.

2.6. Trong quá trình hoạt động, Chủ đầu tư phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu, nếu có các sự cố về môi trường phải thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường biết để xử lý.

2.7. Định kỳ thực hiện Chương trình giám sát môi trường nước thải, nước mặt, nước ngầm, không khí và công tác thu gom, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo đúng nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường.

2.8. Thực hiện các yêu cầu của địa phương tại Công văn số 25/UBND ngày 25/9/2012 của UBND xã Lộc Thịnh về việc ý kiến tham vấn về Dự án: "Trại heo giống ông bà quy mô 1300 con" và Công văn số 01/CV-MTTQ ngày 25/9/2012 của UBND xã Lộc Thịnh về việc ý kiến tham vấn về Dự án: "Trại heo giống ông bà quy mô 1300 con". Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong

quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo an ninh trật tự và ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương.

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm sau đây:

1. Lập, phê duyệt và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của Dự án trước khi triển khai thực hiện dự án.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án gửi cơ quan có thẩm quyền để kiểm tra, xác nhận trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức theo quy định tại Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ và Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với các khoản 1 và 2 Điều 1 của Quyết định này, Chủ đầu tư phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh Bình Phước.

Điều 4. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để quyết định việc đầu tư dự án; là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 5. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra, giám sát và xác nhận việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, PCT;
- Sở TN&MT; CCBVMT;
- UBND huyện Lộc Ninh;
- UBND xã Lộc Thịnh;
- Công ty TNHH Japfa Comfeed Long An;
- LĐVP, Phòng KTN;
- Lưu: VT(HH78). *q*



Nguyễn Văn Lợi

GIẤY XÁC NHẬN
HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
của Dự án trại heo giống ông bà quy mô 1.200 con heo nái
và 100 con heo nọc tại ấp Cần Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình
Phước do Công ty TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM
– Chi nhánh Bình Phước làm chủ đầu tư.

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG XÁC NHẬN

I. Thông tin chung về dự án/cơ sở:

- Tên chủ dự án: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước
- Địa chỉ văn phòng: ấp Cần Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.
- Địa điểm hoạt động: ấp Cần Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.
- Điện thoại: 0913.113.554
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh đầu tư số 2500175548-011, chứng nhận lần đầu ngày 09/01/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp.
- Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 2282/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 của UBND tỉnh Bình Phước.

II. Nội dung xác nhận:

Xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án trại heo giống ông bà quy mô 1.200 con heo nái và 100 con heo nọc tại ấp Cần Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH JAPFA COMFEED Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước làm chủ đầu tư (tại Phụ lục kèm theo).

III. Trách nhiệm của Chủ dự án:

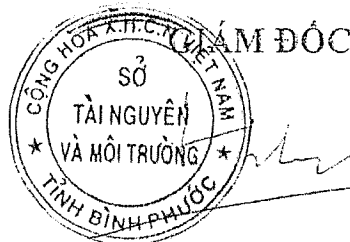
Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thường xuyên vận hành và lập nhật ký vận hành các công trình bảo vệ môi trường đã nêu tại Mục 1, 2, 3, 4 của Phụ lục kèm theo Giấy xác nhận này; thực hiện chế độ báo cáo về bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường theo quy định của pháp luật.

IV. Tổ chức thực hiện:

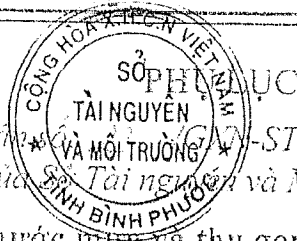
Giấy xác nhận này là căn cứ để Chủ dự án đưa dự án vào hoạt động chính thức là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở./.

Nơi nhận:

- Cty TNHH Japfa Comfeed VN – CN Bình Phước;
- P.TN&MT huyện Lộc Ninh;
- Lưu: VT, CCBVMT.



Lê Hoàng Lâm



(Kèm theo Giấy xác nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường) - STNMT ngày 14 tháng 9 năm 2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

1. Công trình thu gom nước mưa và thu gom, xử lý nước thải:

Công ty đã xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải. Công trình thu gom, thoát nước mưa và thu gom, xử lý nước thải của Dự án trại heo giống ông bà quy mô 1.200 con heo nái và 100 con heo nọc tại ấp Cần Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước (sau đây viết tắt là Trang trại) cụ thể như sau:

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa được thu gom bằng hệ thống mương hở bao xung quanh các dãy của trại nuôi. Nước mưa được thu gom từ khu trại nuôi bằng hệ thống mương hở và hố ga xây bằng gạch, BTCT để lắng cặn. Sau đó, nước mưa theo cống ngầm BTCT Ø 500 dẫn về hồ chứa nước mưa để tận dụng phục vụ vệ sinh cho trại nuôi, tưới cây; phần nước dư còn lại được tự chảy ra suối Nhỏ. Nước mưa từ các dãy chuồng nuôi được thu gom bằng hệ thống mương hở và ống, dẫn về các hố ga sau đó ra hồ chứa nước mưa. Công ty đã xây dựng hồ chứa nước mưa có kích thước 45x45x5m. Khu bên ngoài khuôn viên trại, nước mưa chảy tràn trên mặt và tự thấm trên mặt đất tự nhiên.

- Nước thải sinh hoạt được thu gom vào bể tự hoại 03 ngăn bằng đường ống nhựa PVC 90mm, sau đó theo ống nhựa PVC đường kính Ø350 mm, dài 150m dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung. Đối với nước thải từ nhà ăn được đưa qua hệ thống bể rác, gạt tách dầu mỡ và thức ăn thừa sau đó nước thải theo đường ống theo ống nhựa PVC đường kính Ø350mm dẫn đưa vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải từ hoạt động chăn nuôi của Trang trại được thu gom bằng ống PVC có đường kính Ø350mm và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung. Nước thải từ nhà sát trùng và hố sát trùng được thu gom về khử trùng của hệ thống xử lý nước thải, nước thải từ hệ thống xử lý khí thải được thu gom về ao tùy nghi (bể điều hòa) của hệ thống xử lý nước thải. Nước thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT và QCVN 01-14 :2010/BTNMT, được tận dụng vệ sinh cho trại nuôi, tưới cây và phần còn dư thải vào suối nhỏ.

- Công ty đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải của Trang trại công suất 250m³/ngày.đêm gồm các hạng mục, công trình: Nước thải chăn nuôi + Nước thải sinh hoạt, nước thải nhà ăn → Hàm ử Biogas/ kỵ khí → Ao lắng cặn → Ao lọc kị khí giá thể xơ dừa → Ao tùy nghi (Bể điều hòa) → Bể thiếu khí (Anoxic) → Bể hiếu khí (Aerotank) → Bể lắng sinh học → Bể phản ứng (keo



tụ) → Bể tạo bông → Bể lắng hoá lý → Cột lọc áp lực → Bể khử trùng → Ao nuôi cá. Kích thước các hạng mục công trình xử lý nước thải như sau:

+ Hầm ủ Biogas/kỵ khí: Kích thước $D \times R \times C = 74m \times 34m \times 10m$, lót và phủ bạt HDPE;

+ Ao lắng cấp: Kích thước $D \times R \times C = 108m \times 25m \times 7m$, lót bằng bạt HDPE;

+ Ao lọc kỵ khí giá thể: Kích thước $D \times R \times C = 108m \times 25m \times 7m$, lót bằng bạt HDPE;

+ Ao tùy nghi (Bể điều hoà): Kích thước $D \times R \times C = 63m \times 20m \times 7m$, lót bằng bạt HDPE;

+ Bể thiếu khí: Kích thước $D \times R \times C = 7,2m \times 3,8m \times 4m$, BTCT và có quét vật liệu chống thấm.

+ Bể hiếu khí: Kích thước $D \times R \times C = 9,2m \times 5,5m \times 4m$, BTCT và có quét vật liệu chống thấm.

+ Bể lắng sinh học: Kích thước $D \times R \times C = 4,8m \times 4,8m \times 4m$, BTCT và có quét vật liệu chống thấm.

+ Bể phản ứng (keo tụ): Kích thước $D \times R \times C = 1,6m \times 1,2m \times 4m$, BTCT và có quét vật liệu chống thấm.

+ Bể tạo bông: Kích thước $D \times R \times C = 1,6m \times 1,2m \times 4m$, BTCT và có quét vật liệu chống thấm.

+ Bể lắng hóa lý: Kích thước $D \times R \times C = 3,4m \times 3,4m \times 4m$, BTCT và có quét vật liệu chống thấm.

+ Cột lọc áp lực: Kích thước $D \times H = 1,2m \times 2m$, inox

+ Bể khử trùng (O3 bể): Kích thước $D \times R \times C = 3,6m \times 1,3m \times 4m$, gạch, BTCT và có quét vật liệu chống thấm.

+ Hồ nuôi cá: Kích thước $D \times R \times C = 70m \times 40m \times 7m$, lót bằng bạt HDPE.

2. Công trình xử lý bụi, khí thải:

- Công ty sử dụng máy phát điện chạy bằng khí Biogas, khí thải từ máy phát điện được phát tán ra môi trường bằng ống khói cao khoảng 5m đường kính khoảng 0,3m.

- Công ty đã lắp đặt 01 lò đốt công suất 150kg/giờ sử dụng nhiên liệu từ biogas để đốt xác heo chết không do dịch bệnh và nhau thai. Khí thải sau khi ra khỏi lò đốt sẽ được dẫn đến hệ thống xử lý khí thải. Lượng khí phát sinh sẽ được

dẫn đến tháp hấp thụ (sử dụng hóa chất NaOH), sau đó thải ra môi trường qua ống khói có đường kính 168mm; cao 5m tính từ mặt đất. Nước từ quá trình xử lý khí thải được tuần hoàn lại cho hệ thống xử lý khí, sau một thời gian sẽ thu gom về hệ thống xử lý nước thải để xử lý. Khí thải xử lý đạt cột B QCVN 19:2009/BTNMT ($k_p = 1$, $k_v=1,2$), QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thải ra môi trường.

3. Công trình xử lý, quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Công ty đã bố trí kho lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại với diện tích $D \times R = 5m \times 3,5m = 17,5m^2$ để thu gom, lưu giữ CTNH theo quy định; đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với Công ty TNHH Thương mại – xử lý môi trường Thành Lập tại Hợp đồng số 17-01/2019/HĐTL-JFBP ngày 17/01/2019.

- Chất thải rắn sinh hoạt: Lượng rác sinh hoạt trung bình của Trang trại khoảng 20 kg/ngày được thu gom và chứa trong các thùng nhựa có nắp đậy kín được bố trí ngay tại nơi phát sinh (nhà ăn, văn phòng, ...). Hàng ngày, lượng rác này được thu gom và được hợp đồng với Hợp tác xã Tiểu thủ công nghiệp Tân Thành tại Hợp đồng số 52/HĐGR-JCVN-TT ngày 10/01/2019.

- Chất thải rắn chăn nuôi: Đối với chất thải rắn không nguy hại có khả năng tái sử dụng như thùng carton, bao bì đựng lọ, thuốc....được thu gom và lưu giữ tại kho chứa chất thải rắn thông thường có kích thước $D \times R = 18m \times 108m^2$. Chất thải rắn có khả năng tái chế của dự án sau đó bán cho các đơn vị thu mua phế liệu; các chất thải không có khả năng tái chế được Công ty hợp đồng thu gom và xử lý với Hợp tác xã Tiểu thủ công nghiệp Tân Thành tại Hợp đồng số 52/HĐGR-JCVN-TT ngày 10/01/2019.

- Phân heo: Công ty đã đầu tư nhà chứa phân heo có kết cấu tường gạch, mái tôn, diện tích $70m^2$. Phân được Công ty chứa tại kho chứa phân heo và bón cây tại khuôn viên Trang trại.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải ước tính khoảng 10-15 kg bùn hàng ngày được phơi tại sân phơi bùn, sau đó đóng bao và chứa tại kho chứa chất thải thông thường và đem bón cho cây xanh trong khu vực trang trại.

4. Công trình bảo vệ môi trường khác:

- Công ty đã lắp đặt các hệ thống quạt thông gió, hệ thống làm mát cục bộ, ... trong Trang trại nhằm giảm các tác động của nhiệt dư.

- Công ty thực hiện các phun chế phẩm EM nhằm giảm thiểu mùi hôi bằng tại khu vực trại chăn nuôi, khu vực nhà chứa phân,

- Công ty đã trang bị phương tiện, thiết bị phòng cháy chữa cháy cho Trang trại.

- Đã trồng cây xanh đạt tỷ lệ 20% tổng diện tích của Trang Trại theo nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

5. Hồ sơ kèm theo Giấy xác nhận:

Hồ sơ sau đây được Sở Tài nguyên và Môi trường đóng dấu xác nhận trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Giấy xác nhận này:

Bộ hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường với dòng chữ sau trên bìa: “Kèm theo Giấy xác nhận số 23 /GXN-STNMT do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp lần đầu ngày 23 tháng 9 năm 2019”.

6. Yêu cầu khác:

- Yêu cầu Công ty trong quá trình hoạt động phải thường xuyên vận hành các công trình bảo vệ môi trường, đảm bảo xử lý các chất thải đạt QCVN theo quy định. Nước thải phải đảm bảo xử lý đạt cột B của QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-14 :2010/BNNT - trước khi tưới cây, vệ sinh chuồng trại và một phần thải ra môi trường. Cam kết về kích thước các hạng mục công trình xử lý nước thải, đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải như đã mô tả trong hồ sơ và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu hệ thống xử lý nước thải không đảm bảo quy chuẩn cho phép.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với công trình bảo vệ môi trường hoặc có sự thay đổi nội dung trong Giấy xác nhận này, Công ty phải báo cáo bằng văn bản đến cơ quan xác nhận để kịp thời xử lý hoặc điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn./.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(V/v: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt và công nghiệp)

Số: 0101/2024/HĐ/TT-JCV

- Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT – BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ vào chức năng và điều kiện xử lý chất thải sinh hoạt và công nghiệp của Hợp tác xã Tiểu Thủ Công nghiệp Tấn Thành;
- Căn cứ vào nhu cầu của Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam

Hôm nay, ngày 30 tháng 12 năm 2023, đại diện hai bên gồm có:

BÊN A : CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Địa chỉ : Thị trấn Hương Canh, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Điện thoại : 02513 938 789 Fax:

Mã số thuế : 2500175548.

Đại diện : Ông Tan Ho Liat Chức vụ: GD BP heo- KV phía Nam

Theo Giấy ủy quyền số 10/2023/JCV-OP ngày 01/04/2023.

BÊN B: HỢP TÁC XÃ TIỂU THỦ CÔNG NGHIỆP TẤN THÀNH.

Địa chỉ : 573 ấp Trung Lương, xã Xuân Trường, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : 02516.277.772 – 0933.263.872

Email : httxtcntanthanh2011@gmail.com

Mã số thuế : 360 264 6621.

Tài khoản : 590 220 100 3296 tại ngân hàng Agribank- chi nhánh Xuân Lộc.

Đại diện : Bà Nguyễn Thị Hoa Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Sau khi thỏa thuận, hai bên đồng ý ký kết hợp đồng với các điều khoản sau đây:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1.1 Bên A đồng ý chọn Bên B thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt và công nghiệp tại các địa điểm kinh doanh của Công Ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam theo đúng chức năng hành nghề của Bên B đã được cấp phép.



Handwritten signature

Toàn bộ chất thải được chuyên chở và đưa về xử lý tại **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN TM-XD ĐA LỘC - NHÀ MÁY XỬ LÝ RÁC ĐỊNH QUÁN** từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

1.2 Địa điểm thu gom tại: **Theo danh sách trại kèm theo.**

1.3 Hợp đồng có thời hạn: kể từ ngày ký hợp đồng đến **31/12/2024.**

ĐIỀU 2. SỐ LƯỢNG, DANH MỤC CHẤT THẢI XỬ LÝ VÀ ĐƠN GIÁ

2.1 **Số lượng:**

2.1.1 Số lượng chất thải phụ thuộc vào quá trình phát sinh chất thải sinh hoạt và công nghiệp tại các địa điểm kinh doanh của Công Ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam đang lưu giữ tại kho.

2.1.2 Số lượng chất thải được tính theo số lượng thực tế mà Bên A giao cho Bên B thông qua Biên bản giao nhận có xác nhận của đại diện hai bên.

2.2 **Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý:**

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	SỐ LƯỢNG (địa điểm thu gom)	ĐƠN GIÁ (VND/ địa điểm)	THÀNH TIỀN (VND)
1	Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt và công nghiệp.	1	2.500.000	2.500.000
	TỔNG CỘNG (chưa bao gồm thuế GTGT)			2.500.000
<i>Bảng chữ: Hai triệu năm trăm ngàn đồng chẵn.</i>				

- Tần suất thu gom: **01 lần/tháng.**

- Số lượng thu gom tối đa 2.000kg/1 lần thu gom/tháng, nếu lượng rác thu gom vượt số lượng thì tính 1.500 VNĐ/kg.

Ghi chú:

- Khối lượng chất thải đều được quy đổi bằng đơn vị kilogam;
- Xe vận chuyển có đủ chức năng vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt và công nghiệp.

ĐIỀU 3. ĐỊA ĐIỂM THU GOM VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1 **Địa điểm thu gom**

3.1.1 Địa điểm thu gom chất thải tại kho chứa rác tại các địa điểm kinh doanh của Công Ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam theo danh sách đính kèm.

Sau thu gom và xử lý chất thải, hai bên căn cứ trên Biên bản giao nhận thực tế có xác nhận của đại diện hai bên, Bên B phát hành hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên A.

3.2 **Phương thức thanh toán**

3.2.1 Hình thức thanh toán: Bên A thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý cho Bên B theo hình thức chuyển khoản.

3.2.2 Thanh toán 01 (một) lần trong vòng 10 ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn thuế GTGT hợp pháp và chứng từ thu gom rác sinh hoạt và công nghiệp của các trại đã thu gom thực tế và được ký tên và đóng dấu của Bên B.

3.3 Thông tin xuất hóa đơn: Theo danh sách trại đính kèm.

ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

4.1 Trách nhiệm của Bên A

4.1.1 Khi cần thu gom rác sinh hoạt và công nghiệp, Bên A thông báo cho bên B trước 03 ngày qua số điện thoại: 02516.277.772 – 0933.263.872 hoặc email: htxttntanthanh2011@gmail.com và Bên B phải hoàn thành việc thu gom trong 03 ngày tiếp theo.

4.1.2 Khi bàn giao rác sinh hoạt và công nghiệp, Bên A phải ký vào biên bản bàn giao chất thải.

4.1.3 Bên A tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ của Bên B thực hiện thu gom chất thải, cử nhân viên giám sát trong quá trình thu gom chất thải hay cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào cổng Công ty.

4.2 Trách nhiệm của Bên B

4.2.1 Bên B có trách nhiệm thực hiện vận chuyển theo yêu cầu của Bên A để tránh tình trạng ứ đọng kho bãi, bảo đảm chất thải được xử lý và tái chế, tái sử dụng theo đúng quy định hiện hành của Chính phủ Việt Nam về bảo vệ môi trường. Chất thải được xử lý bằng các phương pháp đã đăng ký trong giấy phép xử lý, tiêu hủy đã được cấp của Bên B.

4.2.2 Bên B có trách nhiệm làm thủ tục xuất trình giấy tờ cần thiết và thực hiện tốt nội quy của Bên A khi xe và công nhân của Bên B ra/vào cổng Bên A.

4.2.3 Sau khi chất thải của Bên A được giao cho Bên B, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra trong quá trình vận chuyển, lưu giữ và xử lý thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.

4.2.4 Vận chuyển chất thải ra khỏi cổng của Bên A khi đã thu gom hết số lượng chất thải Bên A giao.

4.2.5 Bên B phải mang đầy đủ các phương tiện thiết bị chuyên dụng cần thiết khi đến thu gom chất thải. Tuân thủ quy chế quản lý chất thải theo quy định của pháp luật về việc thu gom, vận chuyển và xử lý.

4.2.6 Bên B phải cung cấp biên bản thu gom chất thải cho Bên A sau khi đã hoàn thành việc thu gom chất thải.

4.2.7 Bên B phải cung cấp các hồ sơ liên quan đến việc thu gom và xử lý chất thải cho Bên A, để Bên A có căn cứ ký hợp đồng và khi Bên A yêu cầu.

ĐIỀU 5. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

5.1 Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã ký, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.

5.2 Mọi tranh chấp phát sinh đều được ưu tiên giải quyết trên tinh thần hợp tác, thương lượng. Nếu hai bên không tự giải quyết được vấn đề, cả hai cùng thống nhất sẽ đưa ra giải quyết theo quy định pháp luật Việt Nam hiện hành và theo quyết định Tòa án nhân dân TP. HCM hoặc Tòa án Kinh tế có thẩm quyền. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà cả hai bên đều phải tuân thủ. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu trách nhiệm thanh toán.

Số 2
XÃ
NGHIỆ
NH
ĐƠN

T.T.N.
H
ED
INH PH

5.3 Bên B có trách nhiệm photo và đóng dấu các giấy phép kinh doanh, giấy phép hành nghề xử lý chất thải theo yêu cầu của Luật Bảo vệ môi trường cho Bên A.

ĐIỀU 6. TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

6.1 Thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng là nghĩa vụ của các bên liên quan trong hợp đồng và cũng là một nguyên tắc luật định. Tuy nhiên, không phải lúc nào hợp đồng cũng được thực hiện một cách suôn sẻ. Vẫn có thể có những biến cố xảy ra làm ảnh hưởng đến quá trình thực hiện hợp đồng của các bên. Trong đó có những sự cố nằm ngoài khả năng dự đoán và kiểm soát của các bên, xảy ra không phải do lỗi của các bên, mà do các “sự kiện bất khả kháng” như: lũ lụt, hỏa hoạn, bão, động đất, sóng thần, chiến tranh, bạo loạn, đảo chính, đình công, cấm vận, thay đổi chính sách của chính phủ,....

6.2 Khi có các sự kiện này xảy ra làm chậm trễ quá trình thực hiện hợp đồng của một trong các bên liên quan đến hợp đồng, thì bên xảy ra sự cố phải nhanh chóng thông báo cho Bên còn lại, để cùng nhau giải quyết các vấn đề phát sinh.

ĐIỀU 7. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

7.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và kết thúc sau khi việc vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt và công nghiệp, thanh toán chi phí xử lý hoàn tất đến ngày 31/12/2024.

7.2 Việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng chỉ có hiệu lực thi hành bằng cách: Hai bên thỏa thuận ký kết phụ lục bổ sung hoặc ký kết hợp đồng mới. Phụ lục bổ sung hợp đồng là một bộ phận không thể tách rời với hợp đồng và có hiệu lực như hợp đồng chính. Nếu phụ lục bổ sung hợp đồng có những điều khoản trái với điều khoản nào trong hợp đồng thì được coi điều khoản đó trong hợp đồng chính đã được sửa đổi.

7.3 Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau.



DANH SÁCH TRẠI VÀ THÔNG TIN XUẤT HÓA ĐƠN

(Kèm theo Hợp đồng số: 0101/2024/HĐ/TT-JCV ký ngày 30/12 /2023)

STT	Tên địa điểm kinh doanh	Thông tin xuất hóa đơn		Địa chỉ trại thu gom
		Tên công ty và địa chỉ	Mã số thuế	
1	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước (Trại heo ông bà)	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước Địa chỉ: Khu 4, Ấp Cản Lê, Xã Lộc Thịnh, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam	2500175548-011	Khu 4, Ấp Cản Lê, Xã Lộc Thịnh, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam
2	Địa điểm kinh doanh Công ty Trách Nhiệm Hữu hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước - Trang trại chăn nuôi heo nuôi heo nọc (AI Center)	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước Địa chỉ: Khu 4, Ấp Cản Lê, Xã Lộc Thịnh, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam	2500175548-011	Tổ 1, thôn 2, xã Thống Nhất, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, Việt Nam
3	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước 2 (Trại heo phú Riềng)	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước 2. Địa chỉ: Thôn Phú Mang 3, Xã Long Hà, Huyện Phú Riềng, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam	2500175548-031	Thôn Phú Mang 3, Xã Long Hà, Huyện Phú Riềng, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam
4	Trại heo GP.G Phước Tân	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	2500175548-013	Ấp Tân Rú, Xã Phước Tân, Huyện Xuyên Mộc, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
5	Trại heo RF Lộc Thịnh	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	2500175548-013	Ấp Đồng Tâm, Xã Lộc Thịnh, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam
6	Trại heo PS.S Tân Hà	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị	2500175548-013	Thôn Đông Thuận, Xã Tân Hà, Huyện Hàm Tân, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam

		Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam		
7	Trại heo RF Tân Thắng	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	2500175548-013	Thôn Hàm Thắng, Xã Tân Thắng, Huyện Hàm Tân, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
8	Trại heo PS.S Hàm Cường	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	2500175548-013	Thôn Phú Sung, Xã Hàm Cường, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
9	Trại heo PS.S Hàm Thạnh	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	2500175548-013	Áp Ba Bàu, Xã Hàm Thạnh, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
10	Trại heo PS.S Xuân Tây	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	2500175548-013	Tổ 4, ấp 4, Xuân tây, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
11	Trại heo GP.G Xuân Hưng 1	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4	2500175548-013	Tổ 7, ấp 1, xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
12	Trại heo RF Xuân Trường	Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	2500175548-013	Tổ 8, Ấp Trung Hiếu, Xã Xuân Trường, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
13	Trại heo RF Xuân Thành	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố	2500175548-013	Tổ 12, Ấp Tân Hoà, Xã Xuân Thành, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

360
HỢP
THỦ
TÂN
NL

2017
CƠ
CH
PFA
VIỆ
XUY

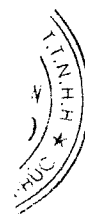
		Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam		
14	Trại heo RF Xuân Đông 1,2	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	2500175548-013	Tổ 1, Ấp Láng Me, Xã Xuân Đông, Huyện Cẩm Mỹ, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
15	Trại heo PS.S Suối Cao	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	2500175548-013	Số 38, Tổ 19, Ấp Chà Rang, Xã Suối Cao, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
16	Trại heo RF Dạ Tềh	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	2500175548-013	Thôn 1A, Xã Triệu Hải, Huyện Dạ Tềh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
17	Trại heo GP.S Lộc Thịnh	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	2500175548-013	Khu 4, Ấp Càn Lê, Xã Lộc Thịnh, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
18	Trại heo PS Lộc Thịnh 1	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	2500175548-013	Ấp Tà Kiết, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, Việt Nam
19	Địa Điểm Kinh Doanh Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 - Trại heo PS.S Đắc Nhau 1	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố	2500175548-013	Thôn Đắc Wí, Xã Đắc Nhau, Huyện Bù Đăng, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

		Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam		
20	Trại heo RF Ea Pô	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	2500175548-013	Thôn 1, Cồn Dầu, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam
21	Địa Điểm Kinh Doanh Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai 4 - Trại heo GP.S Đắk Nhau 2	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	2500175548	Đường DT760, Thôn Đắk Wí, Xã Đắk Nhau, Huyện Bù Đăng, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam
22	Địa Điểm Kinh Doanh Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai 4 - Trại Heo RF Krong Pak	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	2500175548-013	Buôn Kruê, xã Vụ Bồn, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.
23	Địa Điểm Kinh Doanh Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai 4 - Trại Heo RF Hòa Thạnh 1,2	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	2500175548-013	ấp Hiệp Bình, xã Hòa Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
24	Địa Điểm Kinh Doanh Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai 4 - Trại Heo RF Quảng Tân	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	2500175548-013	Thôn Đắk M'rê, xã Quảng Tân, Huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông, Việt Nam
25	Địa Điểm Kinh Doanh Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai 4 - Trại Heo RF Quảng Phú 2	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố	2500175548-013	Thôn Phú Hòa, xã Quảng Phú, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

21.1
CÁ
HIỆP
H
ĐỒNG

3.C
TY
QUY
FEE
M
VINAT

		Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.		
26	Địa Điểm Kinh Doanh Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai 4 - Trại Heo RF Quảng Phú	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	2500175548 – 013	Thôn Phú Hòa, xã Quảng Phú, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.
27	Địa Điểm Kinh Doanh Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai 4 - Trại Heo PS.S Chư Răng	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	2500175548-013	Thôn Plei Du, xã Chư Răng, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(V/v: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại)

Số: 0101/2024/HĐ –TĐX

- Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT – BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ vào chức năng và điều kiện xử lý chất thải nguy hại của Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Trái Đất Xanh;
- Căn cứ vào nhu cầu của Công Ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam

Hôm nay, ngày 30 tháng 12 năm 2023, đại diện hai bên gồm có:

BÊN A : CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

Địa chỉ : Thị trấn Hương Canh, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Điện thoại : 02513 938 789

Fax:

Mã số thuế : 2500175548.

Đại diện : Ông Tan Ho Liat

Chức vụ: **GĐ BP heo- KV phía Nam**

Theo Giấy ủy quyền số 10/2023/JCV-OP ngày 01/04/2023.

BÊN B : CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TRÁI ĐẤT XANH

Địa chỉ : Lô 04HG-1, Đường dọc kênh Ranh, KCN Xuyên Á, ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

Điện thoại : 0272.3758858

Fax: 0272.3758828

Mã số thuế : 1101404258

Số tài khoản : 118492999. Tại Ngân hàng Á Châu, Chi nhánh Phú Lâm, TP.HCM.

Đại diện : Ông **Đỗ Huy Lực**

Chức vụ: **Tổng giám đốc**

Sau khi thỏa thuận, hai bên đồng ý ký kết hợp đồng với các điều khoản sau đây:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1.1 Bên A đồng ý chọn Bên B thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại tại các địa điểm kinh doanh của Công Ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam theo đúng chức năng hành nghề của Bên B đã được cấp phép.

1.2 Toàn bộ chất thải được chuyên chở và đưa về xử lý tại Nhà máy xử lý chất thải nguy hại của Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Trái Đất Xanh, tại địa chỉ: Lô 04HG-1, Đường dọc kênh Ranh, KCN Xuyên Á, ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

1.3 Hợp đồng có thời hạn kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31/12/2024.

ĐIỀU 2. SỐ LƯỢNG, DANH MỤC CHẤT THẢI XỬ LÝ VÀ ĐƠN GIÁ

2.1 Số lượng

2.1.1 Số lượng chất thải phụ thuộc vào quá trình phát sinh chất thải nguy hại (CTNH) tại các địa điểm kinh doanh của Công Ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam đang lưu giữ tại kho.

2.1.2 Số lượng chất thải được tính theo số lượng thực tế mà Bên A giao cho Bên B thông qua Biên bản giao nhận có xác nhận của đại diện hai bên.

2.2 Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý

STT	HẠNG MỤC CÔNG VIỆC	SỐ LƯỢNG (địa điểm thu gom)	ĐƠN GIÁ (VND/ địa điểm)	THÀNH TIỀN (VND)
1	Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại (Khối lượng CTNH bàn giao của 01 địa điểm ≤ 300 Kg)	37	4.600.000	170.200.000
	TỔNG CỘNG (chưa bao gồm thuế VAT)			170.200.000

Bảng chữ: Một trăm bảy mươi triệu hai trăm ngàn đồng chẵn.

- Tần suất thu gom: **01 lần/năm/trại**

- Đơn giá phát sinh với số lượng vượt qua 300kg/địa điểm là: **8.000 VNĐ/kg** (chưa bao gồm thuế VAT)

Ghi chú:

- Khối lượng chất thải đều được quy đổi bằng đơn vị kilogam;
- Xe vận chuyển có chức năng vận chuyển và xử lý CTNH được Bộ TNMT cấp phép.

Danh mục chất thải và điều kiện lưu giữ:

Danh mục các mã chất thải và điều kiện lưu giữ: Căn cứ theo sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải của Bên A được cấp.

TT	Tên chất thải	ĐVT	Mã CTNH
01	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Kg	16 01 06
02	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), bao tay, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Kg	18 02 01
03	Hộp mực in thải	Kg	08 02 04
04	Bao bì mềm thải	Kg	18 01 01
05	Bao bì kim loại cứng thải	Kg	18 01 02
06	Bao bì nhựa thải	Kg	18 01 03
07	Bao bì thải bằng các vật liệu khác: chai, lọ thủy tinh,...	Kg	18 01 04
08	Dụng cụ thuốc thú y thải	Kg	13 02 01
09	Dung dịch thuốc thú y thải	Kg	13 02 02

ĐIỀU 3. ĐỊA ĐIỂM THU GOM VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1 Địa điểm thu gom

3.1.1 Địa điểm thu gom chất thải tại kho chứa rác tại các địa điểm kinh doanh của Công Ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam theo danh sách đính kèm.

Sau thu gom và xử lý chất thải, hai bên căn cứ trên Biên bản giao nhận thực tế có xác nhận của đại diện hai bên, Bên B phát hành hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên A về chi phí xử lý chất thải nguy hại.

3.2 Phương thức thanh toán

3.2.1 Hình thức thanh toán: Bên A thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý cho Bên B theo hình thức chuyển khoản.

Handwritten signature and stamp

NG TY
NHÌEM HỮU
A COM
VIỆT N
XUYẾN

548-C
NG TY
NHÌEM HỮU
A COM
VIỆT N
XUYẾN

3.2.2 Thanh toán 1 (một) lần trong vòng 10 ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn GTGT hợp pháp và chứng từ CTNH theo phụ lục 3 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của các trại đã thu gom thực tế và được ký tên và đóng dấu của Bên B.

3.3 **Thông tin xuất hóa đơn:** Theo danh sách đính kèm.

ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

4.1 Trách nhiệm của Bên A

4.1.1 Toàn bộ chất thải của Bên A phải được thu gom, phân loại chất thải theo từng loại riêng biệt và có nhãn chất thải: chất thải rắn chứa vào bao PE, chất thải lỏng chứa vào thùng có nắp đậy kín và lưu trữ tại một khu vực riêng biệt, cố định để thuận tiện khi Bên B đến thu gom chất thải.

4.1.2 Khi cần thu gom rác thải nguy hại, Bên A thông báo cho bên B trước 03 ngày qua số điện thoại: 0909468616/0272.3758858 hoặc email: khacgiapcnmt@gmail.com và Bên B phải hoàn thành việc thu gom trong 03 ngày tiếp theo.

4.1.3 Khi bàn giao chất thải nguy hại, Bên A phải lập 01 bộ "Chứng từ chất thải nguy hại" gồm 04 liên theo phụ lục 03 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và đã được Bên A ký tên, đóng dấu ở mục 06 và giao cho Bên B trong ngày thu gom chất thải.

4.1.4 Nếu Bên A không phân loại chất thải theo từng loại riêng biệt và không bàn giao chứng từ chất thải nguy hại trong ngày chuyển giao chất thải đúng theo quy định môi trường, thì Bên B sẽ không nhận hàng và Bên A phải chịu toàn bộ chi phí vận chuyển là 5.000.000 VNĐ (Viết bằng chữ: Năm triệu đồng).

4.1.5 Bên A tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ của Bên B thực hiện đóng gói chất thải, cử nhân viên giám sát trong quá trình thu gom chất thải hay cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào cổng Công ty.

4.2 Trách nhiệm của Bên B

4.2.1 Bên B có trách nhiệm thực hiện vận chuyển theo yêu cầu của Bên A để tránh tình trạng ứ đọng kho bãi, bảo đảm chất thải được xử lý và tái chế, tái sử dụng theo đúng quy định hiện hành của Chính phủ Việt Nam về bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được xử lý bằng các phương pháp đã đăng ký trong giấy phép xử lý, tiêu hủy CTNH đã được cấp của Bên B.

4.2.2 Bên B có trách nhiệm làm thủ tục xuất trình giấy tờ cần thiết và thực hiện tốt nội quy của Bên A khi xe và công nhân của Bên B ra/vào cổng Bên A.

4.2.3 Sau khi chất thải của Bên A được giao cho Bên B, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra trong quá trình vận chuyển, lưu giữ và xử lý thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.

4.2.4 Vận chuyển chất thải ra khỏi cổng của Bên A khi đủ chuyển và chỉ chờ loại hàng trong danh mục chất thải của Hợp đồng này.

4.2.5 Bên B phải mang đầy đủ các phương tiện thiết bị chuyên dụng cần thiết khi đến thu gom chất thải. Tuân thủ quy chế quản lý chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật về việc thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH.

4.2.6 Bên B phải cung cấp chứng từ chất thải nguy hại cho Bên A sau khi đã hoàn thành việc xử lý chất thải nguy hại.

4.2.7 Bên B phải cung cấp các hồ sơ liên quan đến việc thu gom và xử lý chất thải cho Bên A, để Bên A có căn cứ ký hợp đồng và khi Bên A yêu cầu.

ĐIỀU 5. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

5.1 Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã ký, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.

5.2 Mọi tranh chấp phát sinh đều được ưu tiên giải quyết trên tinh thần hợp tác, thương lượng. Nếu hai bên không tự giải quyết được vấn đề, cả hai cùng thống nhất sẽ đưa ra giải quyết theo quy định pháp luật Việt Nam hiện hành và theo quyết định Tòa án nhân dân TP. HCM hoặc Tòa án Kinh tế có thẩm quyền. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà cả hai bên đều phải tuân thủ. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu trách nhiệm thanh toán.

5.3 Bên B có trách nhiệm photo và đóng dấu các giấy phép kinh doanh, giấy phép hành nghề xử lý chất thải theo yêu cầu của Luật Bảo vệ môi trường cho Bên A.

ĐIỀU 6. TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

6.1 Thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng là nghĩa vụ của các bên liên quan trong hợp đồng và cũng là một nguyên tắc luật định. Tuy nhiên, không phải lúc nào hợp đồng cũng được thực hiện một cách suôn sẻ.



Handwritten signature

Vẫn có thể có những biến cố xảy ra làm ảnh hưởng đến quá trình thực hiện hợp đồng của các bên. Trong đó có những sự cố nằm ngoài khả năng dự đoán và kiểm soát của các bên, xảy ra không phải do lỗi của các bên, mà do các “sự kiện bất khả kháng” như: lũ lụt, hỏa hoạn, bão, động đất, sóng thần, chiến tranh, bạo loạn, đảo chính, đình công, cấm vận, thay đổi chính sách của chính phủ,....

6.2 Khi có các sự kiện này xảy ra làm chậm trễ quá trình thực hiện hợp đồng của một trong các bên liên quan đến hợp đồng, thì bên xảy ra sự cố phải nhanh chóng thông báo cho Bên còn lại, để cùng nhau giải quyết các vấn đề phát sinh.

ĐIỀU 7. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

7.1 Hợp đồng này có hiệu lực 01 (một) năm kể từ ngày ký và kết thúc sau khi việc vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, thanh toán chi phí xử lý hoàn tất.

7.2 Việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng chỉ có hiệu lực thi hành bằng cách: Hai bên thỏa thuận ký kết phụ lục bổ sung hoặc ký kết hợp đồng mới. Phụ lục bổ sung hợp đồng là một bộ phận không thể tách rời với hợp đồng và có hiệu lực như hợp đồng chính. Nếu phụ lục bổ sung hợp đồng có những điều khoản trái với điều khoản nào trong hợp đồng thì được coi điều khoản đó trong hợp đồng chính đã được sửa đổi.

7.3 Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau.



DANH MỤC CƠ SỞ PHÁT SINH CHẤT THẢI

Đính kèm hợp đồng Số: 0101 /2024/HĐ –TĐX ngày 30/12/2023

STT	Tên địa điểm kinh doanh	Thông tin xuất hóa đơn		Địa chỉ trại thu gom
		Tên công ty và địa chỉ	Mã số thuế	
1	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước (Trại heo ông bà)	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước Địa chỉ: Khu 4, Ấp Cầm Lê, Xã Lộc Thịnh, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam	2500175548-011	Khu 4, Ấp Cầm Lê, Xã Lộc Thịnh, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam
2	Địa điểm kinh doanh Công ty Trách Nhiệm Hữu hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước - Trang trại chăn nuôi heo nuôi heo nọc (AI Center)	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước Địa chỉ: Khu 4, Ấp Cầm Lê, Xã Lộc Thịnh, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam	2500175548-011	Tổ 1, thôn 2, xã Thống Nhất, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, Việt Nam
3	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước 2 (Trại heo phú Riềng)	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước 2. Địa chỉ: Thôn Phú Mang 3, Xã Long Hà, Huyện Phú Riềng, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam	2500175548-031	Thôn Phú Mang 3, Xã Long Hà, Huyện Phú Riềng, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam
4	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam Địa chỉ: Thị trấn Hương Canh, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc	2500175548	Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
5	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Đại Điểm kinh doanh tại Đồng Nai - Nhà Kho	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam Địa chỉ: Thị trấn Hương Canh, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc	2500175548	Số 7/57, đường Lê Quý Đôn, KP 3, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
6	Trạm trung chuyển heo Bình Dương	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	2500175548-013	Thửa 1721, tờ bản đồ 77, Ấp Bung Thuộc, Xã Long Nguyên, Huyện Bàu Bàng, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
7	Trại heo GP.G Phước Tân	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	2500175548-013	Ấp Tân Rú, Xã Phước Tân, Huyện Xuyên Mộc, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam
8	Trại heo RF Lộc Thịnh	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố	2500175548-013	Ấp Đồng Tâm, Xã Lộc Thịnh, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam

		Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam		
9	Trại heo PS.S Tân Hà	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	2500175548-013	Thôn Đông Thuận, Xã Tân Hà, Huyện Hàm Tân, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
10	Trại heo RF Tân Thắng	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	2500175548-013	Thôn Hàm Thắng, Xã Tân Thắng, Huyện Hàm Tân, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
11	Trại heo PS.S Hàm Cường	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	2500175548-013	Thôn Phú Sung, Xã Hàm Cường, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
12	Trại heo PS.S Hàm Thạnh	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	2500175548-013	Ấp Ba Bàu, Xã Hàm Thạnh, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
13	Trại heo PS.S Xuân Tây	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	2500175548-013	Tổ 4, ấp 4, Xuân tây, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
14	Trại heo GP.G Xuân Hưng I	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4	2500175548-013	Tổ 7, ấp 1, xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
15	Trại heo RF Xuân Trường	Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	2500175548-013	Tổ 8, Ấp Trung Hiếu, Xã Xuân Trường, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
16	Trại heo RF Xuân Thành	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	2500175548-013	Tổ 12, Ấp Tân Hoà, Xã Xuân Thành, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Y
N
N
N
AN



Handwritten signature/initials

17	Trại heo RF Xuân Đông 1,2	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	2500175548-013	Tổ 1. Ấp Láng Me, Xã Xuân Đông, Huyện Cẩm Mỹ, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
18	Trại heo PS.S Suối Cao	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	2500175548-013	Số 38, Tổ 19, Ấp Chà Rang, Xã Suối Cao, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
19	Trại heo RF Dạ Tềh	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	2500175548-013	Thôn 1A, Xã Triệu Hải, Huyện Dạ Tềh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam
20	Trại heo GP.S Lộc Thịnh	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.	2500175548-013	Khu 4, Ấp Cẩn Lê, Xã Lộc Thịnh, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
21	Trại heo PS Lộc Thịnh 1	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	2500175548-013	Ấp Tả Kiệt, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, Việt Nam
22	Trại heo RF Phú Giáo	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	2500175548-013	Thửa đất số 346, Tờ bản đồ số 22 và thửa đất số 57 tờ bản đồ số 9, Xã Phước Sang, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
23	Địa Điểm Kinh Doanh Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 - Trại heo PS.S Đắc Nhau 1	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	2500175548-013	Thôn Đắc Wí, Xã Đắc Nhau, Huyện Bù Đăng, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam
24	Trạm rửa xe Đồng Nai	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam Địa chỉ: Thị trấn Hương Canh, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc	2500175548	Tổ 9, Ấp Bình Tân, Xã Xuân Phú, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
25	Kho Vật Tư	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4	2500175548-013	Số C3 Tổ 2, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hoà,

75548-1
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU
HẠN JAPFA
COMFEED VIỆT NAM
YÊN-T.N

120

		Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam		Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
26	Trại heo RF Ea Pô	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	2500175548-013	Thôn 1, Cồn Dầu, Xã Ea Pô, Huyện Cư Jút, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam
27	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai 4 - Địa điểm kinh doanh Trạm rửa xe Bình Dương	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam Địa chỉ: Thị trấn Hương Canh, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc	2500175548	Thửa đất số 1429, tờ bản đồ số 19, tổ 4 ấp Lâm Vồ, Xã Thanh Tuyền, Huyện Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
28	Địa Điểm Kinh Doanh Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai 4 - Trại heo GP.S Đăk Nhau 2	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	2500175548	Đường DT760, Thôn Đăk Wí, Xã Đăk Nhau, Huyện Bù Đăng, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam
29	Địa Điểm Kinh Doanh Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai 4 - Văn phòng Bình Phước	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam Địa chỉ: Thị trấn Hương Canh, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc	2500175548	Số 71, đường Phạm Ngọc Thạch, Khu phố Phú Trung, phường An Lộc, thị xã Bình Long, Bình Phước Việt Nam
30	Địa Điểm Kinh Doanh Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai 4 - Trại Heo RF Krong Pak	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	2500175548-013	Buôn Kruê, xã Vụ Bón, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.
31	Địa Điểm Kinh Doanh Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai 4 - Trại Heo RF Hòa Thạnh 1.2	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	2500175548-013	ấp Hiệp Bình, xã Hòa Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
32	Địa Điểm Kinh Doanh Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai 4 - Trại Heo RF Quảng Tân	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	2500175548-013	Thôn Đăk M'rê, xã Quảng Tân, Huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông, Việt Nam
33	Địa Điểm Kinh Doanh Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai 4 - Trại Heo RF Quảng Phú 2	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi Nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố	2500175548-013	Thôn Phú Hòa, xã Quảng Phú, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

Handwritten signature and official stamp of the company.

		Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.		
34	Địa Điểm Kinh Doanh Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai 4 - Trại Heo RF Quảng Phú	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	2500175548 - 013	Thôn Phú Hòa, xã Quảng Phú, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.
35	Địa Điểm Kinh Doanh Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai 4 - Trại Heo PS.S Chư Răng	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	2500175548-013	Thôn Plei Du, xã Chư Răng, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai
36	Trại heo RF Long Tân 1,2	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai 4 Địa chỉ: Số 2 và 4, Đường N1, Khu dân cư phục vụ tái định cư, Khu phố Nhị Hoà, Phường Hiệp Hoà, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	2500175548-013	Thôn 7, Xã Long Tân, Huyện Phú Riềng, Tỉnh Bình Phước.
37	Trại heo nái và heo cai sữa 5000 con	Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước 2 Địa chỉ: Thôn Phú Mang 3, Xã Long Hà, Huyện Phú Riềng, Bình Phước.	2500175548-031	Thôn Phú Mang 3, Xã Long Hà, Huyện Phú Riềng, Bình Phước.

Handwritten signature and date: 15/10/2018

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 66 /GPXD-SXD

Bình Phước, ngày 23 tháng 06 năm 2015

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: Công ty TNHH Japfa Comfeed Long An – Chi nhánh Bình Phước:

Địa chỉ trụ sở chính: xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

2. Được phép xây dựng công trình thuộc dự án: Trang trại chăn nuôi heo giống ông bà Japfa quy mô 1.200 heo nái & 100 con heo nọc.

* Gồm các nội dung sau:

- Hồ sơ do Công ty Cổ phần Xây dựng Đầu tư Thương mại Dịch vụ Phạm Gia lập.
- Đơn vị thẩm tra: Công ty Cổ phần Việt Kiến Trúc.
- Tổng số công trình: 20 công trình (bao gồm 26 hạng mục).
- Vị trí xây dựng: Trên khu đất có diện tích 194.423,6m²; thửa đất số 01, tại xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

- Mật độ xây dựng: 8,7%, hệ số sử dụng đất: 0,87.

- Màu sắc công trình: Sử dụng màu sắc hài hòa với cảnh quan và công trình xung quanh, không được sử dụng màu sắc, vật liệu gây ảnh hưởng tới thị giác, sức khỏe con người và an toàn giao thông.

* Công trình số 01: Nhà heo thịt: (10 nhà)

- + Diện tích xây dựng 01 nhà: 854,84m²
- + Tổng diện tích xây dựng 10 nhà: 8.548,4m²
- + Chiều cao công trình: 5,2m; số tầng: 01 tầng
- + Cốt nền xây dựng công trình: Cao hơn mặt đất tự nhiên là 0,6m
- + Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể trong hồ sơ cấp phép xây dựng.

* Công trình số 02: Nhà heo đực giống:

- + Diện tích xây dựng 01 nhà: 689,52m²
- + Chiều cao công trình: 5,2m; số tầng: 01 tầng
- + Cốt nền xây dựng công trình: Cao hơn mặt đất tự nhiên là 0,6m
- + Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể trong hồ sơ cấp phép xây dựng.

* Công trình số 03: Nhà heo nái:

- + Diện tích xây dựng 01 nhà: 1555,56m²
- + Chiều cao công trình: 5,2m; số tầng: 01 tầng
- + Cốt nền xây dựng công trình: Cao hơn mặt đất tự nhiên là 0,6m
- + Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể trong hồ sơ cấp phép xây dựng.

* Công trình số 04: Nhà mang thai:

- + Diện tích xây dựng: 1555,56m²
- + Chiều cao công trình: 5,2m; số tầng: 01 tầng
- + Cốt nền xây dựng công trình: Cao hơn mặt đất tự nhiên là 0,6m
- + Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể trong hồ sơ cấp phép xây dựng.



- * Công trình số 05: Nhà heo nái đẻ: (03 nhà)
 - + Diện tích xây dựng: $1.029,42\text{m}^2$
 - + Tổng diện tích xây dựng 3 nhà: $3.088,26\text{m}^2$
 - + Chiều cao công trình: 5,4m; số tầng: 01 tầng
 - + Cốt nền xây dựng công trình: Cao hơn mặt đất tự nhiên là 0,6m
 - + Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể trong hồ sơ cấp phép xây dựng.
- * Công trình số 06: Nhà heo cách ly:
 - + Diện tích xây dựng: $440,92\text{m}^2$
 - + Chiều cao công trình: 5,2m; số tầng: 01 tầng
 - + Cốt nền xây dựng công trình: Cao hơn mặt đất tự nhiên là 0,6m
 - + Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể trong hồ sơ cấp phép xây dựng.
- * Công trình số 07: Nhà xuất bán:
 - + Diện tích xây dựng: $459,67\text{m}^2$
 - + Chiều cao công trình: 5,4m; số tầng: 01 tầng
 - + Cốt nền xây dựng công trình: Cao hơn mặt đất tự nhiên là 0,8m
 - + Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể trong hồ sơ cấp phép xây dựng.
- * Công trình số 08: Nhà quản lý:
 - + Diện tích xây dựng: $92,88\text{m}^2$
 - + Chiều cao công trình: 5,15m; số tầng: 01 tầng
 - + Cốt nền xây dựng công trình: Cao hơn mặt đất tự nhiên là 0,35m
 - + Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể trong hồ sơ cấp phép xây dựng.
- * Công trình số 09: Nhà ở công nhân chuồng heo nái:
 - + Diện tích xây dựng: $241,78\text{m}^2$
 - + Chiều cao công trình: 4,75m; số tầng: 01 tầng
 - + Cốt nền xây dựng công trình: Cao hơn mặt đất tự nhiên là 0,35m
 - + Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể trong hồ sơ cấp phép xây dựng.
- * Công trình số 10: Nhà ở công nhân chuồng heo thịt:
 - + Diện tích xây dựng: $149,38\text{m}^2$
 - + Chiều cao công trình: 4,7m; số tầng: 01 tầng
 - + Cốt nền xây dựng công trình: Cao hơn mặt đất tự nhiên là 0,3m
 - + Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể trong hồ sơ cấp phép xây dựng.
- * Công trình số 11: Nhà văn phòng nhà tắm 1:
 - + Diện tích xây dựng: $170,34\text{m}^2$
 - + Chiều cao công trình: 5,678m; số tầng: 01 tầng
 - + Cốt nền xây dựng công trình: Cao hơn mặt đất tự nhiên là 0,35m
 - + Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể trong hồ sơ cấp phép xây dựng.
- * Công trình số 12: Kho thức ăn:
 - + Diện tích xây dựng: $73,44\text{m}^2$
 - + Chiều cao công trình: 5,51m; số tầng: 01 tầng
 - + Cốt nền xây dựng công trình: Cao hơn mặt đất tự nhiên là 0,35m
 - + Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể trong hồ sơ cấp phép xây dựng.
- * Công trình số 13: Nhà ăn & cách ly:
 - + Diện tích xây dựng: $443,83\text{m}^2$
 - + Chiều cao công trình: 4,85m; số tầng: 01 tầng
 - + Cốt nền xây dựng công trình: Cao hơn mặt đất tự nhiên là 0,35m

- + Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể trong hồ sơ cấp phép xây dựng.
- * **Công trình số 14:** Nhà tắm 02:
- + Diện tích xây dựng: 83,64m²
 - + Chiều cao công trình: 5,55m; số tầng: 01 tầng
 - + Cốt nền xây dựng công trình: Cao hơn mặt đất tự nhiên là 0,35m
 - + Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể trong hồ sơ cấp phép xây dựng.
- * **Công trình số 15:** Bể nước ngầm + trạm bơm:
- + Diện tích xây dựng: 211,68m²
 - + Chiều cao công trình: +5,6m; - 0,5m (tính từ mặt đất tự nhiên).
 - + Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể trong hồ sơ cấp phép xây dựng.
- * **Công trình số 16:** Nhà bảo vệ:
- + Diện tích xây dựng: 73,84m²
 - + Chiều cao công trình: 4,34m; số tầng: 01 tầng
 - + Cốt nền xây dựng công trình: Cao hơn mặt đất tự nhiên là 0,2m
 - + Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể trong hồ sơ cấp phép xây dựng.
- * **Công trình số 17:** Nhà sát trùng xe.
- + Diện tích xây dựng: 50,38m²
 - + Chiều cao công trình: 4,8m; số tầng: 01 tầng
 - + Cốt nền xây dựng công trình: Cao hơn mặt đất tự nhiên là 0,00m
 - + Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể trong hồ sơ cấp phép xây dựng.
- * **Công trình số 18:** Nhà để máy phát điện + máy biến thế:
- + Diện tích xây dựng: 96,64m²
 - + Chiều cao công trình: 4,4m; số tầng: 01 tầng
 - + Cốt nền xây dựng công trình: Cao hơn mặt đất tự nhiên là 0,2m
 - + Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể trong hồ sơ cấp phép xây dựng.
- * **Công trình số 19:** Nhà xe hai bánh + 4 bánh:
- + Diện tích xây dựng: 65m²
 - + Chiều cao công trình: 3,3m.
 - + Cốt nền xây dựng công trình: Cao hơn mặt đất tự nhiên là 0,2m
 - + Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể trong hồ sơ cấp phép xây dựng.
- * **Công trình số 20:** Nhà nghỉ trưa: (02 nhà)
- + Diện tích xây dựng: 38,44m²
 - + Tổng diện tích xây dựng 02 nhà: 76,88m²
 - + Chiều cao công trình: 4,71m; số tầng: 01 tầng
 - + Cốt nền xây dựng công trình: Cao hơn mặt đất tự nhiên là 0,35m
 - + Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể trong hồ sơ cấp phép xây dựng.
- * **Công trình số 21:** Nhà vệ sinh:
- + Diện tích xây dựng: 3m²
 - + Tổng diện tích xây dựng 02 nhà: 6m²
 - + Chiều cao công trình: 3m; số tầng: 01 tầng
 - + Cốt nền xây dựng công trình: Cao hơn mặt đất tự nhiên là 0,2m
 - + Chỉ giới xây dựng: Theo mặt bằng tổng thể trong hồ sơ cấp phép xây dựng.
- * Ngoài ra công trình còn có hệ thống điện, chống sét, hệ thống xử lý nước thải, thoát nước mưa, cổng, tường rào và sân đường nội bộ.

H. C.
HỒNG
CHỨNG
NG N
C. T.



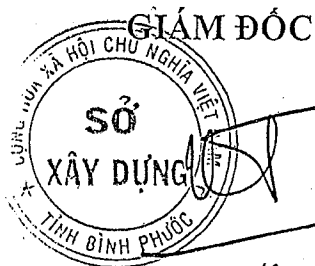
3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT 03456 ngày 08/03/2013 do UBND tỉnh cấp.

4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải xin gia hạn giấy phép.

(Chủ đầu tư lưu ý xem những nội dung phải thực hiện ở trang 05 giấy phép này).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu phòng VP.



Nguyễn Hoàng Hùng

HƯNG THỰC BẢN SAO DUNG VỚI BẢN CHÍNH
Ấp chứng thực... 73/26... Quyền số: 03... SCT/BS
Ngày... 18... tháng... 10... năm... 2017
CÔNG CHỨNG VIỆN



Nguyễn Hoàng Tuấn



CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải thực hiện theo các điểm a, c, d, đ, e khoản 1, Điều 107 của Luật xây dựng số 50/2014/QH13 trước khi khởi công xây dựng công trình gồm:
 - Có mặt bằng xây dựng để bàn giao toàn bộ hoặc từng phần theo tiến độ xây dựng do chủ đầu tư xây dựng công trình và nhà thầu thi công xây dựng thỏa thuận.
 - Có thiết kế bản vẽ thi công của hạng mục, công trình đã phê duyệt.
 - Có hợp đồng xây dựng.
 - Có biện pháp để đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng.
2. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kề.
3. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
4. Phải thông báo cho cơ quan cấp giấy phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình xây móng và công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải ...).
5. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
6. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.
7. Chủ đầu tư phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về độ an toàn và bền vững công trình xây dựng của mình.
8. Phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu về môi trường, phòng cháy chữa cháy theo đúng quy định hiện hành.

GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung gia hạn, điều chỉnh:

.....
.....

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

.....

Bình Phước, ngày tháng năm
GIÁM ĐỐC

TỈNH/THÀNH PHỐ BÌNH PHƯỚC		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: <u>1497</u> /2023/1-2-3-4-5-6.084.VX					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CP CNMT TRÁI ĐẤT XANH		Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.084.VX					
Địa chỉ văn phòng: Lô 04HG-1 Đường Dọc Kênh Ranh, KCN Xuyên Á, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An		ĐT: 0272. 3758858					
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Lô 04HG-1 Đường Dọc Kênh Ranh, KCN Xuyên Á, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An		ĐT: 0272. 3758858					
2. Chủ CS DV XL CTNH 2:		Mã số QLCTNH:					
Địa chỉ văn phòng:		ĐT:					
Địa chỉ cơ sở:		ĐT:					
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM		Mã số QLCTNH:					
Địa chỉ văn phòng: Thị trấn Hương Canh, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc		ĐT: 02513 938 789					
Địa chỉ cơ sở: Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai 4 - Trại heo GP Lộc Ninh, Khu 4, Ấp Càn Lê, Xã Lộc Thịnh, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước							
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đầy đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý [#]
		Rắn	Lỏng	Bùn			
01	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	x			16 01 06	200	Nghiên TC-HR
02	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 02 01		TĐ-HR
03	Hộp mực in thải	x			08 02 04		TĐ-HR
04	Bao bì mềm thải	x			18 01 01		TĐ-HR
05	Bao bì kim loại cứng thải	x			18 01 02		TC-TĐ-HR
06	Bao bì nhựa thải	x			18 01 03		TC-TĐ-HR
07	Bao bì thải bằng các vật liệu khác: chai, lọ thủy tinh,....	x			18 01 04		TC-TĐ-HR
08	Dụng cụ thuốc thú y thải	x	x		13 02 01	300	TĐ-HR
09	Dung dịch thuốc thú y thải	x	x		13 02 02		TĐ-HR
[#] Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/Tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/Chiết/Lọc/Kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/Đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có):		Nước nhập khẩu:		Cửa khẩu nhập:			
Số hiệu phương tiện:		Ngày xuất cảng:		Cửa khẩu xuất:			
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4				Số hiệu phương tiện vận chuyển: 62C-10047			
7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1:		PHẠM NGỌC THẮNG		Ký: <u>Phạm Ngọc Thắng</u>		Ngày: 09/06/2023	
7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:				Ký:		Ngày:	
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1 – 4 (hoặc 5) Bình Phước, ngày 09 tháng 06 năm 2023  Chức danh người ký (Chữ ký đóng dấu) Phan Thanh Lịch				8. Chủ xử lý CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Long An, ngày <u>10</u> tháng <u>06</u> năm 2023  Chức danh người ký (Chữ ký đóng dấu) TÔNG GIAM ĐỐC Đỗ Huy Liệu			
@Liên số: 1 ☒ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☐ Ghi chú:(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)							

và 100 con heo nọc thuộc Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước.

2. Vị trí công trình khai thác nước dưới đất: Tổ 4, ấp Cần Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước (Công trình khai thác nước dưới đất được xây dựng trên khu đất của Công ty TNHH Japfa Long An - Chi nhánh Bình Phước được UBND tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/3/2013, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CT08086. Công ty TNHH Japfa Comfeed Long An đã sáp nhập vào Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 2500175548 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp thay đổi lần thứ 14 ngày 03/01/2017. Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước hoạt động theo ủy quyền của Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh mã số chi nhánh 2500175548-011 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 09/01/2017). Công trình khai thác nước dưới đất không nằm trong vùng hạn chế khai thác nước dưới đất đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 24/5/2021.

3. Tầng chứa nước khai thác: Tầng chứa nước khe nứt Trias giữa (t_2).

4. Tổng số giếng khai thác: Mười (10) giếng khoan G1, G2, G3, G4, G5, G6, G7, G8, G9 và G10.

5. Chế độ khai thác: 365/365 ngày.

6. Tổng lượng nước khai thác: 250 m³/ngày đêm (236 m³/ngày đêm dùng cho chăn nuôi, 06 m³/ngày đêm dùng cho sinh hoạt, 08 m³/ngày đêm dùng cho tưới cây và rửa đường).

7. Thời hạn khai thác: Năm (05) năm.

Vị trí tọa độ, lưu lượng và các thông số của công trình cụ thể như sau:

Số hiệu	Tọa độ (VN2000, kinh tuyến trục 106 ⁰ 15', múi chiếu 3 ⁰)		Lưu lượng (m ³ /ngày đêm)	Chế độ khai thác (giờ/ngày đêm)	Chiều sâu đoạn thu nước (m)		Chiều sâu mực nước tĩnh (m)	Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X	Y			Từ	Đến			
G1	5.26.824	12.96.212	30	Tự động, liên tục	16,5	80	13,40	38,40	t_2
G2	5.26.810	12.96.111	25		16,6	75	13,45	38,45	
G3	5.26.918	12.96.234	25		15,5	60	14,15	39,15	
G4	5.26.911	12.96.498	25		15,4	60	14,42	39,42	
G5	5.26.959	12.96.206	25		15,4	60	14,50	39,50	
G6	5.26.788	12.96.488	25		15,6	60	14,47	39,47	
G7	5.26.832	12.96.339	25		15,5	70	14,93	39,93	
G8	5.26.901	12.96.089	25		15,5	70	14,65	39,65	
G9	5.27.060	12.96.295	25		15,5	70	14,95	39,95	
G10	5.27.077	12.96.382	20		15,8	70	15,25	40,25	

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 41 /GP-UBND

Bình Phước, ngày 10 tháng 4 năm 2023

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 75/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ nước dưới đất trong các hoạt động khoan, đào, thăm dò, khai thác nước dưới đất;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 24/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Danh mục vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và Danh mục khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 125/TTr-STNMT ngày 03/4/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước (địa chỉ: Tổ 4, ấp Cần Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước) được khai thác nước dưới đất với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Mục đích khai thác, sử dụng nước: Phục vụ cho chăn nuôi, sinh hoạt, tưới cây và rửa đường của Trại chăn nuôi heo giống ông bà, quy mô 1.200 con heo nái



Điều 2. Các yêu cầu cụ thể đối với Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.
2. Thực hiện việc quan trắc mực nước, lưu lượng, chất lượng nước trong quá trình khai thác theo quy định.
3. Thiết lập vùng bảo hộ vệ sinh của công trình khai thác theo quy định.
4. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định.
5. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật tài nguyên nước.
6. Hằng năm (trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo), tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; các kết quả quan trắc theo quy định.
7. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước.
8. Thực hiện trách nhiệm của Công ty theo quy định tại Điều 08 Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.

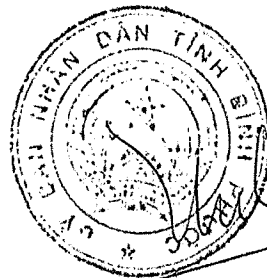
Điều 3. Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước còn tiếp tục khai thác, sử dụng nước dưới đất thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất theo quy định./.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Thuế tỉnh Bình Phước;
- UBND huyện Lộc Ninh;
- Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước;
- Lãnh đạo VP, P. KT;
- Lưu: VT_(BH-12-GPKTN-06/4).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Minh

Số: 86 /GP-UBND

Bình Phước, ngày 27 tháng 11 năm 2019

GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 1469/QĐ-UBND ngày 21/6/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước về việc phân vùng môi trường tiếp nhận nước thải và khí thải công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 701/TTr-STNMT ngày 21/11/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước, địa chỉ tại khu 4, ấp Càn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước được xả nước thải vào nguồn nước với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: Suối Nhỏ thuộc khu 4, ấp Càn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

2. Vị trí nơi xả nước thải:

- Khu 4, ấp Càn Lê, xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

- Tọa độ vị trí điểm xả nước thải vào suối Nhỏ (VN2000, múi chiếu 3⁰, kinh tuyến trực 106⁰15'): X: 527.154; Y: 1.296.139.

3. Phương thức xả nước thải: Tự chảy, nước thải sau xử lý sẽ theo hệ thống cống dẫn nước thải xả mặt ven bờ suối Nhỏ.

4. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24/24 giờ, 12 tháng/năm.

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 206 m³/ngày.đêm tương đương 8,58 m³/giờ.



6. Chất lượng nước thải:

- Giá trị các thông số và nồng độ chất ô nhiễm được phép xả thải vào nguồn nước đạt cột B của QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi với hệ số $k_q = 0,9$, $k_f = 1,0$.

- Giới hạn thông số và nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải của Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước được phép xả nước thải như bảng sau:

Bảng 1: Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải

Stt	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột B ($k_q = 0,9$, $k_f = 1,0$)
1	pH	-	5,5-9
2	BOD ₅	mg/l	90
3	COD	mg/l	270
4	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	135
5	Tổng Nitơ (theo N)	mg/l	135
6	Tổng Coliform	MPN/100ml	5000

7. Thời hạn của giấy phép: Năm (05) năm.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước trong việc xả nước thải vào nguồn nước:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

2. Thực hiện quan trắc lưu lượng nước thải, thông số, nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải và chất lượng nước nguồn tiếp nhận suối Nhỏ; kiểm soát chất lượng môi trường theo nội dung của Báo cáo xả nước thải vào nguồn nước Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước.

3. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 Luật Tài nguyên nước.

4. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước. Triển khai kịp thời các biện pháp ứng cứu, khắc phục sự cố môi trường do hoạt động xả nước thải gây ra và báo cáo kịp thời cho Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng tại địa phương để hỗ trợ phối hợp cùng giải quyết.

5. Thực hiện điều chỉnh nội dung giấy phép trong các trường hợp: Nguồn nước không còn khả năng tiếp nhận nước thải; nhu cầu xả nước thải tăng mà chưa có biện pháp xử lý khắc phục; xảy ra các tình huống đặc biệt cần phải hạn chế việc xả nước thải vào nguồn nước.

6. Trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, yêu cầu Công ty tổng hợp báo cáo tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng nước thải, thông số, nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải và chất lượng nước nguồn tiếp nhận suối Nhỏ về Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép có hiệu lực từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam - Chi nhánh Bình Phước còn tiếp tục xả nước thải vào nguồn nước theo các nội dung quy định tại Điều 1 Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- CT, PCT;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Lộc Ninh;
- Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước;
- LĐVP, P. KT;
- Lưu: VT_(BH-15-GP).

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
BAN NHÂN DÂN BÌNH PHƯỚC

Huỳnh Anh Minh

1. Thừa đất:

- NG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 những thực..... 64/74..... Quyền số:..... 63..... SCT/B
 Ngày 24 tháng 2 năm 1961
 0: 02 - CÔNG CHỨNG VIỆN



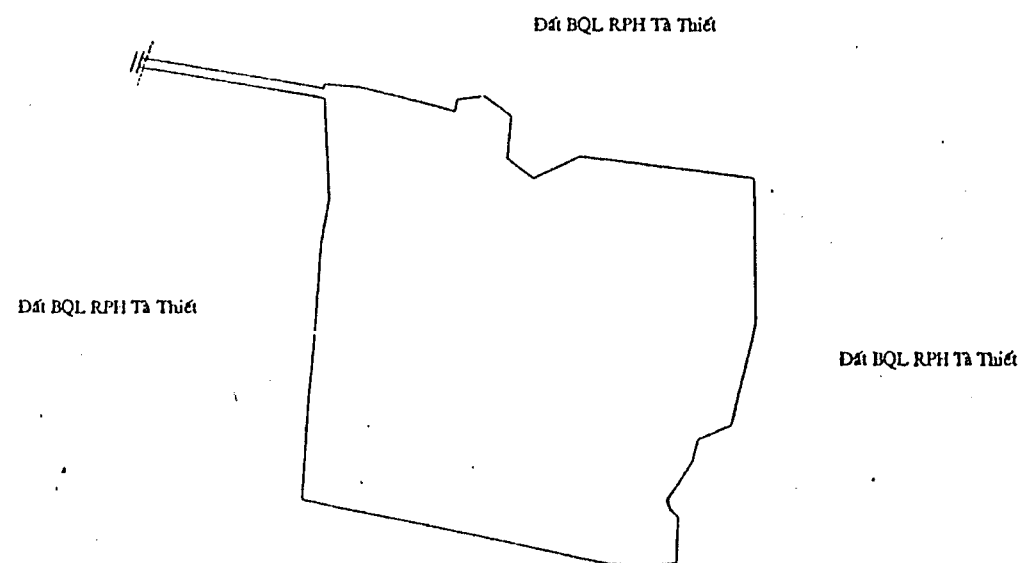
Myra's Reading Circle

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC



Nguyễn Văn Lợi

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



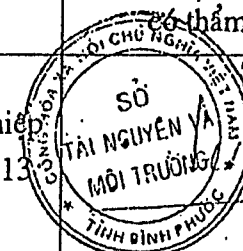
(Có bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2.000 kèm theo).

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

- Điều chỉnh mục đích sử dụng đất thành: "đất nông nghiệp khác" theo Quyết định số 487/QĐ-UBND ngày 29/3/2013 của UBND tỉnh Bình Phước./.

Đón tiếp thành công của TNAH TAPPA CONFEE
VIỆT NAM. Công chúng hiện tại từ 15' 44.112.0000
39 do UBND tỉnh Bình Phước chứng nhận lần đầu
ngày 24/01/2013. Bà chủ khu 15' chủ: là bà Trương
Cùng, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, theo hồ
sơ đang ký ngày 25/02/2014.

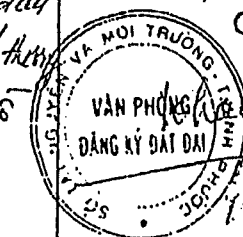
Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền



Bùi Quang Việt

25/7/2013

GIÀM ĐỐC



1/16 Day M

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Tại ngày 1 GENCO đã "Giấy chứng nhận đầu tư số 4412000039 do UBND tỉnh Bình Phước cấp Chứng nhận lần đầu ngày 24/01/2013, thay đổi tính Giấy chứng nhận đầu tư số 2500007 5548 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch Xã đầu tư tại Việt Nam cấp đầu lần đầu 19 ngày 03/01/2017" theo hồ sơ đăng ký ngày 08/8/2017.	11/8/2017 GIÁM ĐỐC VAN PHONG ĐANG KÝ ĐĂNG KÝ le hae Võ Đình Ngọc
Kèm theo Gen 5 trong hồ sơ số 659	

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

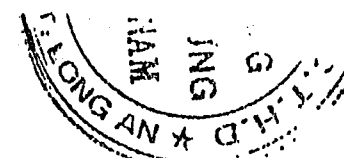
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

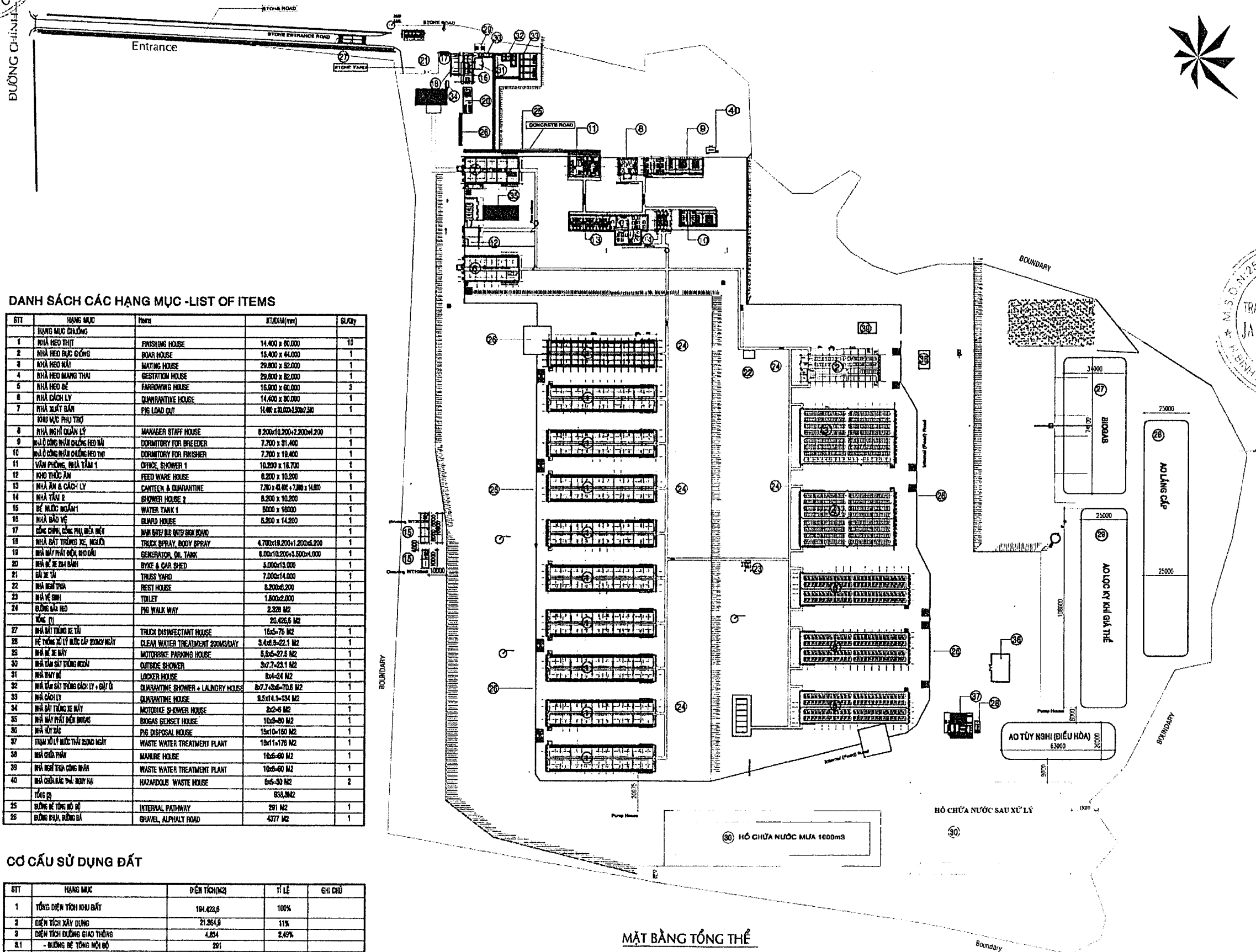
Công ty TNHH Japfa comfeed Long An - Chi nhánh Bình Phước

- Giấy chứng nhận Đầu tư số 4412000039 do UBND tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 24/01/2013.

- Địa chỉ trụ sở chính: xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.



BI 285338



DANH SÁCH CÁC HẠNG MỤC - LIST OF ITEMS

STT	HẠNG MỤC	Floor	KT/QUA(mm)	SU/ty
1	NHÀ HEO THỊT	FINISHING HOUSE	14.400 x 80.000	10
2	NHÀ HEO BÚC GỖNG	BOAR HOUSE	16.400 x 44.000	1
3	NHÀ HEO NẤU	MATING HOUSE	29.000 x 52.000	1
4	NHÀ HEO MANG THAI	GESTATION HOUSE	29.000 x 52.000	1
5	NHÀ HEO ĐẺ	FARROWING HOUSE	16.000 x 60.000	3
6	NHÀ CÁCH LY	QUARANTINE HOUSE	14.400 x 30.000	1
7	NHÀ XUẤT BÀN	PIG LOAD OUT	14.400 x 30.000/1.500/1.500	1
8	KHU MỤC PHỤ TRỢ			
9	NHÀ NGHỈ QUẢN LÝ	MANAGER STAFF HOUSE	8.200x10.200x2.200x1.200	1
10	NHÀ Ở CÔNG NHÂN CHĂM HEO NẤU	DORMITORY FOR BREEDER	7.200 x 31.400	1
11	NHÀ Ở CÔNG NHÂN CHĂM HEO THỊT	DORMITORY FOR FINISHER	7.200 x 19.400	1
12	VĂN PHÒNG, NHÀ TẮM 1	OFFICE, SHOWER 1	10.200 x 18.700	1
13	NHÀ THỨC ĂN	FEED WARE HOUSE	8.200 x 10.200	1
14	NHÀ AN & CÁCH LY	CANTINE & QUARANTINE	7.700 x 41.000 x 7.700 x 14.000	1
15	NHÀ TẮM 2	SHOWER HOUSE 2	8.200 x 10.200	1
16	BỂ MƯỚC NGUYÊN	WATER TANK 1	5000 x 16000	1
17	NHÀ BẢO VỆ	GUARD HOUSE	8.200 x 14.200	1
18	CỔNG CẤP CỨU PHỤ BÊN NẾP	MAIN GATE/ RESCUE GATE		1
19	NHÀ BẮT TRÙNG XE, NGƯỜI	TRUCK SPRAY, BODY SPRAY	4.700x18.200x1.200x1.200	1
20	NHÀ MÁY PHÁT ĐIỆN, RƠ ĐỒ	GENERATOR, OIL TANK	8.000x10.200x3.500x1.000	1
21	NHÀ XE BƠ ĐỖ	BOAT & CAR SHED	5.000x13.000	1
22	BÃ XE TẢI	TRUCK YARD	7.000x14.000	1
23	NHÀ NGHỈ TRẠI	NEST HOUSE	8.200x6.200	1
24	NHÀ VỆ SINH	TOILET	1.500x2.000	1
25	ĐƯỜNG BÀN HEO	PIG WALK WAY	2.320 M2	
26	ĐƯỜNG (T)		20.426,6 M2	
27	NHÀ BẮT TRÙNG XE TẢI	TRUCK DISINFECTANT HOUSE	15x5-75 M2	1
28	HỆ THỐNG XỬ LÝ BƯỚC CẤP TRONG NGÀY	CLEAN WATER TREATMENT 200M3/DAY	3.4x6,9-22,1 M2	1
29	NHÀ XE BƠ ĐỖ	MOTORBIKE PARKING HOUSE	8,5x5-27,2 M2	1
30	NHÀ TẮM BẮT TRÙNG NGƯỜI	OUTSIDE SHOWER	3x7-23,1 M2	1
31	NHÀ THAY MÀO	LOCKER HOUSE	8x4-24 M2	1
32	NHÀ TẮM BẮT TRÙNG CÁCH LY + BẮT Ồ	QUARANTINE SHOWER + LAUNDRY HOUSE	8x7,7-3x6-70,6 M2	1
33	NHÀ CÁCH LY	QUARANTINE HOUSE	9,5x14,1-134 M2	1
34	NHÀ BẮT TRÙNG XE MÁY	MOTORBIKE SHOWER HOUSE	3x2-6 M2	1
35	NHÀ MÁY PHÁT ĐIỆN BƠ ĐỖ	BIOGAS GENSET HOUSE	10x8-80 M2	1
36	NHÀ TỬ TẾ	PIG DISPOSAL HOUSE	15x10-150 M2	1
37	TRẠM XỬ LÝ MƯỚC THẢI TRONG NGÀY	WASTE WATER TREATMENT PLANT	18x11-178 M2	1
38	NHÀ CHỨA PHÂN	MANURE HOUSE	10x6-60 M2	1
39	NHÀ NGHỈ TRẠI CÔNG NHÂN	WASTE WATER TREATMENT PLANT	10x6-60 M2	1
40	NHÀ CHỨA PHÂN NGUY HẠI	HAZARDOUS WASTE HOUSE	8x5-50 M2	2
41	TỔNG CỘNG		633,3M2	
42	ĐƯỜNG KÉ TÔNG MỎ	INTERNAL PATHWAY	291 M2	1
43	ĐƯỜNG PHA, ĐƯỜNG BÃ	GRAVEL, ASPHALT ROAD	4277 M2	1

CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

STT	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH(M2)	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT	194.422,8	100%	
2	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG	21.364,9	11%	
3	DIỆN TÍCH ĐƯỜNG GIAO THÔNG	4.854	2,49%	
3.1	- ĐƯỜNG BÊ TÔNG HỖ BỐ	291		
3.2	- ĐƯỜNG GẠ	4.563		
4	CÁC BỂ XỬ LÝ (BIOGA, LĂNG, LỌC)	7.250		
5	BỂ THU NƯỚC MƯA	8.876		
6	DIỆN TÍCH CỎ, CÂY XANH	155.086	78,21%	

MẶT BẰNG TỔNG THỂ
MASTER PLAN

NGÀY HOÀN THÀNH

HIỆU DĨNH

LÀM NGÀY THIẾT KẾ DUYỆT

TÊN CÔNG TRÌNH

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

CHỦ ĐẦU TƯ

ĐỊA CHỈ:

KY DUYỆT



Nguyễn Chí Công

ĐƠN VỊ VĂN HÀNH TRẠI

CÔNG TY
TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM

ĐỊA CHỈ:
THỊ TRẤN HƯƠNG CẠNH,
HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VINH PHÚC

Web: www.japfavietnam.com
Tel: 02113.866.170 Fax: 02113.866.182

BỘ PHẬN PHÁT TRIỂN TRẠI

BỘ PHẬN SẢN XUẤT

BỘ PHẬN KỸ THUẬT

HẠNG MỤC

MẶT BẰNG TỔNG THỂ
MASTER PLAN

TÊN BẢN VẼ

KT:01/01



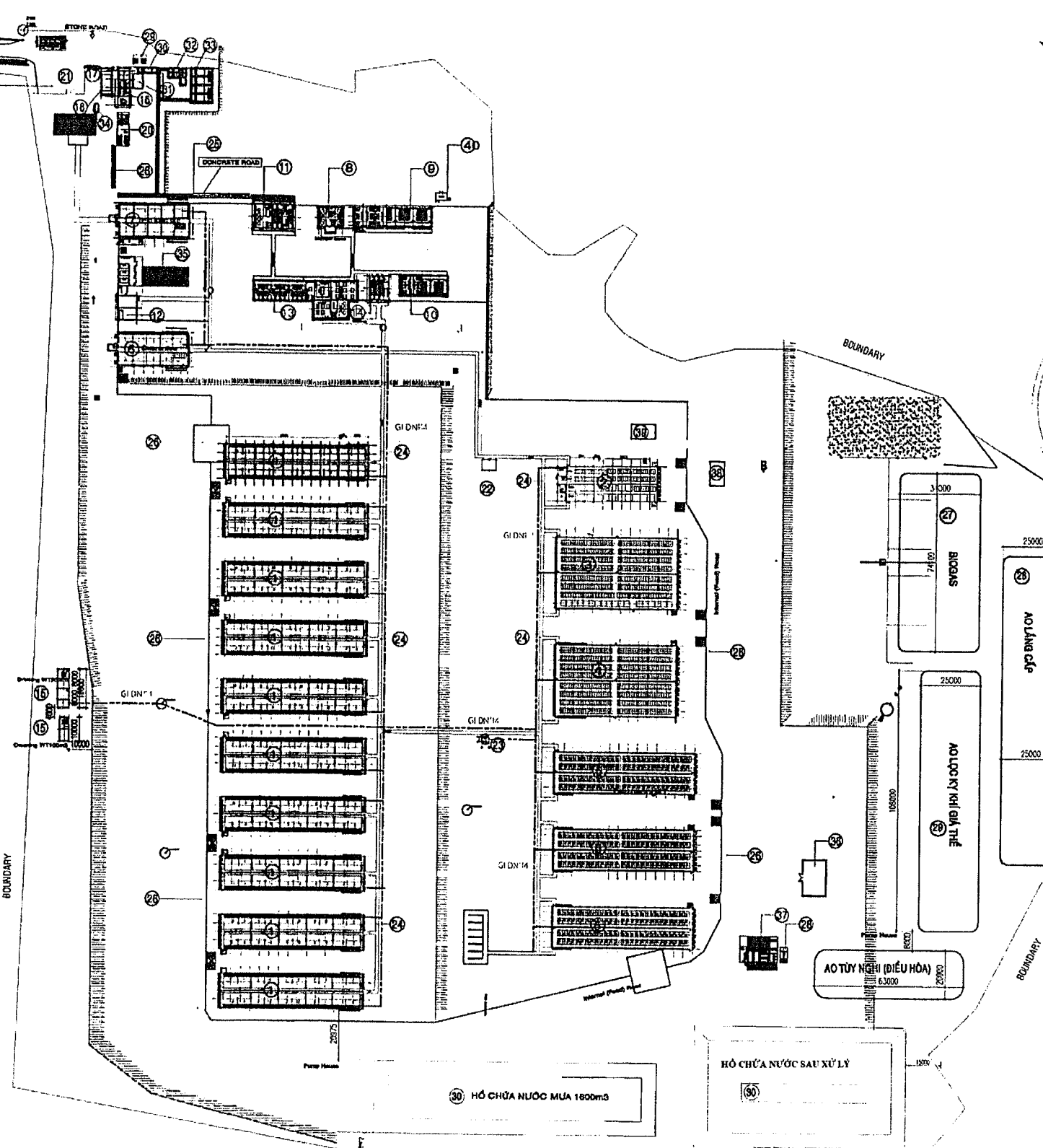
ĐƯỜNG CHÍNH

DANH SÁCH CÁC HẠNG MỤC -LIST OF ITEMS

STT	HẠNG MỤC	Name	KÍCH THƯỚC (mm)	Số lượng
1	NHÀ HEO CHỒNG	FINISHING HOUSE	14.400 x 60.000	10
2	NHÀ HEO ĐÚC ĐỒNG	BOAR HOUSE	15.400 x 44.000	1
3	NHÀ HEO MẤU	MATING HOUSE	28.800 x 62.000	1
4	NHÀ HEO MANG THAI	GESTATION HOUSE	28.800 x 62.000	1
5	NHÀ HEO ĐẺ	PARTURING HOUSE	16.900 x 60.000	3
6	NHÀ CÁCH LY	QUARANTINE HOUSE	14.400 x 60.000	1
7	NHÀ XUẤT BÀN	PIG LOAD OUT	14.400 x 10.000 x 2.000 x 2.000	1
8	NHÀ VỰC PHỤ TRỢ	MANAGER STAFF HOUSE	8.200 x 10.200 x 2.200 x 2.200	1
9	NHÀ Ở CÔNG NHÂN CHỒNG HEO MẤU	DORMITORY FOR BREEDER	7.700 x 31.400	1
10	NHÀ Ở CÔNG NHÂN CHỒNG HEO THỊ	DORMITORY FOR FINISHER	7.700 x 19.400	1
11	VĂN PHÒNG, NHÀ TẮM 1	OFFICE, SHOWER 1	10.200 x 16.700	1
12	NHÀ THỨC ĂN	FEED WARE HOUSE	8.200 x 10.200	1
13	NHÀ ĂN & CÁCH LY	CANTEEN & QUARANTINE	7.700 x 42.400 x 7.700 x 14.000	1
14	NHÀ TẮM 2	SHOWER HOUSE 2	8.200 x 10.200	1
15	BỂ NƯỚC NGUYỄN	WATER TANK 1	8.000 x 18.000	1
16	NHÀ BẢO VỆ	GUARD HOUSE	6.200 x 14.200	1
17	CÔNG TRÌNH CÔNG PHA VỆ HEO	MAN BATH BUB WATER BATH ROAD		1
18	NHÀ GÂY TRÙNG XE, NGƯỜI	TRUCK SPRAY, BODY SPRAY	4.700 x 10.200 x 1.200 x 2.200	1
19	NHÀ MÁY PHÁT ĐIỆN DẠO DẦU	GENERATOR, OIL TANK	8.000 x 10.200 x 3.500 x 4.000	1
20	NHÀ XE BƠ BÀNG	BYKE & CAN SHED	6.000 x 13.000	1
21	TRẠI XE TẢI	TRUCK YARD	7.800 x 14.000	1
22	NHÀ NGHỈ TRƯA	REST HOUSE	6.200 x 6.200	1
23	NHÀ VỆ SINH	TOILET	1.600 x 2.000	1
24	ĐƯỜNG DẠO HEO	PIG WALK WAY	2.228 M2	
25	TỔNG (2)		28.428,8 M2	
27	NHÀ GÂY TRÙNG XE TẢI	TRUCK DISINFECTANT HOUSE	18x5-75 M2	1
28	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC CHẾ BƠNG NGÀY	CLEAN WATER TREATMENT ROOM/DAY	3.465,5-22,1 M2	1
29	NHÀ XE BƠ BÀNG	MOTORBIKE PARKING HOUSE	5,5x5-27,5 M2	1
30	NHÀ TẮM BẮT TRÙNG HEO	OUTSIDE SHOWER	5x7,7-23,1 M2	1
31	NHÀ THUYẾT	LOCKER HOUSE	6x4-24 M2	1
32	NHÀ TẮM BẮT TRÙNG CÁCH LY + GÂY Đ	QUARANTINE SHOWER + LAUNDRY HOUSE	8x7,7-56-70,6 M2	1
33	NHÀ CÁCH LY	QUARANTINE HOUSE	8,5x14,1-124 M2	1
34	NHÀ GÂY TRÙNG XE MÁY	MOTORBIKE SHOWER HOUSE	8x2-8 M2	1
35	NHÀ MÁY PHÁT ĐIỆN BIOSAS	BIOSAS GENSET HOUSE	10x8-80 M2	1
36	NHÀ MÁY ĐÁ	PIG DISPOSAL HOUSE	15x10-150 M2	1
37	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC CHẾ BƠNG NGÀY	WASTE WATER TREATMENT PLANT	18x11-176 M2	1
38	NHÀ CHÈN PHÂN	MANURE HOUSE	10x6-60 M2	1
39	NHÀ NGHỈ TRƯA CÔNG NHÂN	WASTE WATER TREATMENT PLANT	10x6-60 M2	1
40	NHÀ CHÈN PHÂN TÁI NGUYÊN HẠI	HAZARDOUS WASTE HOUSE	8x6-30 M2	2
41	TỔNG (2)		638,34M2	
25	ĐƯỜNG BÊ TÔNG MỘT BỐ	INTERNAL PATHWAY	291 M2	1
26	ĐƯỜNG MỎA, ĐƯỜNG ĐÁ	GRAVEL, ASPHALT ROAD	677 M2	1

CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

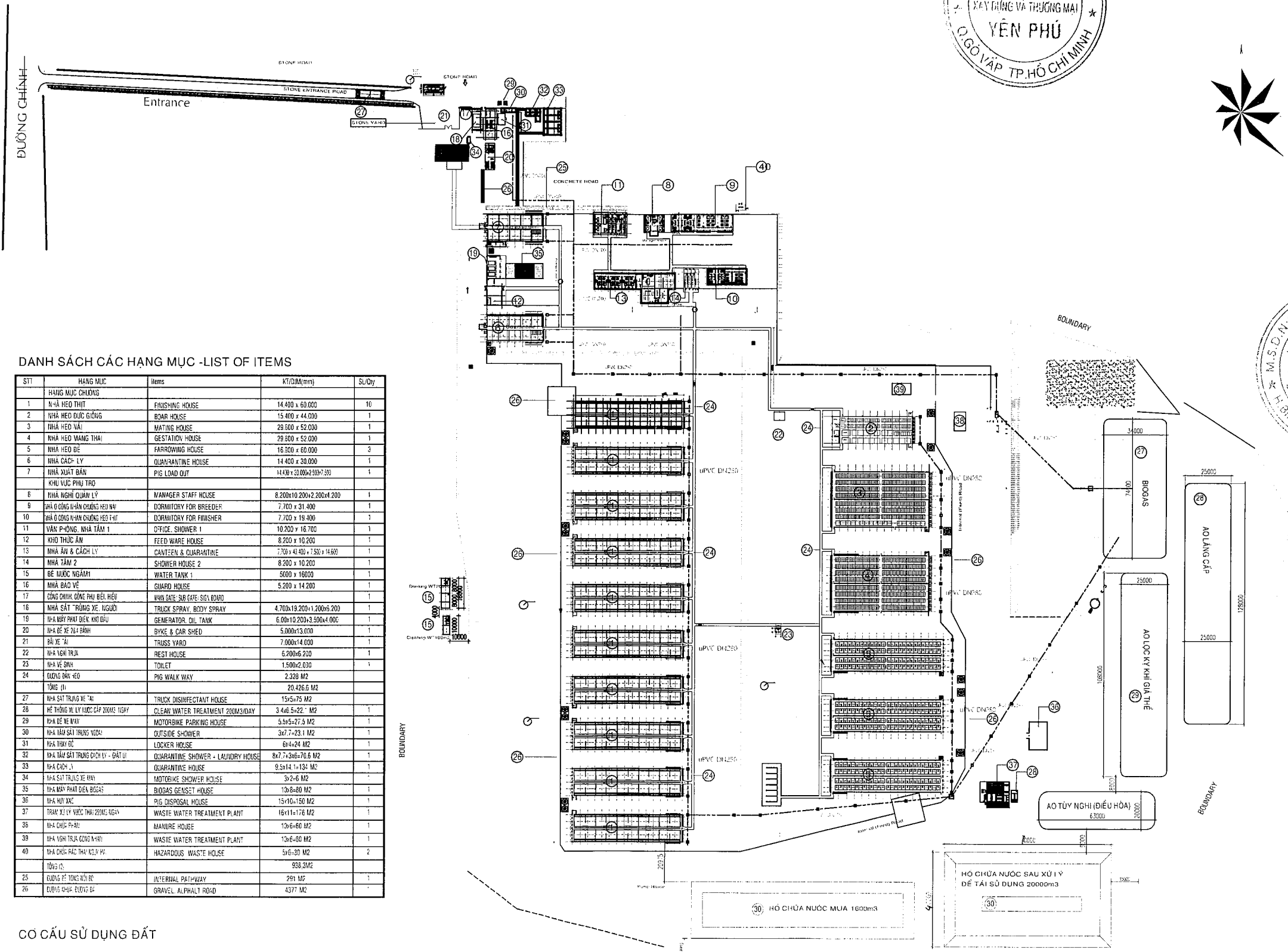
STT	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH (M2)	TỈ LỆ	GHI CHÚ
1	TỔNG DIỆN TÍCH MẶT ĐẤT	194.423,8	100%	
2	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG	21.264,9	11%	
3	DIỆN TÍCH ĐƯỜNG GIAO THÔNG	4.834	2,49%	
3.1	- ĐƯỜNG BÊ TÔNG MỘT BỐ	291		
3.2	- ĐƯỜNG ĐÁ	4.543		
4	CÁC BỂ XỬ LÝ (PHÂN, LÃNG, LỌC)	7.250		
5	BỂ THU NƯỚC MƯA	6.875		
6	DIỆN TÍCH CỎ, CÂY XANH	135.086	70,25%	



MẶT BẰNG TỔNG THỂ CẤP NƯỚC
WATER SUPPLY MASTER PLAN



NGÀY HOÀN THÀNH			
HIỆU DÍNH			
LÀM	NGÀY	THIẾT KẾ	DUYỆT
TÊN CÔNG TRÌNH			
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:			
CHỦ ĐẦU TƯ			
ĐỊA CHỈ:			
KÝ DUYỆT			
NGUYỄN CẢI CÔNG			
ĐƠN VỊ VẬN HÀNH TRẠI			
CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM			
ĐỊA CHỈ:			
THỊ TRẤN HƯƠNG CANH, HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VINH PHÚC			
Web: www.japfavietnam.com Tel: 02113.866.170 Fax: 02113.866182			
BỘ PHẬN PHÁT TRIỂN TRẠI			
BỘ PHẬN SẢN XUẤT			
BỘ PHẬN KỸ THUẬT			
HẠNG MỤC			
MẶT BẰNG TỔNG THỂ CẤP NƯỚC WATER SUPPLY MASTER PLAN			
TÊN BẢN VẼ			
KT:01/04			
TỶ LỆ:			



DANH SÁCH CÁC HẠNG MỤC -LIST OF ITEMS

STT	HẠNG MỤC	Items	KT/ĐM(mm)	SUỐY
1	HÀNG MỤC CHƯNG	FINISHING HOUSE	14.400 x 60.000	10
2	NHÀ HEO ĐUỐC GỒNG	BOAR HOUSE	15.400 x 44.000	1
3	NHÀ HEO NAI	MATING HOUSE	29.600 x 52.000	1
4	NHÀ HEO MANG THAI	GESTATION HOUSE	29.600 x 52.000	1
5	NHÀ HEO ĐẼ	FARROWING HOUSE	16.300 x 60.000	3
6	NHÀ CÁCH LY	QUARANTINE HOUSE	14.400 x 30.000	1
7	NHÀ XUẤT BÀN	PIG LOAD OUT	14.400 x 30.000x2.500x2.500	1
8	KHU VỰC PHỤ TRỢ			
9	NHÀ NGHỈ QUẢN LÝ	MANAGER STAFF HOUSE	8.200x10.200x2.200x2.200	1
10	NHÀ Ở CÔNG NHÂN CHƯNG HEO NH	DORMITORY FOR BREEDER	7.700 x 31.400	1
11	NHÀ Ở CÔNG NHÂN CHƯNG HEO FHT	DORMITORY FOR FINISHER	7.700 x 19.400	1
12	VĂN PHÒNG, NHÀ TẮM 1	OFFICE, SHOWER 1	10.200 x 16.700	1
13	KHO THỨC ĂN	FEED WARE HOUSE	8.200 x 10.200	1
14	NHÀ ĂN & CÁCH LY	CANTEEN & QUARANTINE	7.700 x 43.400 x 7.500 x 14.600	1
15	NHÀ TẮM 2	SHOWER HOUSE 2	8.200 x 10.200	1
16	BỂ NƯỚC NGÀM1	WATER TANK 1	5.000 x 16.000	1
17	NHÀ BẢO VỆ	GUARD HOUSE	5.200 x 14.200	1
18	CỔNG CHÍNH, CỔNG PHỤ BIÊN HIỆU	MAIN GATE, SUB GATE, SIGL BOARD		1
19	NHÀ SÁT TRÙNG XE, NGƯỜI	TRUCK SPRAY, BODY SPRAY	4.700x19.200x1.200x6.200	1
20	NHÀ MÁY PHÁT ĐIỆN KHÍ DIESEL	GENERATOR, OIL TANK	6.000x10.200x3.500x4.000	1
21	NHÀ XE YẾP 24 ĐẠNH	BYKE & CAR SHED	5.000x13.000	1
22	BỂ XE TẢI	TRUSS YARD	7.000x14.000	1
23	NHÀ NGHỈ TRƯA	REST HOUSE	6.200x6.200	1
24	NHÀ VỆ SINH	TOILET	1.500x2.030	1
25	ĐƯỜNG BÀN XE	PIG WALK WAY	2.328 M2	
26	TỔNG (H)		20.426.6 M2	
27	NHÀ SÁT TRÙNG XE TẢI	TRUCK DISINFECTANT HOUSE	15x5x75 M2	
28	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC CẤP 200M3/NGÀY	CLEAN WATER TREATMENT 200M3/DAY	3.4x6.5x22 M2	1
29	NHÀ BẾ VỆ MÁY	MOTORBIKE PARKING HOUSE	5.5x5x27.5 M2	1
30	NHÀ TẮM SÁT TRÙNG NGƯỜI	OUTSIDE SHOWER	3x7.7x23.1 M2	1
31	NHÀ THAY ĐỔI	LOCKER HOUSE	6x4x24 M2	1
32	NHÀ TẮM SÁT TRÙNG CÔNG LY - GÁT LY	QUARANTINE SHOWER + LAUNDRY HOUSE	8x7.7x3x6x70.6 M2	1
33	NHÀ CÁCH LY	QUARANTINE HOUSE	9.5x14.1x13x M2	1
34	NHÀ SÁT TRÙNG XE MÁY	MOTORBIKE SHOWER HOUSE	3x2x6 M2	1
35	NHÀ MÁY PHÁT ĐIỆN BIOMAS	BIOMAS GENSET HOUSE	10x8x80 M2	1
36	NHÀ NỖI XÁC	PIG DISPOSAL HOUSE	15x10x150 M2	1
37	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI 200M3/NGÀY	WASTE WATER TREATMENT PLANT	16x11x176 M2	1
38	NHÀ CHẾ PHÂN	MANURE HOUSE	10x6x60 M2	1
39	NHÀ NGHỈ TRƯA CÔNG NHÂN	WASTE WATER TREATMENT PLANT	10x6x60 M2	1
40	NHÀ CHẾ PHÂN THỦY SẢN	HAZARDOUS WASTE HOUSE	5x6x30 M2	2
41	TỔNG (C)		938.3M2	
42	ĐƯỜNG BÊ TÔNG NỘI BỘ	INTERNAL PATH-WAY	291 M2	1
43	ĐƯỜNG CHÁI ĐUỐI ĐÁ	GRAVEL ALPHALT ROAD	4377 M2	1

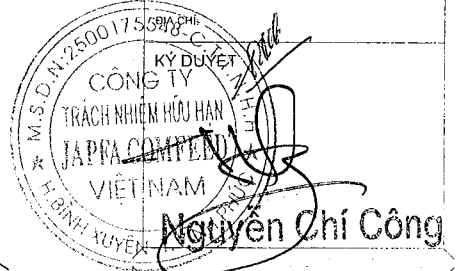
CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

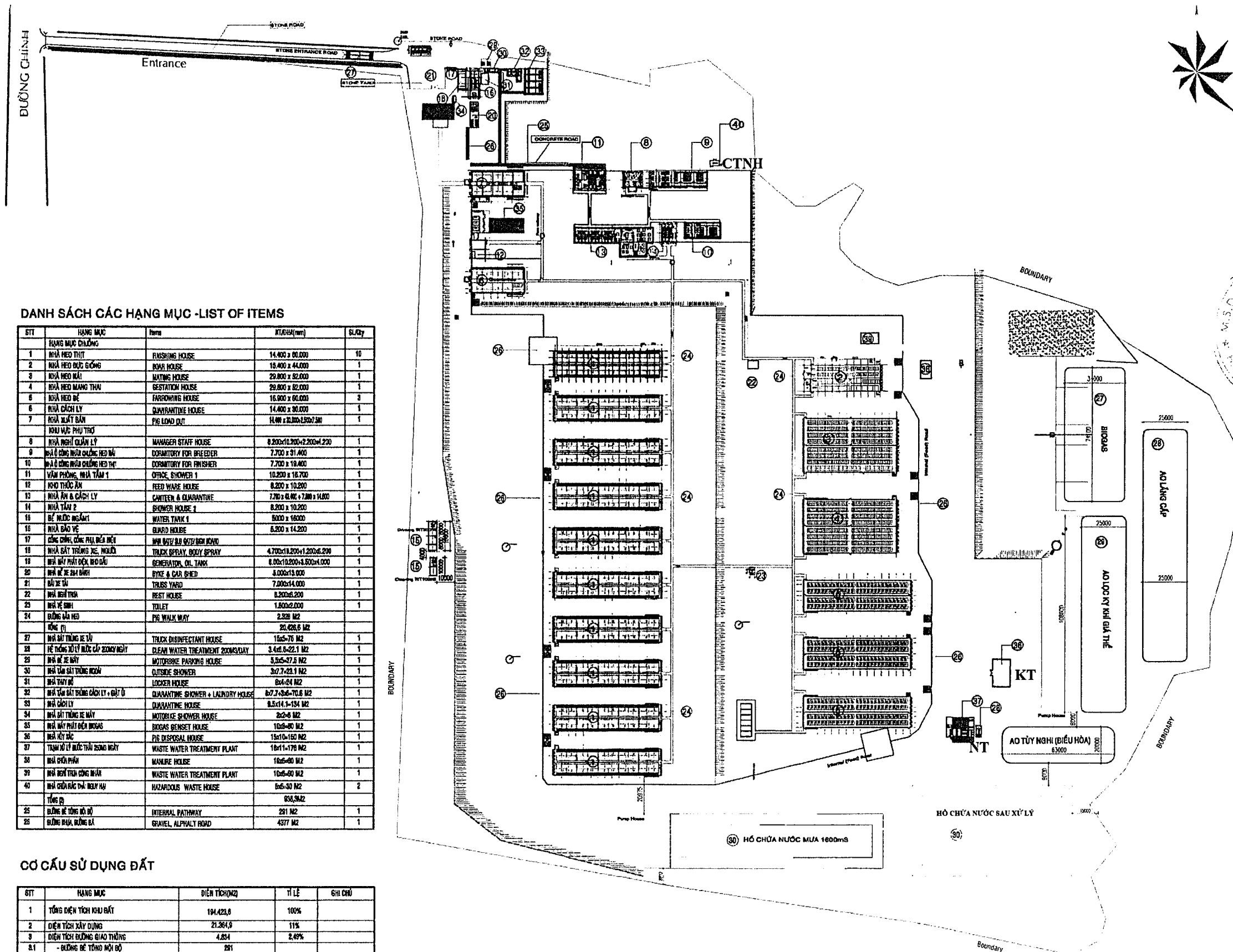
STT	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH(M2)	TỈ LỆ	GHI CHÚ
1	TỔNG DIỆN TÍCH KHU ĐẤT	194.422.6	100%	
2	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG	21.384.9	11%	
3	DIỆN TÍCH ĐƯỜNG GIAO THÔNG	4.834	2.48%	
3.1	ĐƯỜNG BÊ TÔNG NỘI BỘ	291		
3.2	ĐƯỜNG CHÁI ĐUỐI ĐÁ	4.542		
4	CÁC BỂ XỬ LÝ (BIOMAS, LÃNG, LỌC)	7.250		
5	BỂ THU NƯỚC MƯA	6.675		
6	DIỆN TÍCH CẤP XÁC XÁC	155.086	79.26%	

MẶT BẰNG TỔNG TIỂ THOÁT NƯỚC TỈ LẠI
SEWAGE SYSTEM MASTER PLAN



NGÀY HOÀN THÀNH			
HIỆU DĨNH			
LÀN	NGÀY	THIẾT KẾ	DUYỆT
TÊN CÔNG TRÌNH			
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG :			
CHỦ ĐẦU TƯ			
CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM			
ĐỊA CHỈ: THỊ TRẤN HƯƠNG CĂN, HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH BÌNH PHƯỚC			
Web: www.japfavietnam.com Tel: 02113.866.170 Fax: 02113.866182			
BỘ PHẬN PHÁT TRIỂN TRẠI			
BỘ PHẬN SẢN XUẤT			
BỘ PHẬN KỸ THUẬT			
HẠNG MỤC MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC THẢI			
SEWAGE SYSTEM MASTER PLAN			
TÊN BẢN VẼ			
TỶ LỆ			





DANH SÁCH CÁC HẠNG MỤC -LIST OF ITEMS

STT	HẠNG MỤC	Name	Kích thước (mm)	Số lượng
1	HOANG MỤC CHỒNG	FINISHING HOUSE	14.400 x 80.000	10
2	HOANG MỤC ĐƯC GỒM	BOAR HOUSE	18.400 x 44.000	1
3	HOANG MỤC MÃI	MATING HOUSE	29.800 x 82.000	1
4	HOANG MỤC MANG THAI	GESTATION HOUSE	29.800 x 82.000	1
5	HOANG MỤC ĐE	PARROWING HOUSE	16.900 x 80.000	3
6	HOANG MỤC CÁCH LY	QUARANTINE HOUSE	14.400 x 80.000	1
7	HOANG MỤC BÀN	PIG LOAN OUT	14.400 x 80.000/300	1
8	HOANG MỤC PHU TRỢ	MANAGER STAFF HOUSE	8.200x10.200x2.200x1.200	1
9	HOANG MỤC CÔNG NHÂN CHỒNG HED MÃI	DORMITORY FOR BREEDER	7.700 x 31.400	1
10	HOANG MỤC CÔNG NHÂN CHỒNG HED MÃI	DORMITORY FOR FINISHER	7.700 x 19.400	1
11	VĂN PHÒNG, NHÀ TẮM 1	OFFICE, SHOWER 1	10.200 x 16.700	1
12	KHO THỨC ĂN	FEED WARE HOUSE	8.200 x 10.200	1
13	NHÀ ĂN & CÁCH LY	CANTEN & QUARANTINE	7.700 x 4.800 x 7.800 x 14.800	1
14	NHÀ TẮM 2	SHOWER HOUSE 2	8.200 x 10.200	1
15	BỂ NƯỚC NGẮM	WATER TANK 1	8000 x 16000	1
16	NHÀ BẢO VỆ	GUARD HOUSE	6.200 x 14.200	1
17	CỔNG CUNG CẤP PHU MÃI HED	PIG BAYE BUS STOP/PIG BAYE		1
18	NHÀ BẮT TRÙNG XE, NGƯỜI	TRUCK SPRAY, BODY SPRAY	4.700x11.200x1.200x6.200	1
19	NHÀ MÁY PHÁT ĐIỆN HED BAYE	GENERATOR, OIL TANK	8.000x10.200x4.500x1.000	1
20	NHÀ XE BAYE BAYE	RYKE & CAR SHED	4.000x13.000	1
21	NHÀ XE BAYE	TRUCK YARD	7.000x14.000	1
22	NHÀ NGHỈ TRƯA	REST HOUSE	8.200x6.200	1
23	NHÀ VỆ SINH	TOILET	1.800x2.200	1
24	ĐƯỜNG BAYE HED	PIG WALK WAY	2.328 M2	
25	ĐƯỜNG (1)		20.428,6 M2	
27	NHÀ MÁY TRUNG XE TỰ	TRUCK DISINFECTANT HOUSE	165-76 M2	1
28	HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC CẤP 2500 M3/NGÀY	CLEAN WATER TREATMENT 200M3/DAY	3.461,5-22,1 M2	1
29	NHÀ XE BAYE	MOTORBIKE PARKING HOUSE	5.565-47,8 M2	1
30	NHÀ TẮM BAYE TRUNG NGƯỜI	OUTSIDE SHOWER	302,7-23,1 M2	1
31	NHÀ THUYỀN	LOCKER HOUSE	604-24 M2	1
32	NHÀ TẮM BAYE TRUNG CÁCH LY - BAYE	QUARANTINE SHOWER & LAUNDRY HOUSE	607,7-56-70,6 M2	1
33	NHÀ CÁCH LY	QUARANTINE HOUSE	8,5x14,1-134 M2	1
34	NHÀ BAYE TRUNG XE BAYE	MOTORBIKE SHOWER HOUSE	20-6 M2	1
35	NHÀ MÁY PHÁT ĐIỆN BIOGAS	BIOGAS GENSET HOUSE	1028-80 M2	1
36	NHÀ XỬ LÝ NƯỚC	PIS DISPOSAL HOUSE	15x10-150 M2	1
37	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI 2500 M3/NGÀY	WASTE WATER TREATMENT PLANT	18x11-178 M2	1
38	NHÀ CHỨA PHÂN	MANURE HOUSE	10x6-80 M2	1
39	NHÀ NGHỈ TRƯA CÔNG NHÂN	WASTE WATER TREATMENT PLANT	10x6-60 M2	1
40	NHÀ CHỨA RÁC THẢI NGƯỜI	HAZARDOUS WASTE HOUSE	8x6-30 M2	2
41	TỔNG CỘNG		938,9M2	
42	ĐƯỜNG BAYE TỔNG MỘT ĐỘ	INTERNAL PATHWAY	291 M2	1
43	ĐƯỜNG BAYE TỔNG BAYE	GRAVEL, ALPHACY ROAD	4377 M2	1

CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT

STT	HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH(M2)	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	TỔNG DIỆN TÍCH KHU BAYE	194.428,6	100%	
2	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG	21.264,9	11%	
3	DIỆN TÍCH ĐƯỜNG GIAO THÔNG	4.834	2,49%	
3.1	- ĐƯỜNG BAYE TỔNG MỘT ĐỘ	291		
3.2	- ĐƯỜNG BAYE	4.543		
4	CÁC BAYE XỬ LÝ (BIOGAS, LẮNG, LỌC)	7.350		
5	BAYE THỦY NƯỚC MÃI	8.875		
6	DIỆN TÍCH ĐẤT CÂY XANH	153.026	78,25%	

BẢN VẼ VỊ TRÍ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

GHI CHÚ:
KT: VỊ TRÍ GIÁM SÁT KHÍ THẢI
NT: VỊ TRÍ GIÁM SÁT NƯỚC THẢI
CTNH: VỊ TRÍ GIÁM SÁT CTNH

NGÀY HOÀN THÀNH: _____

HIỆU DĨNH

LÀN NGÀY THIẾT KẾ DUYỆT

TÊN CÔNG TRÌNH

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG:

CHỦ ĐẦU TƯ

ĐỊA CHỈ: _____

KÝ DUYỆT: _____

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG

JAPFA COMFEED VIETNAM

VIỆT NAM

Nguyễn Chí Công

ĐƠN VỊ VẬN HÀNH TRẠI

CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIETNAM

ĐỊA CHỈ: _____

THỊ TRẦN HƯƠNG CANGH
HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VINH PHÚC

Web: www.japfaviatnam.com
Tel: 02113.866.170 Fax: 02113.866.182

BỘ PHẬN PHÁT TRIỂN TRẠI

BỘ PHẬN SẢN XUẤT

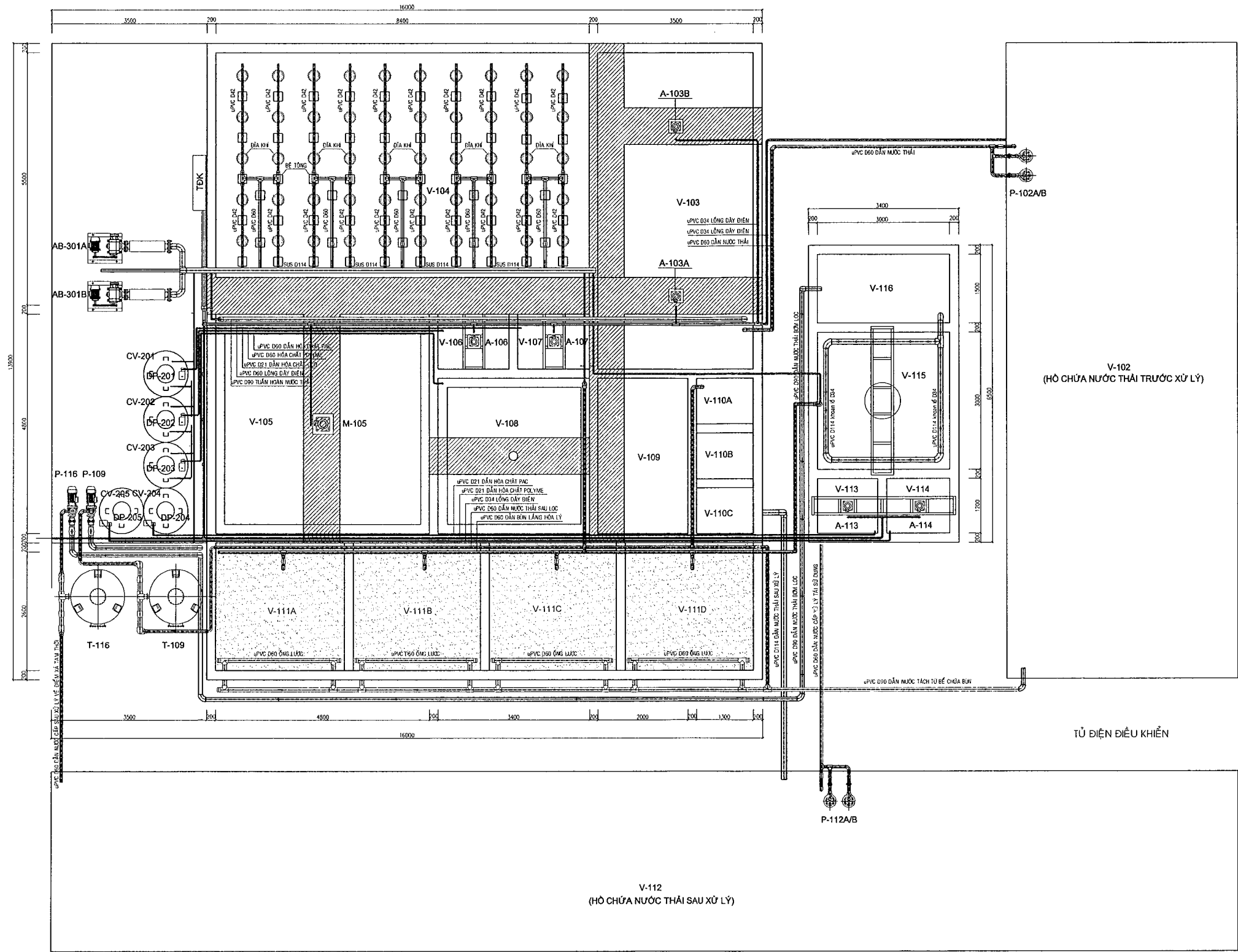
BỘ PHẬN KỸ THUẬT

HẠNG MỤC

BẢN VẼ VỊ TRÍ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

TÊN BẢN VẼ

KT:01/01



GHI CHÚ

STT	KÝ HIỆU	TÊN BỂ
1	V-102	BỂ ĐIỀU HÒA
2	V-103	BỂ THIẾU KHÍ
3	V-104	BỂ HIẾU KHÍ
4	V-105	LẮNG SINH HỌC
5	V-106	BỂ KEO TỤ CẤP 1
6	V-107	BỂ TẠO BÔNG CẤP 1
7	V-108	LẮNG HÓA LÝ CẤP 1
8	V-109	BỂ TRUNG GIAN CẤP 1
9	T-109	BỒN LỌC ÁP LỰC CẤP 1
10	V-110	BỂ KHỬ TRÙNG
11	V-111	SÂN PHOI BÙN
12	V-112	BỂ CHỨA SAU XỬ LÝ
13	V-113	BỂ KEO TỤ CẤP 2
14	V-114	BỂ TẠO BÔNG CẤP 2
15	V-115	LẮNG HÓA LÝ CẤP 2
16	V-116	BỂ TRUNG GIAN CẤP 2
17	T-116	BỒN LỌC ÁP LỰC CẤP 2
18	P-102A/B	BƠM CHÌM NƯỚC THẢI ĐẦU VÀO
19	AB-301A/B	MÁY THỔI KHÍ
20	DP-201	BƠM ĐỊNH LƯỢNG PAC CẤP 1
21	DP-202	BƠM ĐỊNH LƯỢNG POLYME CẤP 1
22	DP-203	BƠM ĐỊNH LƯỢNG CLO
23	CV-201	BỒN CHỨA PAC
24	CV-202	BỒN CHỨA POLYME
25	CV-203	BỒN CHỨA CLO
26	M-105	TB GẠT BÙN
27	A-103	KHUẤY KEO TỤ CẤP 1
28	A-104	KHUẤY TẠO BÔNG CẤP 1
29	P-109	BƠM LỌC CẤP 1
30	P-112A/B	BƠM CHÌM NƯỚC THẢI TÁI SỬ DỤNG
31	A-103	KHUẤY KEO TỤ CẤP 2
32	A-104	KHUẤY TẠO BÔNG CẤP 2
33	CV-204	BỒN CHỨA PAC
34	CV-205	BỒN CHỨA POLYME
35	P-116	BƠM LỌC CẤP 2

DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	CHỦ ĐẦU TƯ	NHÀ THẦU THI CÔNG	THỰC HIỆN	TÊN BẢN VẼ	CHỈNH SỬA	MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC CẤP 200M3/NGÀY.ĐÊM	CÔNG TY TNHH JAPFA COMBIBLOCK VIỆT NAM	CÔNG TY TNHH HONGVIET ĐC: 12 Huỳnh Văn Mội, P. Hiệp Tân, Q. Tân Phú, TP. HCM ĐT: 08.22.163.882 Fax: 08.38.162.938 Email: hongviet@gmail.com - Web: www.hongviet.vn	CHỦ TRÌ: KS. NGUYỄN VĂN TÚ THIẾT KẾ: KS. NGUYỄN VĂN THĂNG KIỂM: KS. VŨ ĐỨC QUANG	HOÀN CÔNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC CẤP TÁI SỬ DỤNG TỪ NƯỚC THẢI TỈ LỆ: KHÔNG SỐ BV:01 NGÀY:16.08.2023	LẦN NỘI DUNG	☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THIẾT KẾ KỸ THUẬT ☐ THIẾT KẾ THI CÔNG ☒ HOÀN CÔNG

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HỒNG VIỆT

Địa chỉ: Số 12 Huỳnh Văn Một, P. Hiệp Tân, Q. Tân Phú, TP. HCM

Email: moitruonghongviet@gmail.com Mobile: 0932 966229 Fax: 84-28-3216 3864

BẢN VẼ HOÀN CÔNG



CÔNG TRÌNH: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRANG TRẠI NUÔI HEO
CÔNG SUẤT 250 M3/NGÀY.ĐÊM
CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM
ĐỊA ĐIỂM: XÃ LỘC THỊNH - HUYỆN LỘC NINH - TỈNH BÌNH PHƯỚC

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:



Nguyễn Văn Tuấn

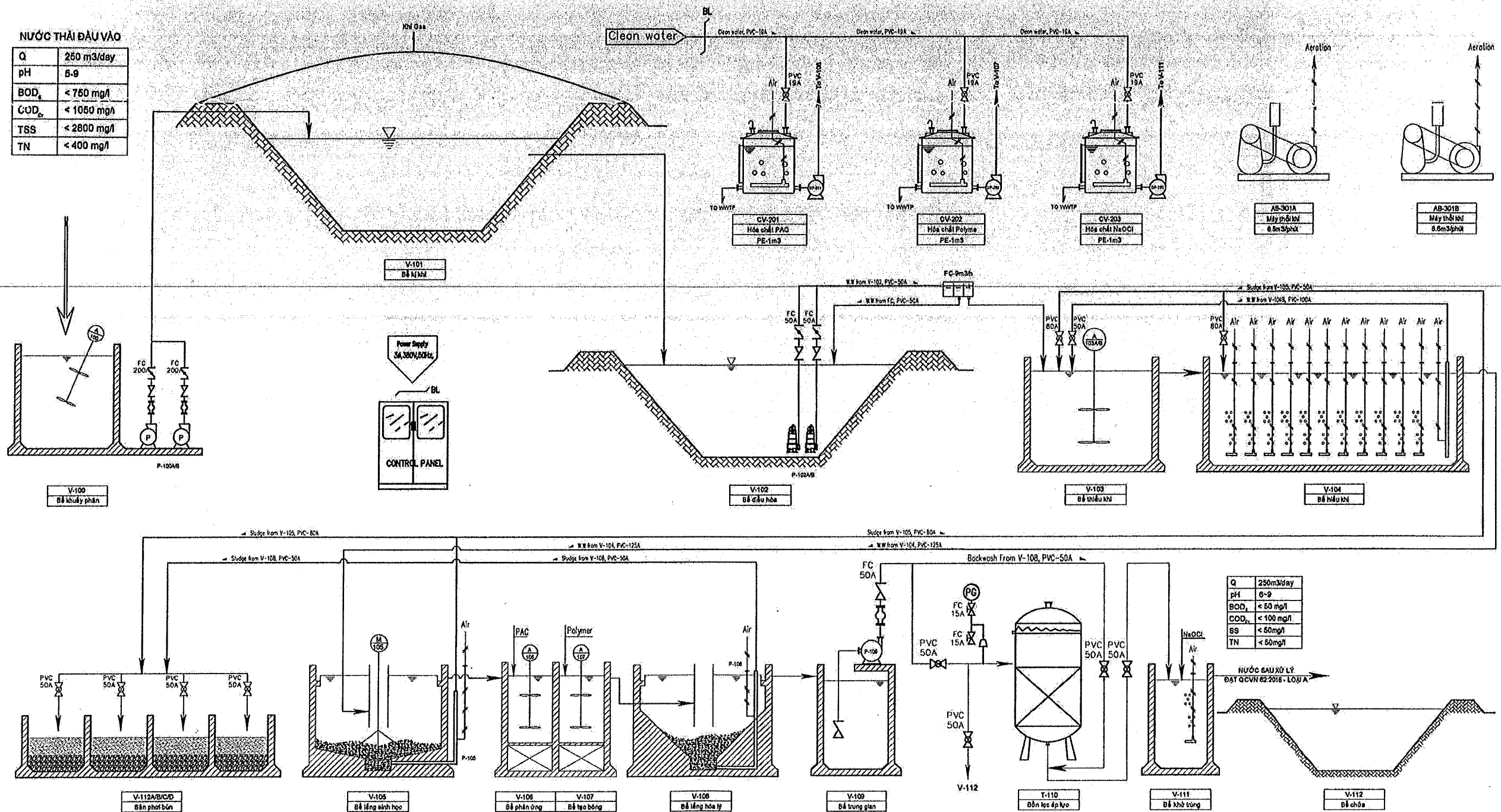
CHỦ ĐẦU TƯ :

[Signature]

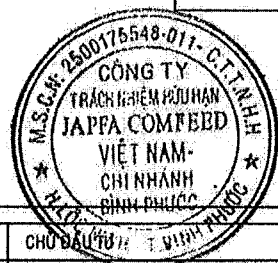
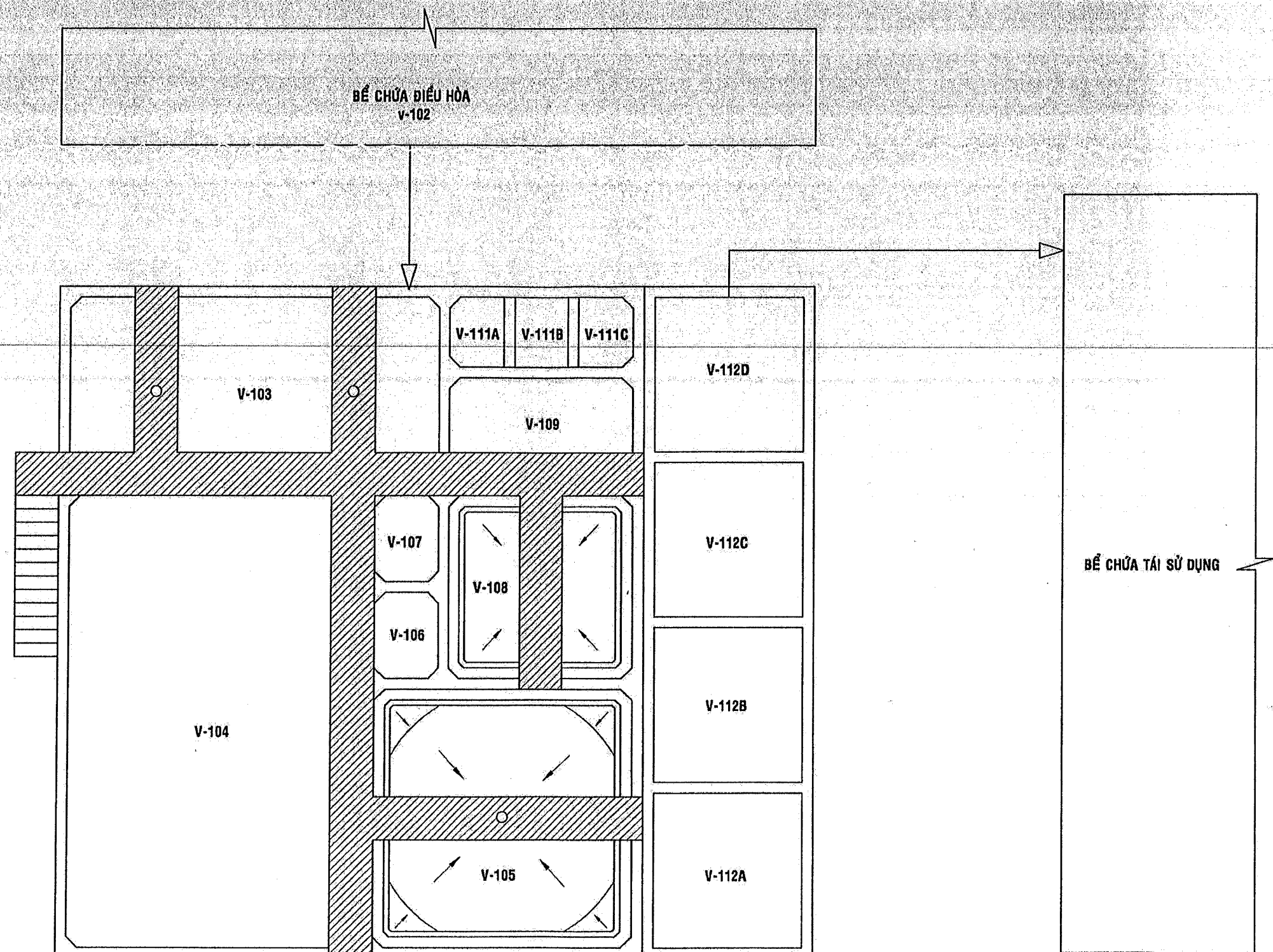
THÁNG 11/2018

NƯỚC THẢI ĐẦU VÀO

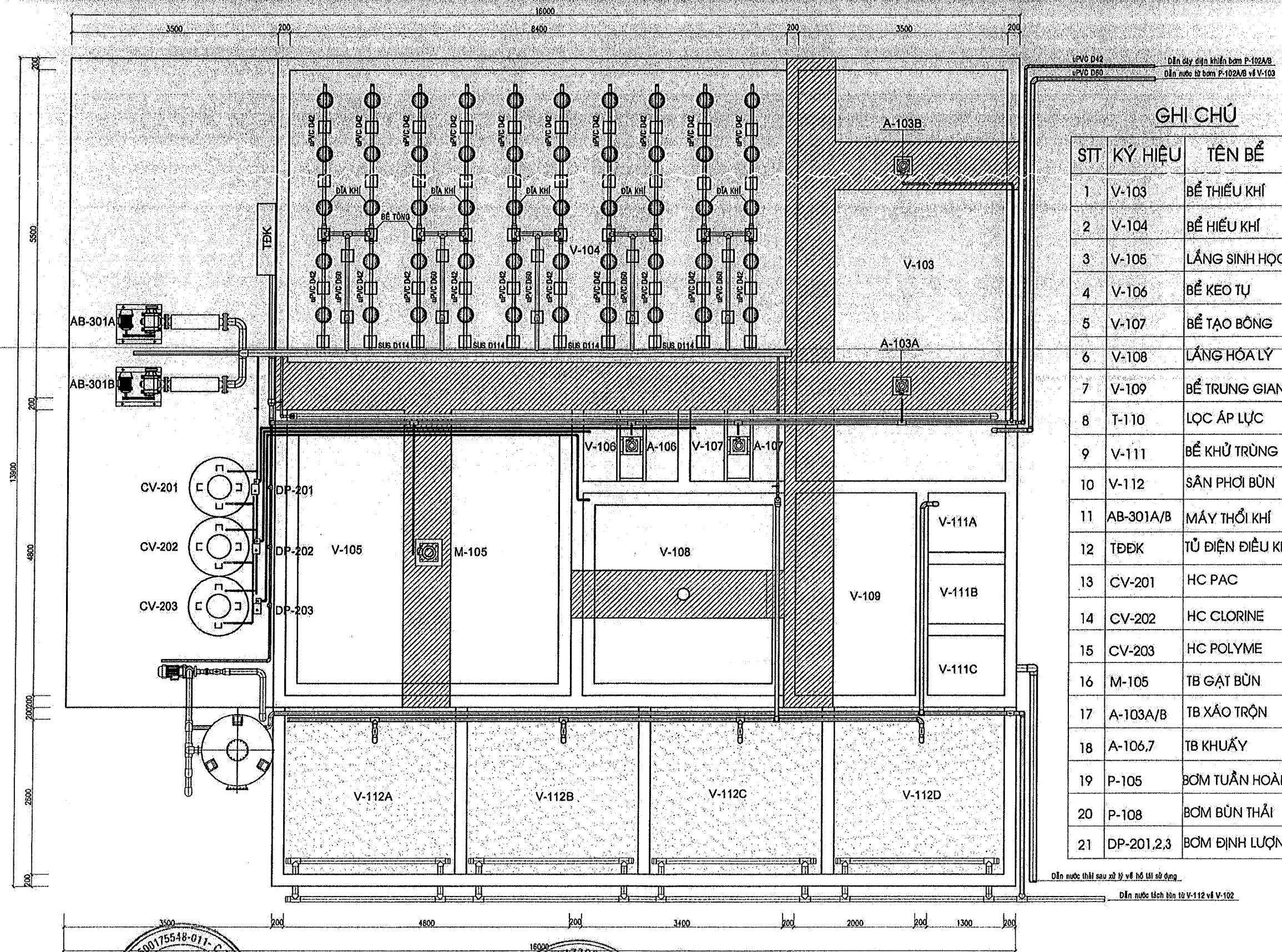
Q	250 m ³ /day
pH	6-9
BOD ₅	< 750 mg/l
COD _{Cr}	< 1050 mg/l
TSS	< 2800 mg/l
TN	< 400 mg/l



DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	GIÁM ĐỐC	NHÀ THẦU THI CÔNG	THỰC HIỆN	TÊN BẢN VẼ	CHỈNH SỬA	MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRANG TRẠI NUÔI HEO CÔNG SUẤT 250M3/NGÀY.ĐÊM				QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	LẦN NỘI DUNG	☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THIẾT KẾ KỸ THUẬT ☐ THIẾT KẾ THI CÔNG ☒ HOÀN CÔNG
CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM		CÔNG TY TNHH XD-MT HỒNG VIỆT ĐC: 121 Nguyễn Văn Mỹ, P. Hiệp Tân, Q. Tân Phú, TP. HCM Mobile: 0932 998 229 FAX: 84 28 3216 3994 Email: mhuonghongviet@gmail.com	CHỦ TRÌ: KS. NGUYỄN VĂN TÚ THIẾT KẾ: KS. NGUYỄN TƯỜNG DUY KIỂM: KS. NGUYỄN ĐỨC NGHI	TỈ LỆ: KHÔNG SỐ BV: 01 NGÀY: 24.11.18		



DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	CHỦ ĐẦU TƯ	GIÁM ĐỐC	NHÀ THẦU THI CÔNG	THỰC HIỆN	TÊN BẢN VẼ	CHỈNH SỬA	MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRANG TRẠI NUÔI HEO CÔNG SUẤT 250M3/NGÀY.ĐÊM	CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM		 CÔNG TY TNHH XD - MT HÔNG VIỆT - TP. PHƯỚC ANH Đ/C: 12 Huỳnh Văn Mỹ, P. Hiệp Tân, Q. Tân Phú, TP.HCM Mobile: 0932 865 229 FAX: 84 28 3216 9961 Email: moku@hongviet.vn	CHỦ TRÌ: KS. NGUYỄN VĂN TÚO THIẾT KẾ: KS. NGUYỄN TƯỜNG DUY KIỂM: KS. NGUYỄN ĐỨC NGHỊ	MẶT BẰNG TỔNG THỂ KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI	CHỈNH SỬA LẦN NỘI DUNG	THIẾT KẾ SƠ BỘ THIẾT KẾ KỸ THUẬT THIẾT KẾ THI CÔNG ☒ HOÀN CÔNG
			NGUYỄN VĂN TÚO		TỈ LỆ: KHÔNG SỐ BV: 02 NGÀY: 24.11.18		

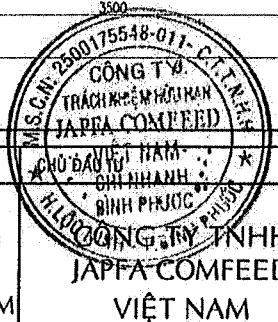


GHI CHÚ

STT	KÝ HIỆU	TÊN BỂ
1	V-103	BỂ THIẾU KHÍ
2	V-104	BỂ HIẾU KHÍ
3	V-105	LẮNG SINH HỌC
4	V-106	BỂ KEO TỤ
5	V-107	BỂ TẠO BÔNG
6	V-108	LẮNG HÓA LÝ
7	V-109	BỂ TRUNG GIAN
8	T-110	LỘC ÁP LỰC
9	V-111	BỂ KHỬ TRÙNG
10	V-112	SÂN PHỐI Bùn
11	AB-301A/B	MÁY THỔI KHÍ
12	TĐĐK	TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN
13	CV-201	HC PAC
14	CV-202	HC CLORINE
15	CV-203	HC POLYME
16	M-105	TB GẠT Bùn
17	A-103A/B	TB XẢO TRỘN
18	A-106,7	TB KHUẤY
19	P-105	BƠM TUẦN HOÀN
20	P-108	BƠM Bùn THẢI
21	DP-201,2,3	BƠM ĐỊNH LƯỢNG

DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
TRANG TRẠI NUÔI HEO
CÔNG SUẤT 250M3/NGÀY.ĐÊM



GIÁM ĐỐC

NHÀ THẦU THI CÔNG



GIÁM ĐỐC

THỰC HIỆN

CHỦ TRÌ: KS. NGUYỄN VĂN TÚI
THIẾT KẾ: KS. NGUYỄN TƯỜNG DUY
KIỂM: KS. NGUYỄN ĐỨC NGHỊ

TÊN BẢN VẼ

**MẶT BẰNG TỔNG THỂ
ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ**

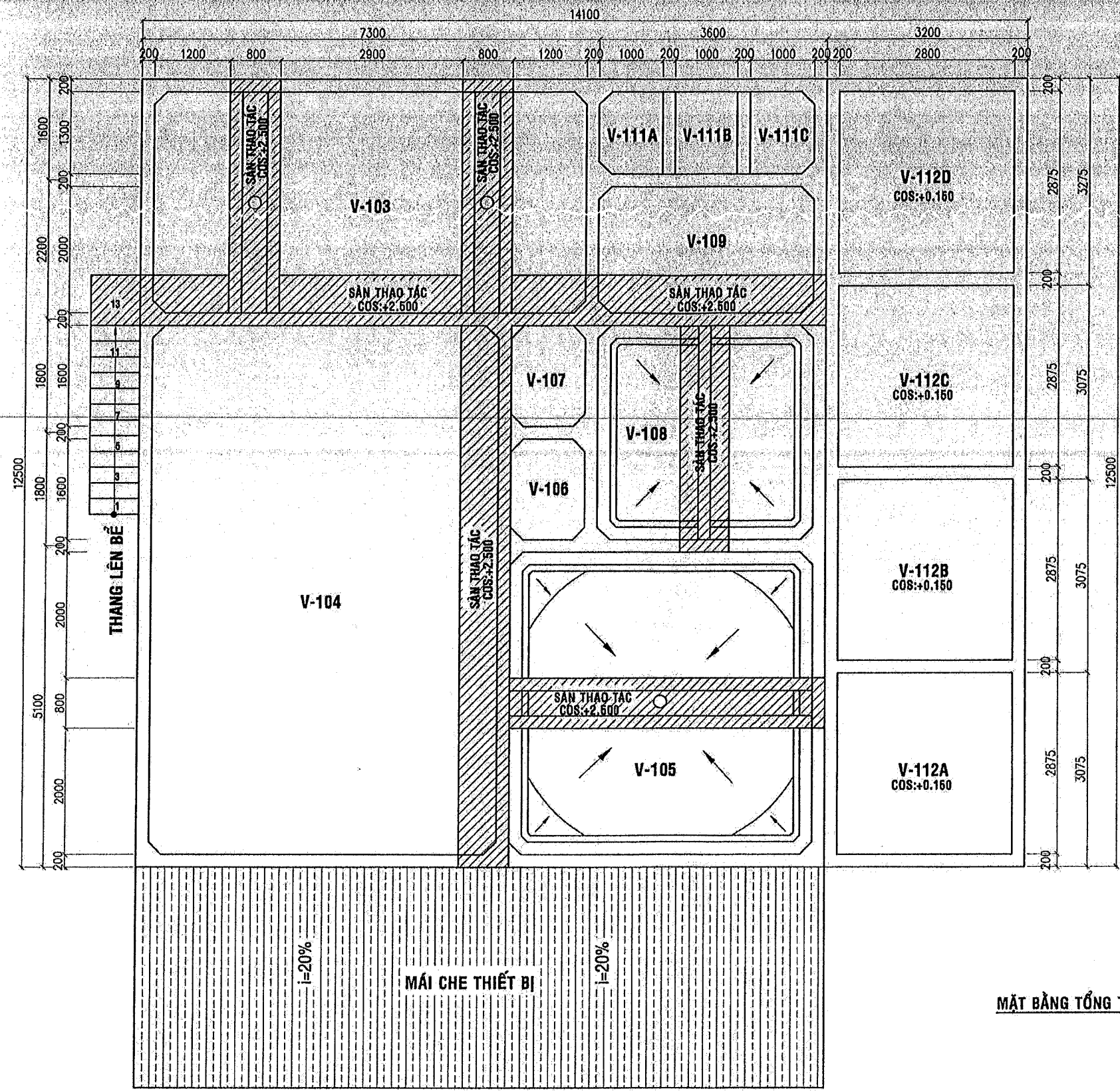
TỈ LỆ: KHÔNG SỐ BÝ: 03 NGÀY: 24.11.18

CHÍNH SỬA

LẦN NỘI DUNG

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ
☐ THIẾT KẾ KỸ THUẬT
☐ THIẾT KẾ THI CÔNG
☒ HOÀN CÔNG

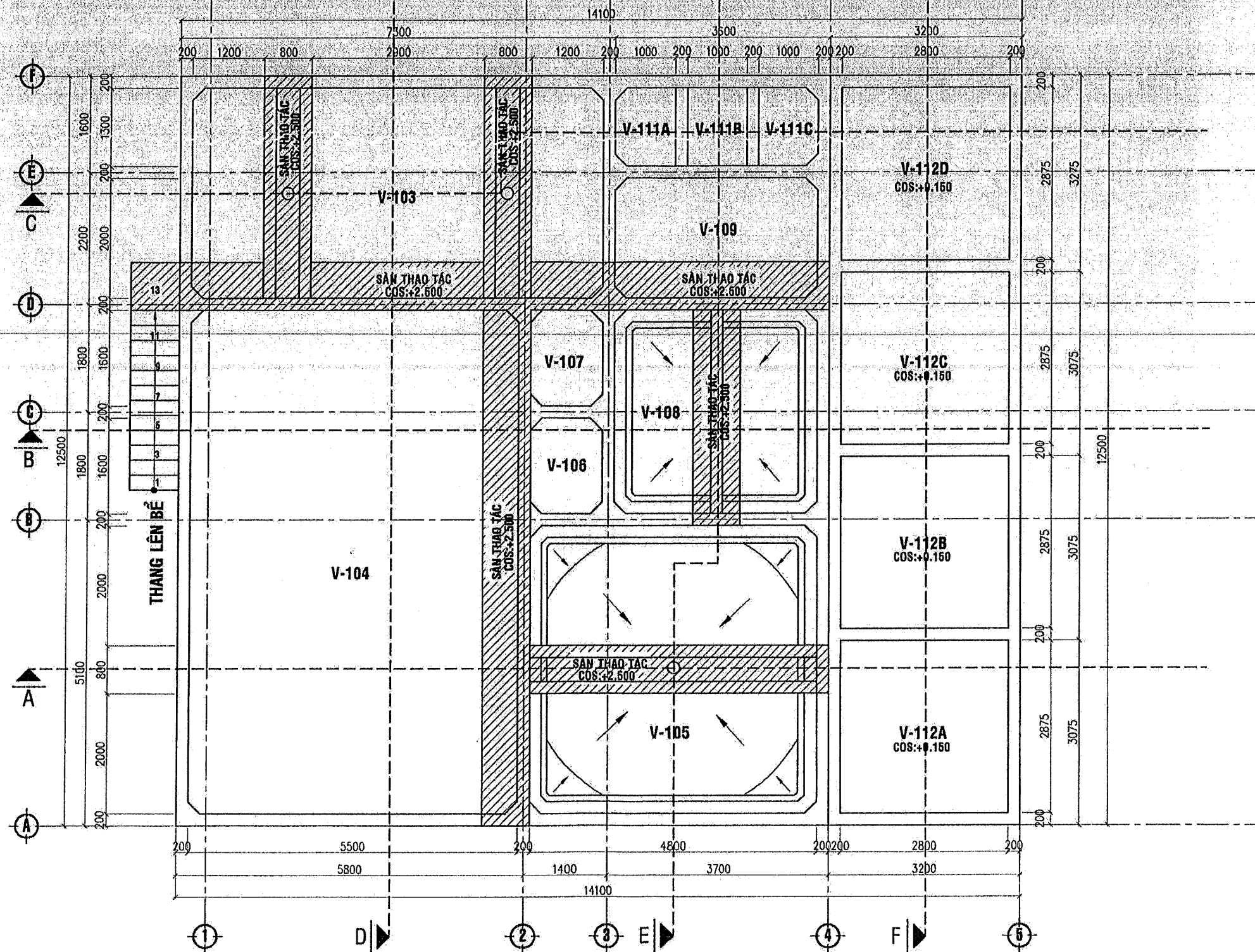


CHÚ GIẢI:

STT	KÝ HIỆU	TÊN BỂ
1	V-103	BỂ THIẾU KHÍ
2	V-104	BỂ HIẾU KHÍ
3	V-105	BỂ SINH HỌC
4	V-106	BỂ KEO TỤ
5	V-107	BỂ TẠO BÔNG
6	V-108	BỂ LẮNG HÓA LÝ
7	V-109	BỂ TRUNG GIAN
8	T-110	BỒN LỌC ÁP LỰC
9	V-111	BỂ KHỬ TRÙNG
10	V-112ABC	SÂN PHƠI BÙN

MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
Tỉ lệ: 1/75

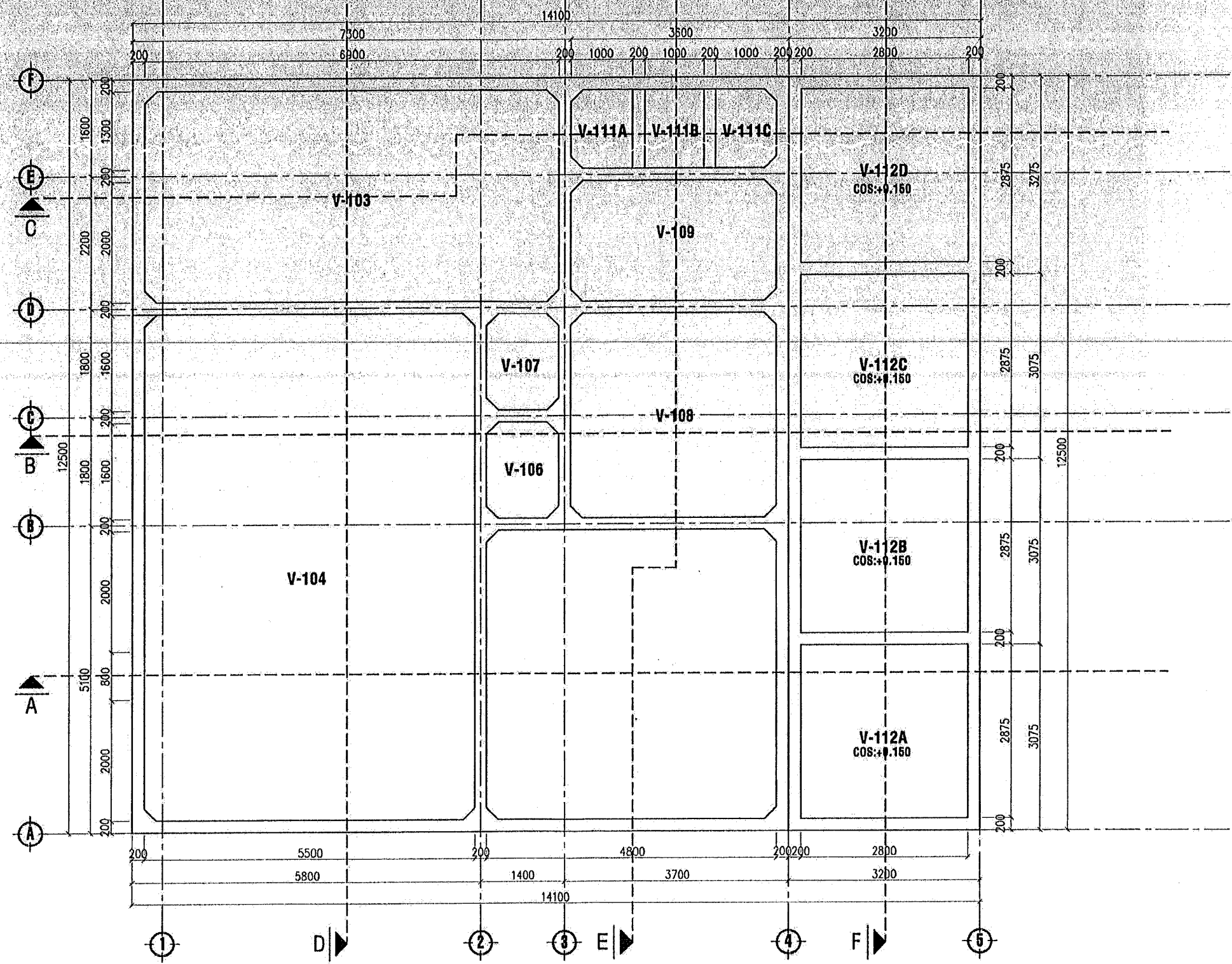
DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRANG TRẠI NUÔI HEO CÔNG SUẤT 250M3/NGÀY.ĐÊM	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN JAPFA COMFEED VIỆT NAM CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM	GIÁM ĐỐC 	NHÀ THẦU THI CÔNG CÔNG TY TNHH HỒNG VIỆT Đ/C: 12 Huỳnh Văn Mây, P. Hiệp Tân, Q. Tân Phú, TP. HCM Mobile: 0932 936 229 FAX: 84-28-3216-3394 Email: mabuongcongkiet@gmail.com	THỰC HIỆN CHỦ TRÌ: KS. NGUYỄN VĂN TÚ THIẾT KẾ: KS. NGUYỄN TƯỜNG DUY KIỂM: KS. NGUYỄN ĐỨC NGHỊ	TÊN BẢN VẼ MẶT BẰNG TỔNG THỂ XÂY DỰNG	CHỈNH SỬA		MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THIẾT KẾ KỸ THUẬT ☐ THIẾT KẾ THI CÔNG ☒ HOÀN CÔNG
						LẦN	NỘI DUNG	
TỈ LỆ: KHÔNG SỐ BV: 04 NGÀY: 24.11.18								



MẶT BẰNG CỤM BỂ XỬ LÝ
TỈ LỆ: 1/75

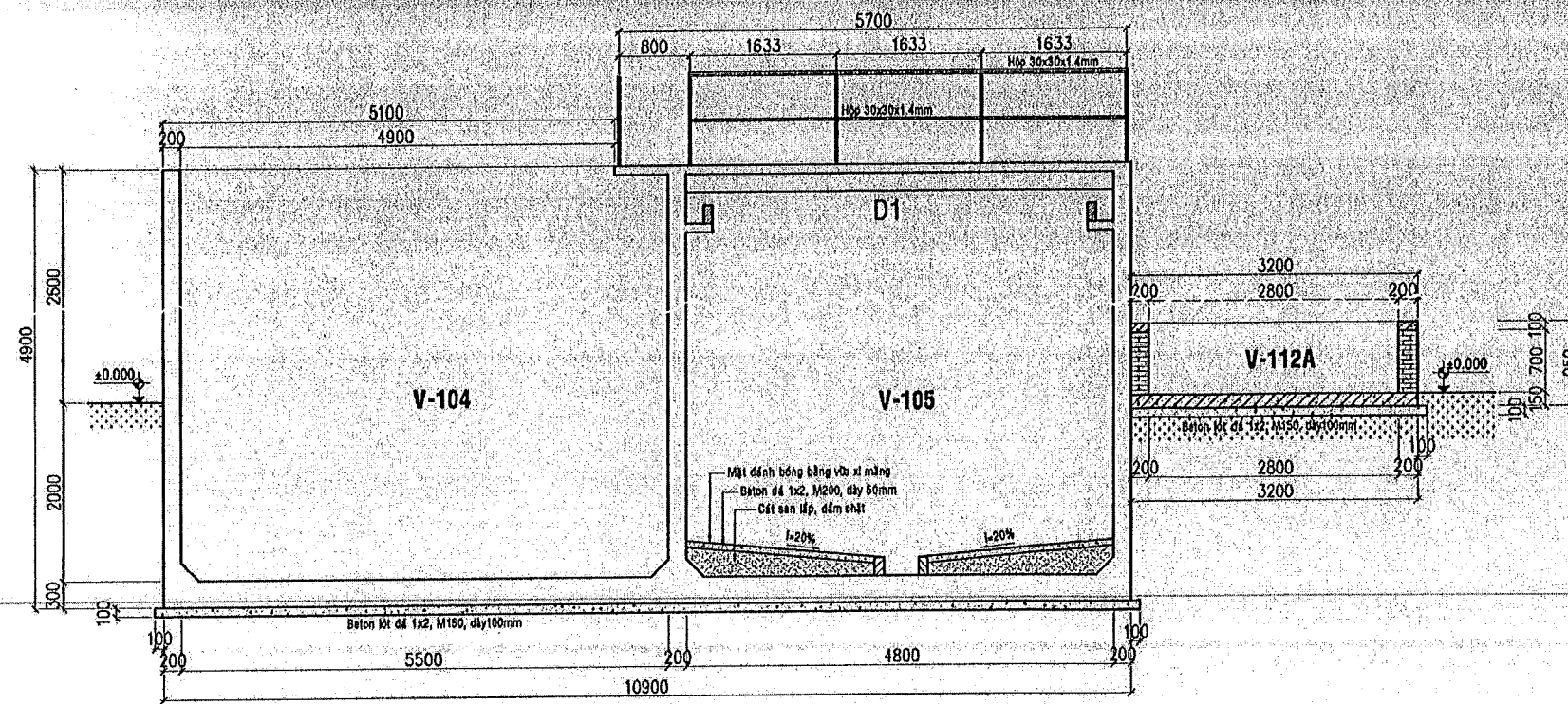


DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	CHỦ ĐẦU TƯ	GIÁM ĐỐC	NHÀ THẦU THI CÔNG	THỰC HIỆN	TÊN BẢN VẼ	CHỈNH SỬA	MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRANG TRẠI NUÔI HEO CÔNG SUẤT 250M3/NGÀY.ĐÊM	CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM		 CÔNG TY TNHH HỒNG VIỆT ĐC: 12 Hẻm 10, P. Hiệp Tân, Q. Tân Phú, TP. HCM Mobile: 0932 966 229 FAX: 04 28 3216 9994 Email: mobuhongviet@gmail.com	CHỦ TRÌ: KS. NGUYỄN VĂN TÚI THIẾT KẾ: KS. NGUYỄN TƯỜNG DUY KIỂM: KS. NGUYỄN ĐỨC NGHỊ	MẶT BẰNG TỔNG THỂ	LẦN NỘI DUNG	☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THIẾT KẾ KỸ THUẬT ☐ THIẾT KẾ THI CÔNG ☒ HOÀN CÔNG
			NGUYỄN VĂN TÚI		TỈ LỆ: KHÔNG SỐ BV: 05 NGÀY: 24.11.18		

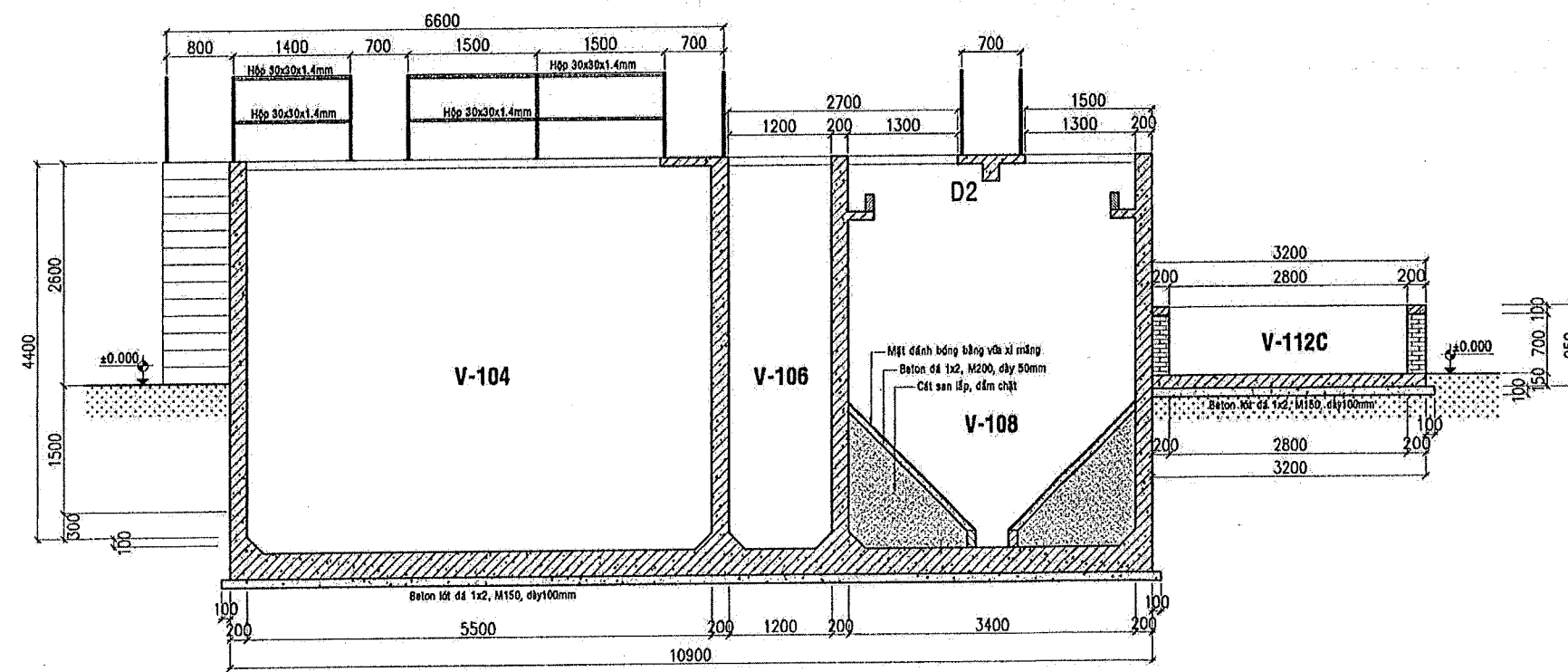


MẶT BẰNG BỐ TRÍ VÁCH
Tỉ lệ: 1/75

DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRANG TRẠI NUÔI HEO CÔNG SUẤT 250M3/NGÀY.ĐÊM	CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM CHỖ XÂY DỰNG: BÌNH PHƯỚC	GIÁM ĐỐC 	NHÀ THẦU THI CÔNG CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HỒNG VIỆT Đ/C: 12 Hùng Vương, P. Hiệp Tân, Q. Tân Phú, TP. HCM Mobile: 0932 996 229 FAX: 04 28 3216 3894 Email: hongvietongke@gmail.com	THỰC HIỆN CHỦ TRÌ: KS. NGUYỄN VĂN TÚC THIẾT KẾ: KS. NGUYỄN TƯỜNG DUY KIỂM TRA: KS. NGUYỄN ĐỨC NGHỊ	TÊN BẢN VẼ MẶT BẰNG BỐ TRÍ VÁCH			CHỈNH SỬA LẦN NỘI DUNG		MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THIẾT KẾ KỸ THUẬT ☐ THIẾT KẾ THI CÔNG ☒ HOÀN CÔNG
					TỈ LỆ: KHÔNG SỐ BV: 06 NGÀY: 24.11.18					



MẶT CẮT A-A
Tỉ lệ: 1/75



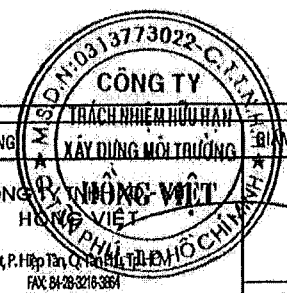
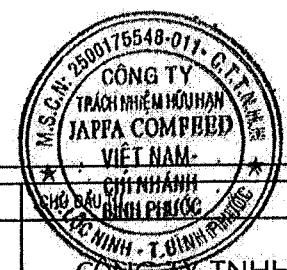
MẶT CẮT B-B
Tỉ lệ: 1/75

GHI CHÚ:

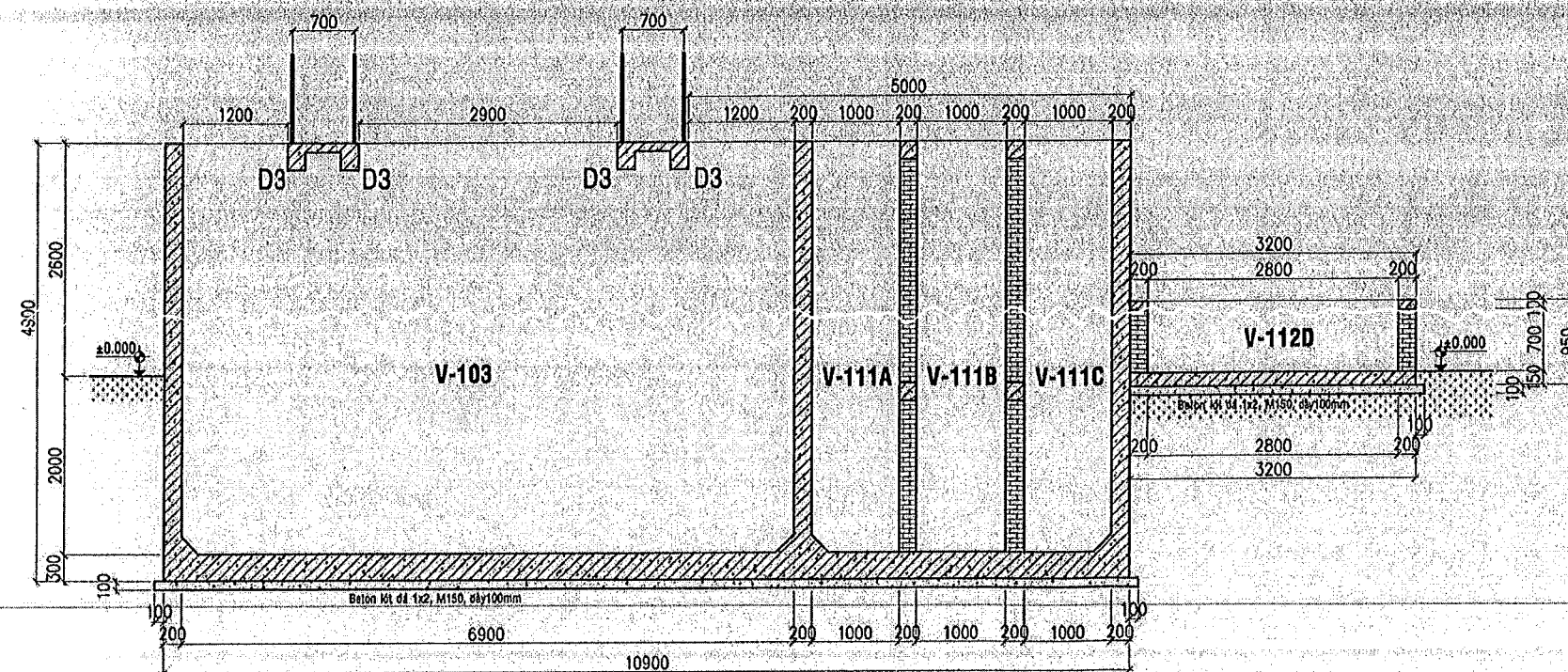
- I. VẬT LIỆU CẤU TẠO KIẾN TRÚC
 1. CẤU TẠO CHUNG CÁC BẾ
 - 1.1. CẤU TẠO ĐÁY BẾ
 - Sàn đáy bể tông cốt thép đá 1x2, mác 250
 - Bê tông lót móng đá 1x2, mác 150, dày 100mm
 - 1.2. CẤU TẠO THÀNH BẾ
 - Thành bể BTCT đá 1x2 mác 250
 - II. YÊU CẦU VỀ BÊ TÔNG
 - 1- YÊU CẦU VỀ CƯỜNG ĐỘ:
 - Bê tông mác 250, đá 1x2, $R_n=90\text{kg/cm}^2$, $R_b=8.5\text{MPa}$
 - 2- YÊU CẦU VỀ CHIỀU DÀY BÊ TÔNG BẢO VỆ:
 - Bê tông móng, đáy bể: $a=5.0\text{cm}$
 - Bê tông dầm thành, sàn, cột, hành lang công tác bể: $a=2.5-3\text{cm}$
 - 3- YÊU CẦU VỀ TÍNH CÔNG TÁC:
 - Độ sụt của bê tông $s_n=10\pm 2\text{cm}$
 - Bê tông đáy bể, thành bể sử dụng bê tông thương phẩm (nếu có trạm trộn), bê tông dầm cột sử dụng bê tông đổ bằng thủ công.
 - III. YÊU CẦU VỀ CỐT THÉP
 - 1- YÊU CẦU VỀ CƯỜNG ĐỘ:
 - + Cốt thép $D < 10$, $R_s=R_{s'}=2100\text{kg/cm}^2$, Dùng thép tròn trơn
 - + Cốt thép $D \geq 10$, $R_s=R_{s'}=2800\text{kg/cm}^2$, Dùng thép, dùng thép gân
 - 2- YÊU CẦU NỐI THÉP:
 - + Nối thép bằng cách buộc hoặc hàn.
 - + Nếu bằng phương pháp hàn $l_n \geq 10d$, nếu bằng phương pháp buộc $l_n \geq 30d$
 - + Tại một thiết diện không được nối quá 60% thiết diện thép
 - + Không cho phép nối tại vị trí ứng suất lớn
 - IV. YÊU CẦU VỀ THI CÔNG
 - 1- YÊU CẦU CHUNG:
 - + Khi thi công phải tuân thủ theo tiêu chuẩn:
 - TCVN 5641 - 1991: Bê tông BTCT-quy phạm thi công và nghiệm thu.
 - TCVN 4453:1985 kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - quy phạm thi công và nghiệm thu.
 - + Khi thi công phải xây dựng phải kết hợp giữa bản vẽ xây dựng với bản vẽ công nghệ, điện để đặt ống chờ, các thiết bị khác.
 - V. YÊU CẦU NGHIỆM THU BÀN GIAO
 - BỂ PHẢI THỬ TẢI TRƯỚC KHI NGHIỆM THU BÀN GIAO

KÝ HIỆU VẬT LIỆU:

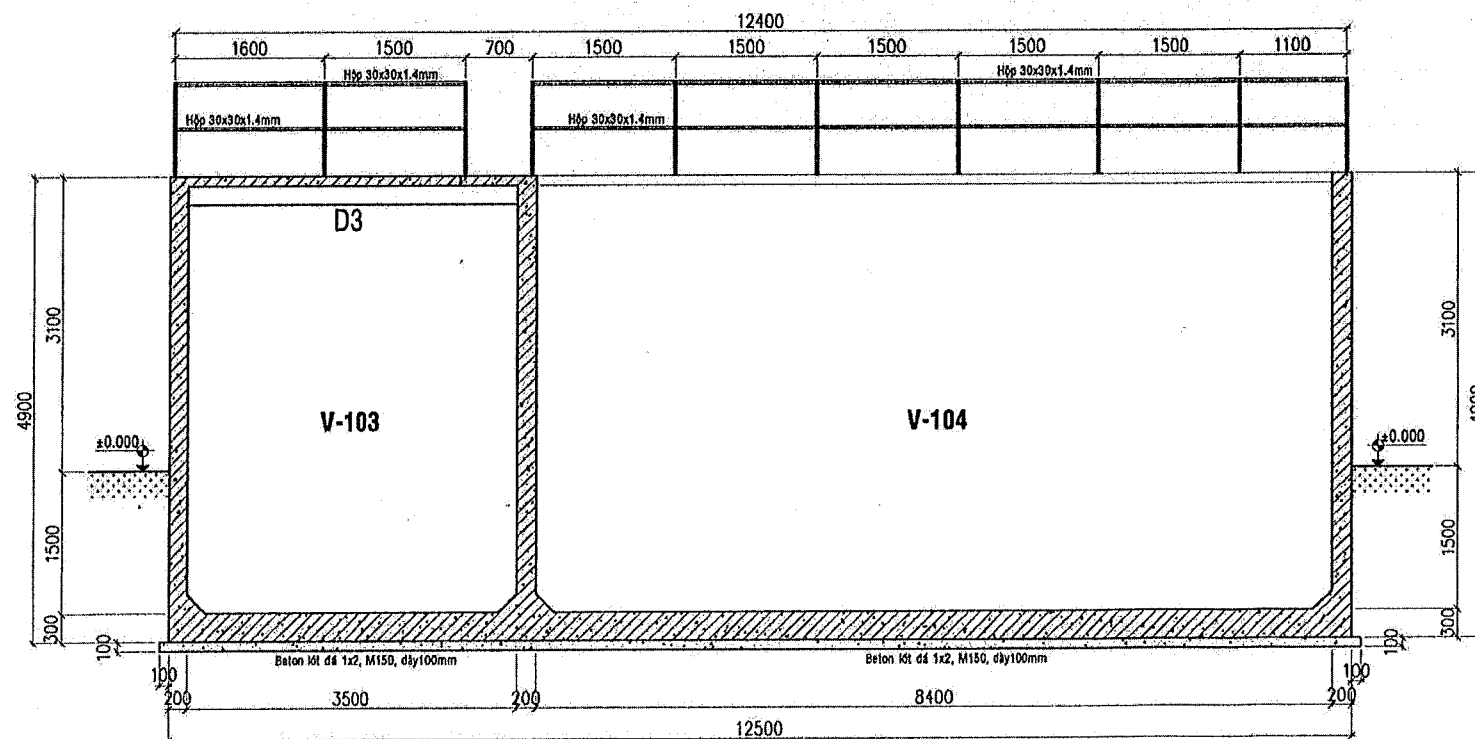
- BÊ TÔNG CỐ THÉP ĐÁ 1X2 M250
- BÊ TÔNG ĐÁ 1X2 M150
- TƯỜNG XÂY GẠCH THỂ, VỮA MÁC 75
- TƯỜNG XÂY GẠCH THỂ, VỮA MÁC 75



DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	GIÁM ĐỐC	NHÀ THẦU THI CÔNG	BIÊN ĐỐC	THỰC HIỆN	TÊN BẢN VẼ	CHỈNH SỬA	MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRANG TRẠI NUÔI HEO CÔNG SUẤT 250M3/NGÀY.ĐÊM				CHỦ TRƯỞNG: KS. NGUYỄN VĂN TÚ THIẾT KẾ: KS. NGUYỄN TƯỜNG DUY	MẶT CẮT KIẾN TRÚC	LẦN: NỘI DUNG:	☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THIẾT KẾ KỸ THUẬT ☐ THIẾT KẾ THI CÔNG ☒ HOÀN CÔNG
CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM		CÔNG TY TNHH HỒNG VIỆT ĐC: 121 Nguyễn Văn Mỹ, P. Hiệp Tân, Q. Tân Phú, TP. HCM Mobile: 0932 988 229 FAX: 84 28 3216 3881 Email: mobuhongviet@gmail.com	NGUYỄN VĂN TÚ	KIỂM: KS. NGUYỄN ĐỨC NGHỊ	TỈ LỆ: KHÔNG SỐ BV: 10 NGÀY: 24.11.18		



MẶT CẮT C-C
Tỉ lệ: 1/75



MẶT CẮT D-D
Tỉ lệ: 1/75

GHI CHÚ:

I. VẬT LIỆU CẤU TẠO KIẾN TRÚC

1. CẤU TẠO CHUNG CÁC BẾ:

1.1. CẤU TẠO ĐÁY BẾ:

- Sàn đáy bể tông cốt thép đá 1x2, mức 250
- Bê tông lót móng đá 1x2, mức 150, dày 100 mm

1.2. CẤU TẠO THÀNH BẾ:

- Thành bể BTCT đá 1x2 mức 250

II. YÊU CẦU VỀ BÊ TÔNG:

1- YÊU CẦU VỀ CƯỜNG ĐỘ:

- Bê tông mức 250, đá 1x2, $R_n=90\text{kg/cm}^2$, $R_b=8.5\text{MPa}$

2- YÊU CẦU VỀ CHIỀU DÀY BÊ TÔNG BẢO VỆ:

- Bê tông móng, đáy bể: $a=5.0\text{cm}$
- Bê tông thành bể: sàn, cột, hình dạng công tác bể: $a=2.5-3\text{cm}$

3- YÊU CẦU VỀ TÍNH CÔNG TÁC:

- Độ sụt của bê tông $s_n=10\pm 2\text{cm}$
- Bê tông đáy bể, thành bể sử dụng bê tông thương phẩm (nếu có trạm trộn), bê tông đầm cốt sử dụng bê tông đổ bằng thủ công.

III. YÊU CẦU VỀ CỐT THÉP:

1- YÊU CẦU VỀ CƯỜNG ĐỘ:

- + Cốt thép $D \leq 10$, $R_a=R_s=2100\text{kg/cm}^2$, Dùng thép tròn trơn
- + Cốt thép $D \geq 10$, $R_a=R_s=2800\text{kg/cm}^2$, Dùng thép, dùng thép gân

2- YÊU CẦU NỐI THÉP:

- + Nối thép bằng cách buộc hoặc hàn.
- + Nếu bằng phương pháp hàn $l_n \geq 10d$, nếu bằng phương pháp buộc $l_n \geq 30d$
- + Tại một tiết diện không được nối quá 50% tiết diện thép
- + Không cho phép nối tại vị trí ứng suất lớn

IV. YÊU CẦU VỀ THI CÔNG

1- YÊU CẦU CHUNG:

- + Khi thi công phải tuân thủ theo tiêu chuẩn:
- TCVN 5841 - 1991: Bê chứa BTCT-quy phạm thi công và nghiệm thu.
- TCVN 4453: 1995 kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - quy phạm thi công và nghiệm thu.
- + Khi thi công phần xây dựng phải kết hợp giữa bản vẽ xây dựng với bản vẽ công nghệ, điện để đặt ống chờ, các thiết bị khác.

V. YÊU CẦU NGHIỆM THU BÀN GIAO

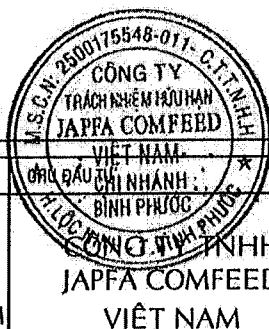
BỂ PHẢI THỬ TẢI TRƯỚC KHI NGHIỆM THU BÀN GIAO

KÝ HIỆU VẬT LIỆU:

- BÊ TÔNG CỐ THÉP ĐÁ 1X2 M250
- BÊ TÔNG ĐÁ 1X2 M150
- TƯỜNG XÂY GẠCH THÈ, VỪA MẮC 75
- TƯỜNG XÂY GẠCH THÈ, VỪA MẮC 75

DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH

HẠNG MỤC:
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
TRANG TRẠI NUÔI HEO
CÔNG SUẤT 250M3/NGÀY.ĐÊM



GIÁM ĐỐC

[Signature]

NHÀ THẦU THI CÔNG

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG
HỒNG VIỆT

ĐX: 12/Trần Văn Mỹ, P. Hiệp Tân, Q. Tân Phú, TP. HCM
Mô: 032 938 729 FAX: 84 28 3216 384
Email: moibungcongter@gmail.com

GIÁM ĐỐC

[Signature]

THỰC HIỆN

CHỦ TRÌ: KS. NGUYỄN VĂN TÚI
THIẾT KẾ: KS. NGUYỄN TƯỜNG DUY
KIỂM: KS. NGUYỄN ĐỨC NGHỊ

TÊN BẢN VẼ

MẶT CẮT KIẾN TRÚC

CHÍNH SỬA

LẦN NỘI DUNG

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ
☐ THIẾT KẾ KỸ THUẬT
☐ THIẾT KẾ THI CÔNG
☒ HOÀN CÔNG

TỈ LỆ: KHÔNG

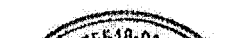
SỐ BV: 11

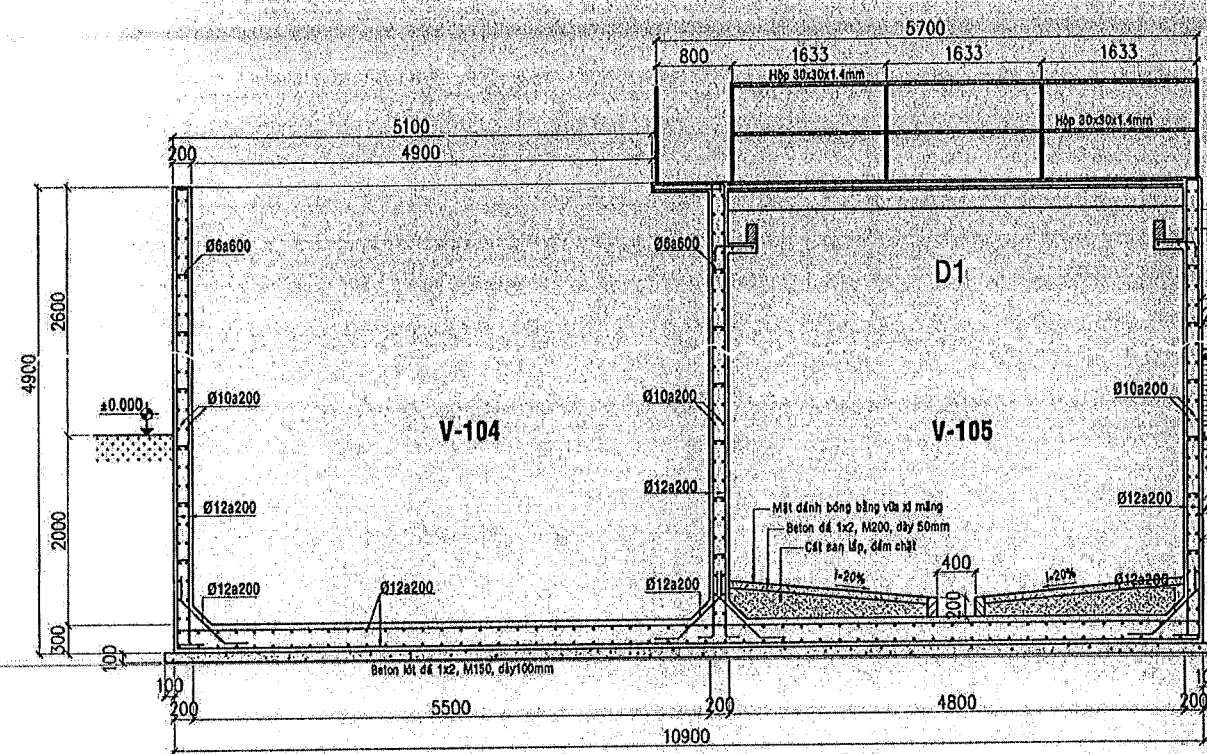
NGÀY: 24.11.18



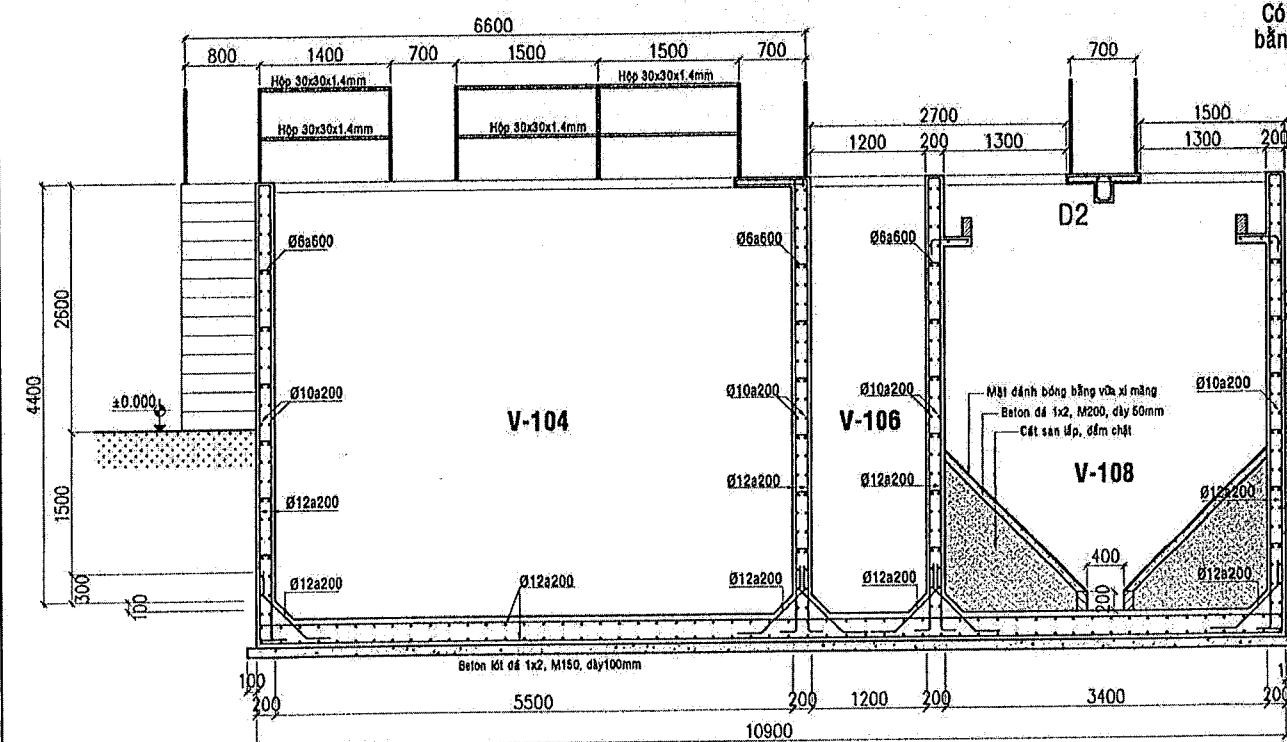
STT	KÝ HIỆU	TÊN BỂ	STT	KÝ HIỆU	TÊN BỂ	STT	KÝ HIỆU	TÊN BỂ
1	V-103	BỂ THIẾU KHÍ	4	V-106	BỂ KEO TỤ	7	V-109	BỂ TRUNG GIAN
2	V-104	BỂ HIẾU KHÍ	5	V-107	BỂ TẠO BÔNG	8	V-111	BỂ KHỬ TRÙNG
3	V-105	BỂ SINH HỌC	6	V-108	BỂ LẮNG HÓA LÝ	9	V-112ABC	SÂN PHƠI BÙN

1. The first step in the process is to identify the problem or issue that needs to be addressed. This involves gathering information and understanding the context of the problem.

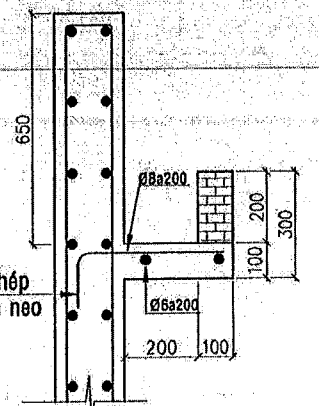
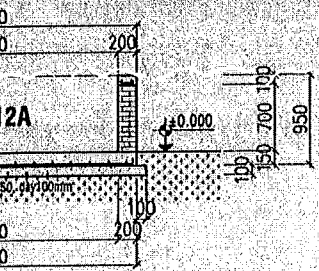
 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN JAPFA COMFEED CHỦ ĐẦU TƯ VIỆT NAM - CHỈ NHANH ĐÌNH PHƯỚC HÀNG MỤC: VIỆT NAM	 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HONG VIET XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HÀNG MỤC: VIỆT NAM	 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HONG VIET XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HÀNG MỤC: VIỆT NAM	 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HONG VIET XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HÀNG MỤC: VIỆT NAM	 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HONG VIET XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HÀNG MỤC: VIỆT NAM
	 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN JAPFA COMFEED CHỦ ĐẦU TƯ VIỆT NAM - CHỈ NHANH ĐÌNH PHƯỚC HÀNG MỤC: VIỆT NAM	 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HONG VIET XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HÀNG MỤC: VIỆT NAM	 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HONG VIET XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HÀNG MỤC: VIỆT NAM	 CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HONG VIET XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG HÀNG MỤC: VIỆT NAM



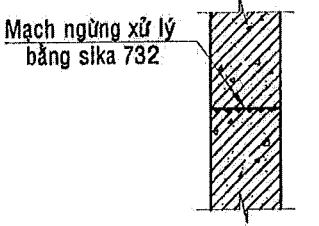
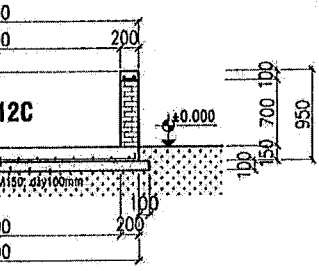
MẶT CẮT A-A
Tỉ lệ: 1/75



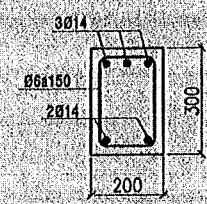
MẶT CẮT B-B
Tỉ lệ: 1/75



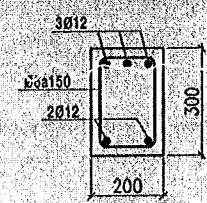
CHI TIẾT MĂNG
Tỉ lệ: 1/20



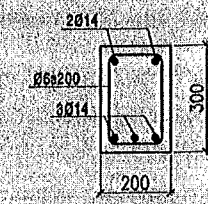
MẠCH NGỪNG THI CÔNG



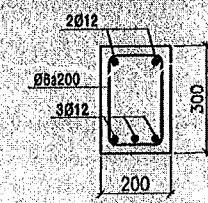
D1-(TẠI GỐI)
Tỉ lệ: 1/20



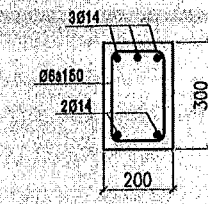
D2-(TẠI GỐI)
Tỉ lệ: 1/20



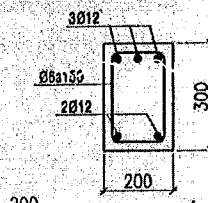
D1-(TẠI NHẬP)
Tỉ lệ: 1/20



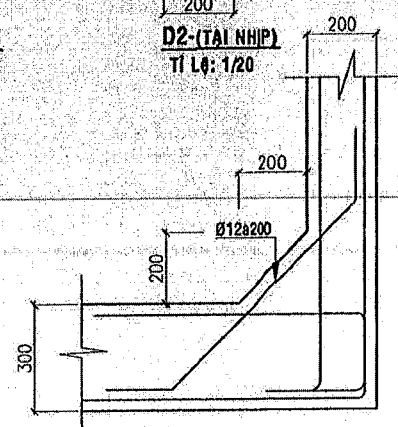
D2-(TẠI NHẬP)
Tỉ lệ: 1/20



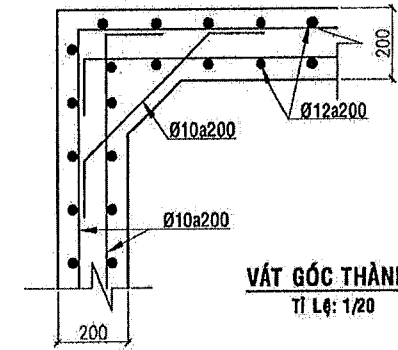
D1-(TẠI GỐI)
Tỉ lệ: 1/20



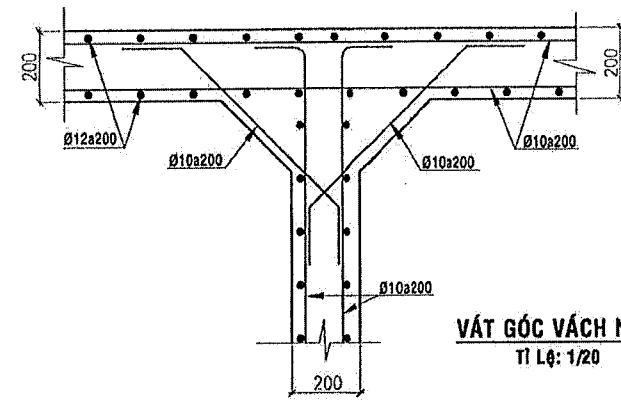
D2-(TẠI GỐI)
Tỉ lệ: 1/20



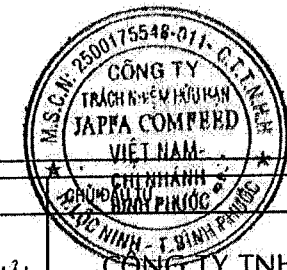
VÁT GÓC ĐÁY
Tỉ lệ: 1/20



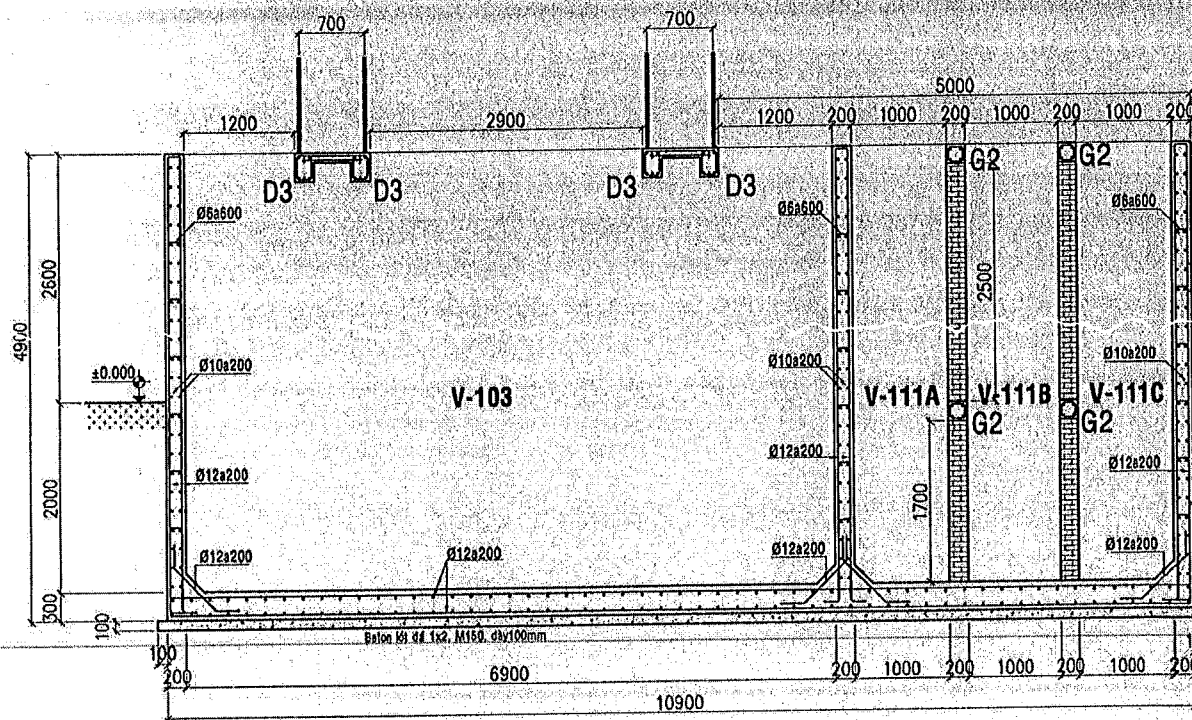
VÁT GÓC THÀNH BỂ
Tỉ lệ: 1/20



VÁT GÓC VÁCH NGĂN
Tỉ lệ: 1/20

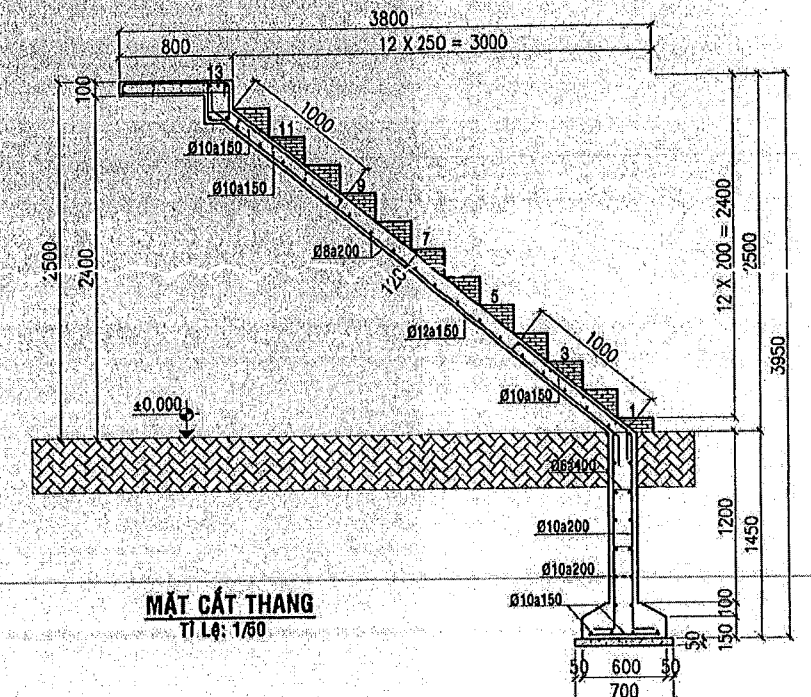


DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	GIÁM ĐỐC	NHÀ THẦU THI CÔNG	THỰC HIỆN	TÊN BẢN VẼ	CHỈNH SỬA	MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRANG TRẠI NUÔI HEO CÔNG SUẤT 250M3/NGÀY.ĐÊM			CHỦ TRÌ: KS. NGUYỄN VĂN TÚ THIẾT KẾ: KS. NGUYỄN TƯỜNG DUY	MẶT CẮT KẾT CẤU	LẦN: NỘI DUNG:	☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THIẾT KẾ KỸ THUẬT ☐ THIẾT KẾ THI CÔNG ☒ HOÀN CÔNG
CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM		CÔNG TY TNHH HỒNG VIỆT ĐC: 12 Huỳnh Văn Mỹ P. Hiệp Tân Q. Tân Phú TP. HCM Mobi: 032 658 229 FAX: 04 28 3216 3861 Email: mokuonghongviet@gmail.com	KIỂM: KS. NGUYỄN ĐỨC NGHỊ	TỈ LỆ: KHÔNG SỐ BV: 13 NGÀY: 24.11.18		

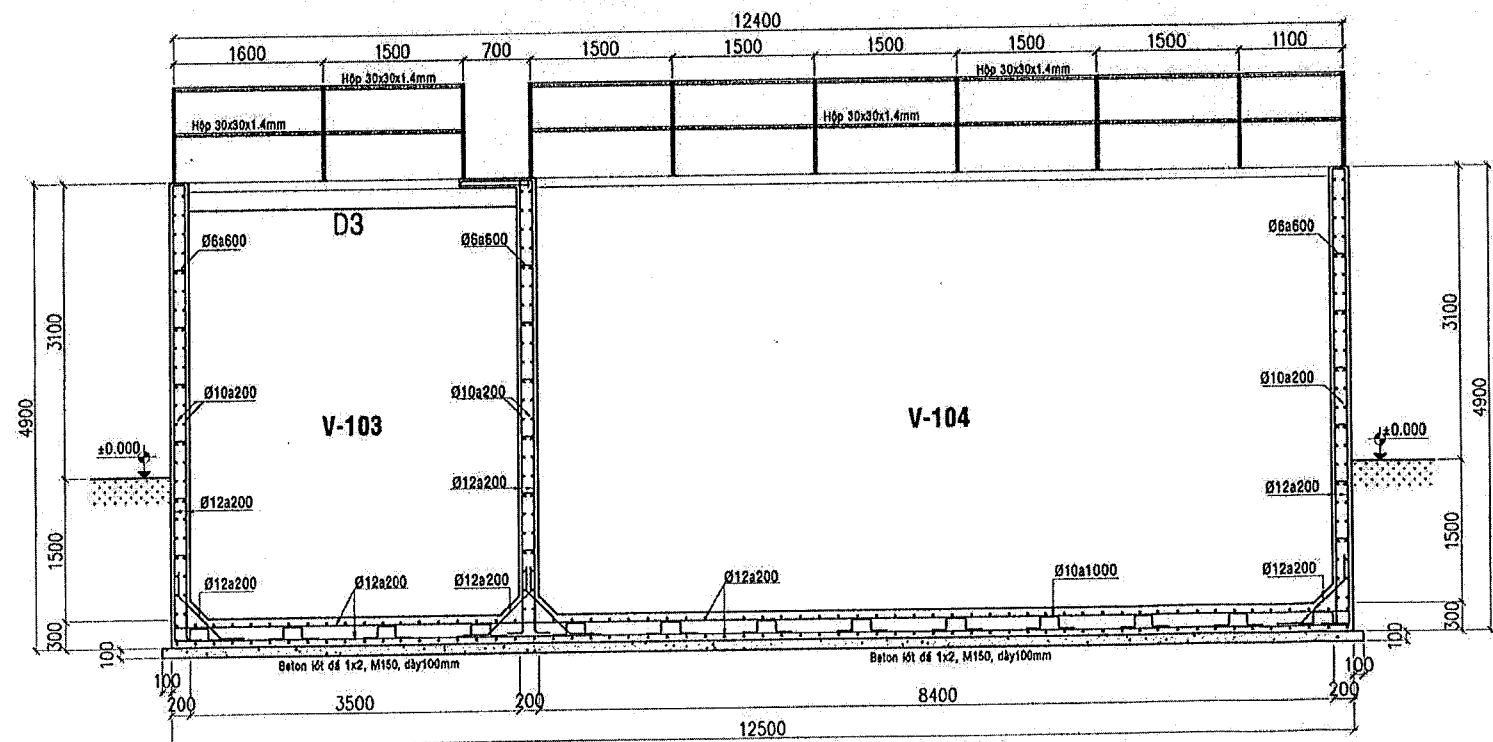


MẶT CẮT C-C
Tỉ lệ: 1/75

G1
Tỉ lệ: 1/20

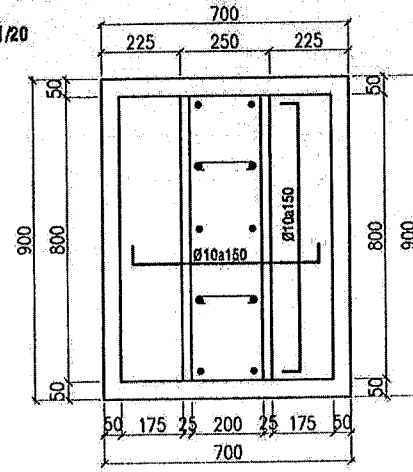


MẶT CẮT THANG
Tỉ lệ: 1/50

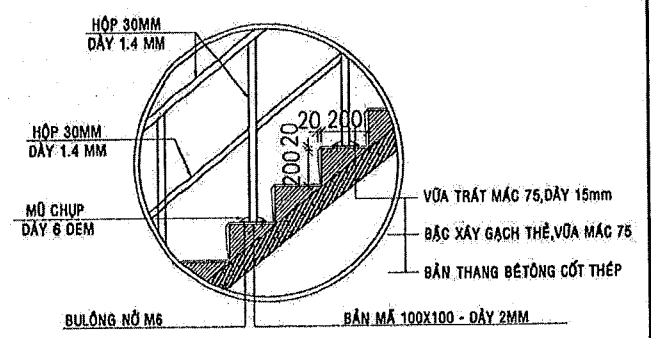


MẶT CẮT D-D
Tỉ lệ: 1/75

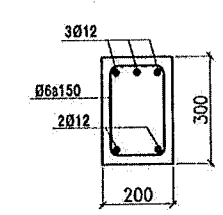
G2
Tỉ lệ: 1/20



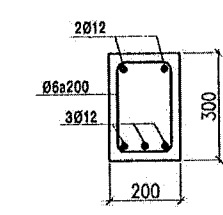
MÓNG THANG
Tỉ lệ: 1/20



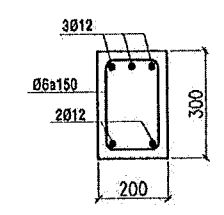
CHI TIẾT Bậc THANG
Tỉ lệ: 1/50



D2-(TẠI GỐI)
Tỉ lệ: 1/20

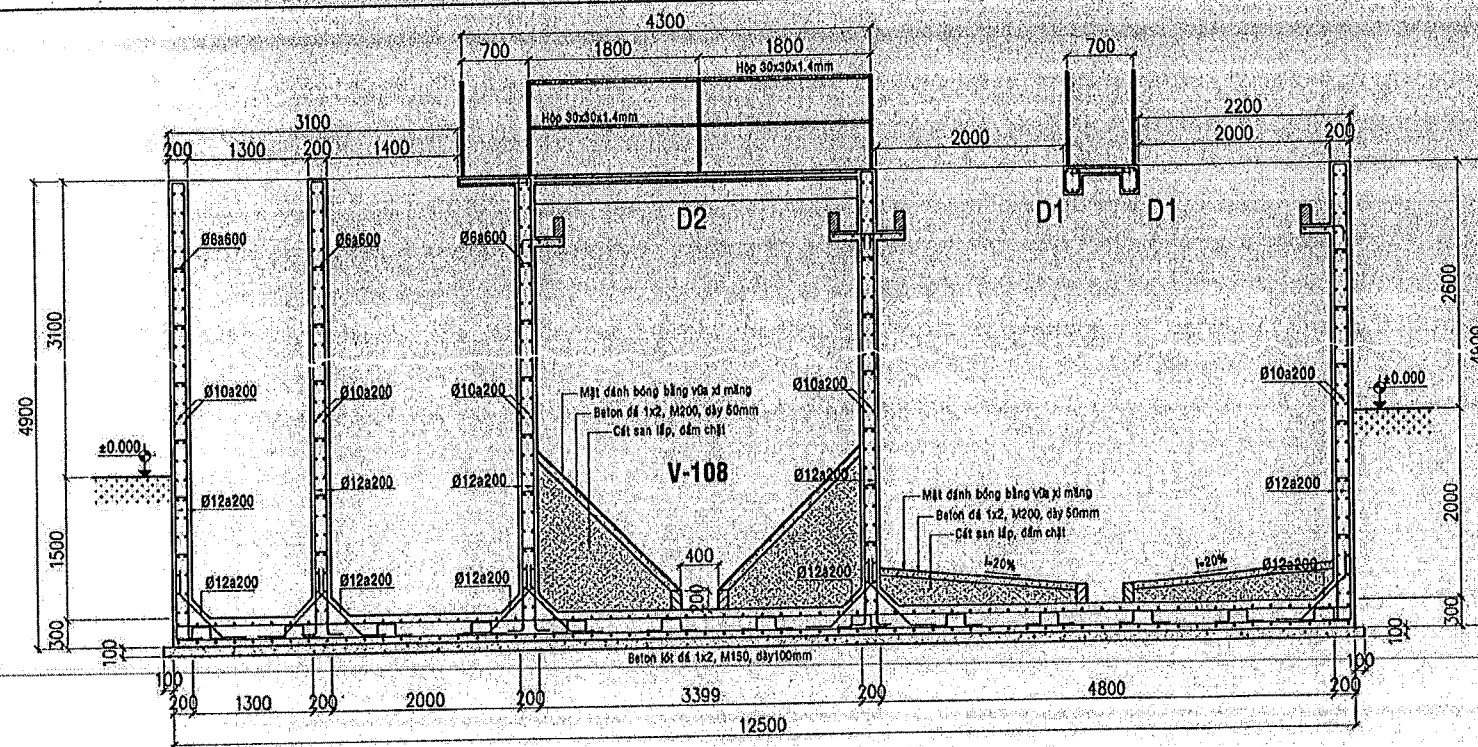


D2-(TẠI NHỊP)
Tỉ lệ: 1/20

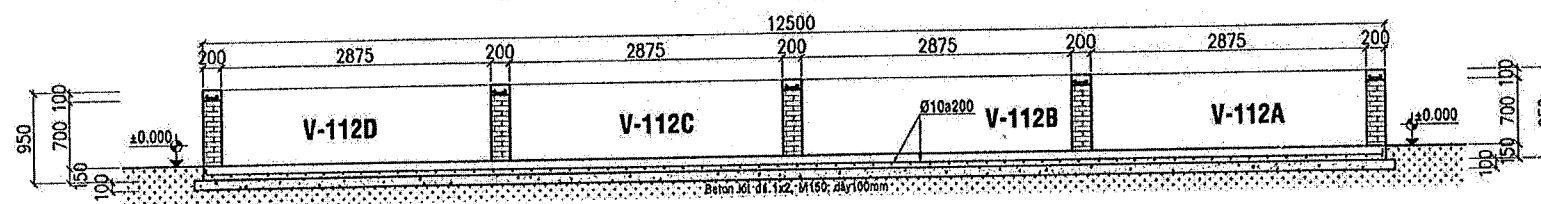


D2-(TẠI GỐI)
Tỉ lệ: 1/20

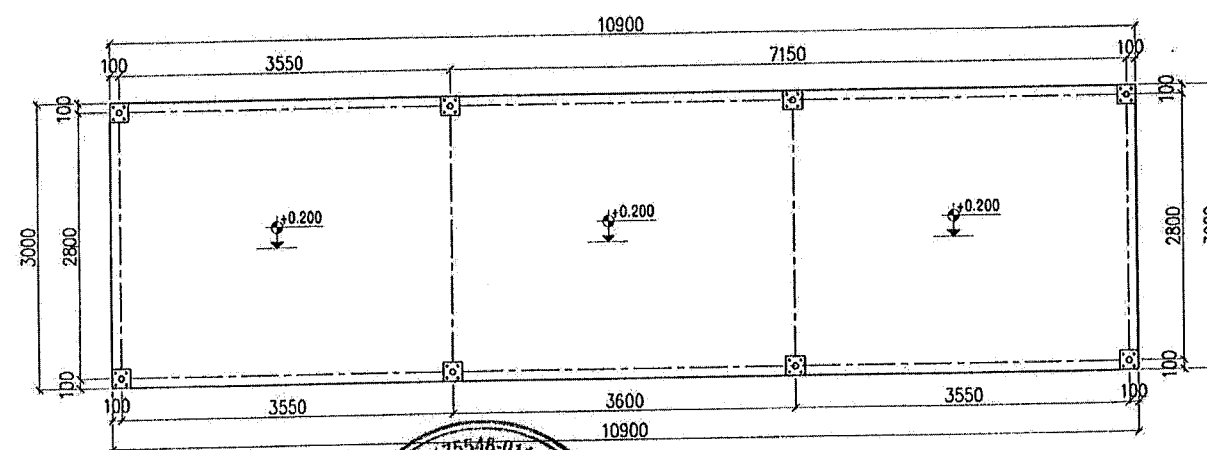
DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRANG TRẠI NUÔI HEO CÔNG SUẤT 250M3/NGÀY.ĐÊM	CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM	GIÁM ĐỐC <i>[Signature]</i>	NHÀ THẦU THI CÔNG CÔNG TY TNHH CÔNG TRÌNH VIỆT NAM ĐC: 12/1 Nguyễn Văn Mỹ, P. Hiệp Tân, Q. Tân Phú, TP. HCM Mô: 032 958 229 FAX: 04 28 3216 334 Email: moxuonghang.kt@gmail.com	GIÁM ĐỐC <i>[Signature]</i> NGUYỄN VĂN TÚ	THỰC HIỆN CHỦ TRÌ: KS. NGUYỄN VĂN TÚ THIẾT KẾ: KS. NGUYỄN TƯỜNG DUY KIỂM: KS. NGUYỄN ĐỨC NGHỊ	TÊN BẢN VẼ MẶT CẮT KẾT CẤU TỈ LỆ: KHÔNG SỐ BV: 14 NGÀY: 24.11.18	CHỈNH SỬA LẦN NỘI DUNG	MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH ☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ ☐ THIẾT KẾ KỸ THUẬT ☐ THIẾT KẾ THI CÔNG ☒ HOÀN CÔNG
---	---	---	---	--	---	--	--------------------------------------	---



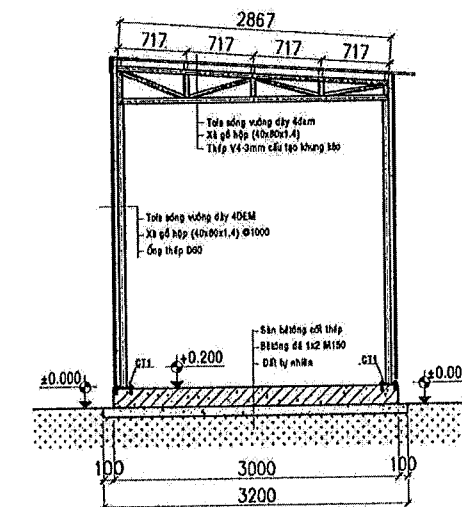
MẶT CẮT E-E
Tỉ lệ: 1/75



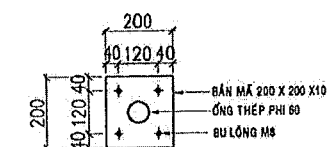
MẶT CẮT F-F
Tỉ lệ: 1/75



MẶT BẰNG SÀN MÁI CHE THIẾT BỊ
Tỉ lệ: 1/75



MẶT CẮT KHUNG
Tỉ lệ: 1/75



CT1
Tỉ lệ: 1/20

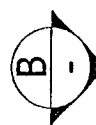
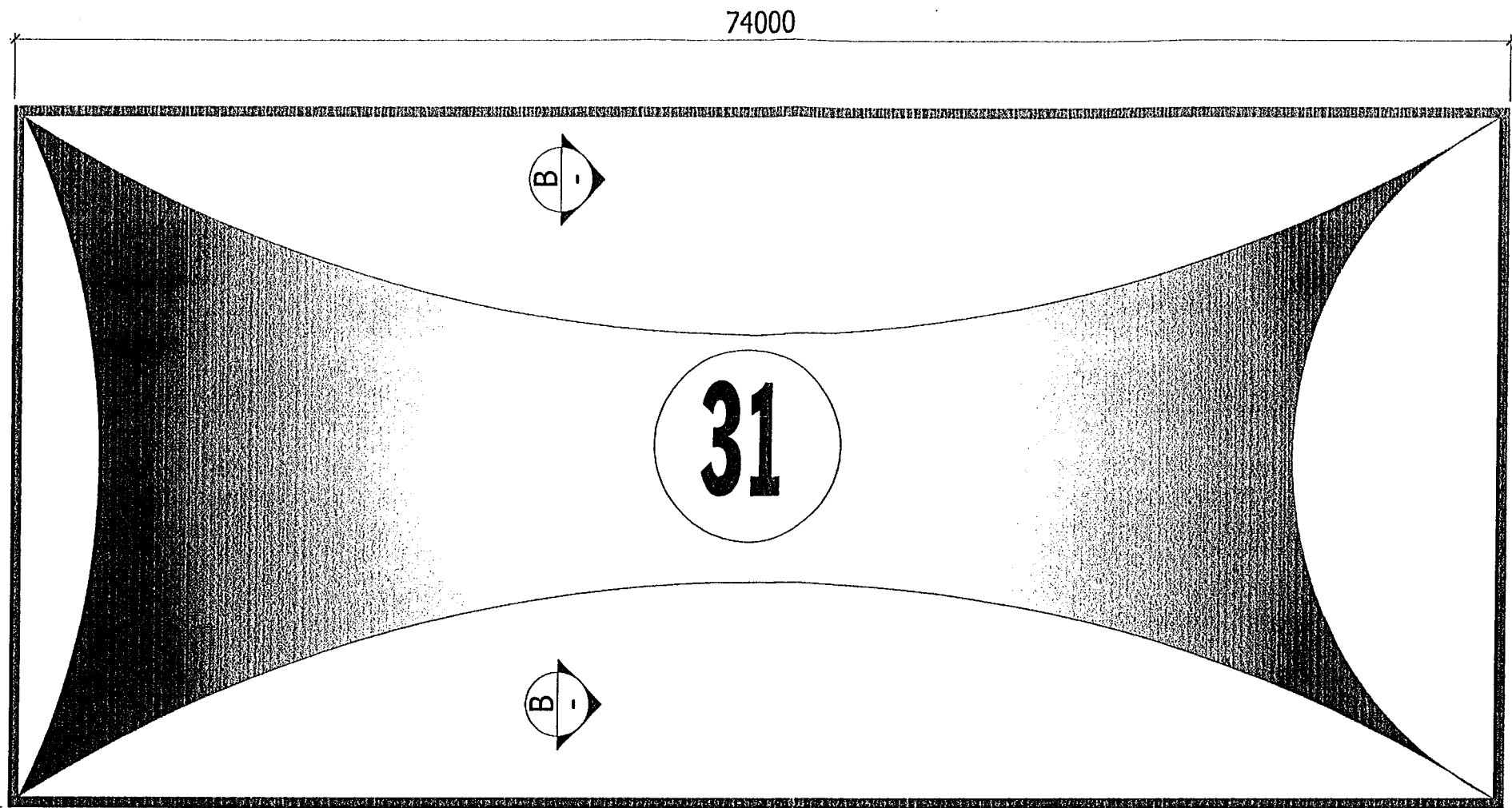
GHI CHÚ:

- I. VẬT LIỆU CẤU TẠO KIẾN TRÚC
1. CẤU TẠO CHUNG CÁC BẾ
- 1.1. CẤU TẠO ĐÁY BẾ
 - Sàn đáy bể tông cốt thép d_a 1x2, mác 250
 - Bê tông lót móng d_a 1x2, mác 180, dày 100 mm
- 1.2. CẤU TẠO THÀNH BẾ
 - Thành bể BTCT d_a 1x2 mác 250
- II. YÊU CẦU VỀ BÊ TÔNG
- 1- YÊU CẦU VỀ CƯỜNG ĐỘ:
 - Bê tông mác 250, d_a 1x2, R_n=30kg/cm², R_b=8.5MPa
- 2- YÊU CẦU VỀ CHIỀU DÀY BÊ TÔNG BẢO VỆ:
 - Bê tông móng, đáy bể: a=5.0cm
 - Bê tông thành bể, sàn, cột, hành lang công tác bể: a=2.5-3cm
- 3- YÊU CẦU VỀ TÍNH CÔNG TÁC:
 - Độ sụt của bê tông s_n=10±2cm
 - Bê tông đáy bể, thành bể sử dụng bê tông thương phẩm (nếu có trạm trộn), bê tông đầm cốt sử dụng bê tông đổ bằng thủ công.
- III. YÊU CẦU VỀ CỐT THÉP
- 1- YÊU CẦU VỀ CƯỜNG ĐỘ:
 - + Cốt thép D<10, R_a=R_s=2100kg/cm². Dùng thép tròn trơn
 - + Cốt thép D>=10, R_a=R_s=2800kg/cm². Dùng thép, dùng thép gân
- 2- YÊU CẦU NỐI THÉP:
 - + Nối thép bằng cách buộc hoặc hàn.
 - + Nếu bằng phương pháp hàn l_n=10d, nếu bằng phương pháp buộc l_n=30d
 - + Tại một tiết diện không được nối quá 50% tiết diện thép
 - + Không cho phép nối tại vị trí ứng suất lớn
- IV. YÊU CẦU VỀ THI CÔNG
- 1- YÊU CẦU CHUNG:
 - + Khi thi công phải tuân thủ theo tiêu chuẩn:
 - TCVN 5841 - 1991: Bê tông BTCT-quy phạm thi công và nghiệm thu.
 - TCVN 4453: 1995 kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - quy phạm thi công và nghiệm thu.
 - + Khi thi công phần xây dựng phải kết hợp giữa bản vẽ xây dựng với bản vẽ công nghệ, điện để đặt ống chờ, các thiết bị khác.
- V. YÊU CẦU NGHIỆM THU BÀN GIAO
- BẾ PHẢI THỬ TẢI TRƯỚC KHI NGHIỆM THU BÀN GIAO

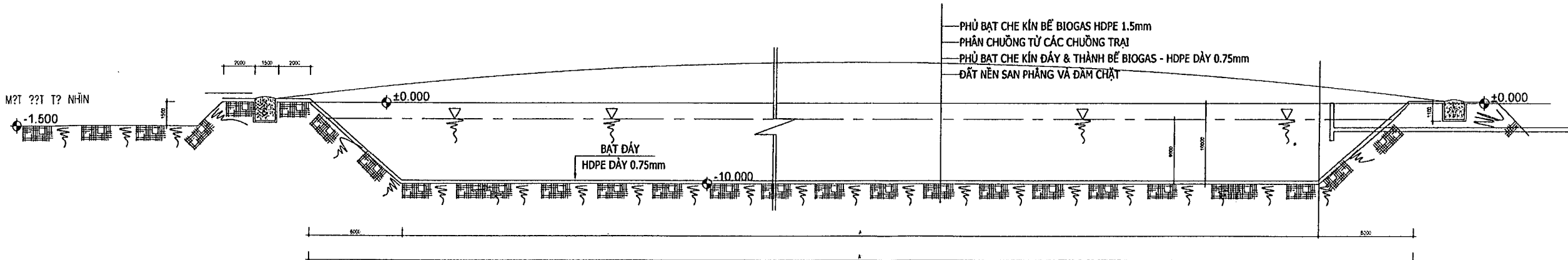
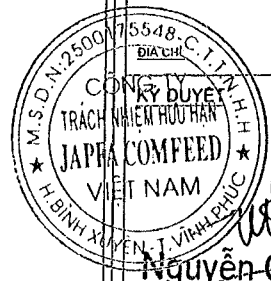
DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH	CHỦ ĐẦU TƯ	GIÁM ĐỐC	NHÀ THẦU THI CÔNG	THỰC HIỆN	TÊN BẢN VẼ	CHỈNH SỬA		MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH
						LẦN	NỘI DUNG	
HẠNG MỤC: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TRANG TRẠI NUÔI HEO CÔNG SUẤT 250M ³ /NGÀY.ĐÊM	CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM			CHỦ TRÌ: KS. NGUYỄN VĂN TÚI	MẶT CẮT KẾT CẤU			☐ THIẾT KẾ SƠ BỘ
				THIẾT KẾ: KS. NGUYỄN TƯỜNG DUY				☐ THIẾT KẾ KỸ THUẬT
				KIỂM: KS. NGUYỄN ĐỨC NGHỊ				☐ THIẾT KẾ THI CÔNG
					TỈ LỆ: KHÔNG	SỐ BV: 15	NGÀY: 24.11.18	☒ HOÀN CÔNG



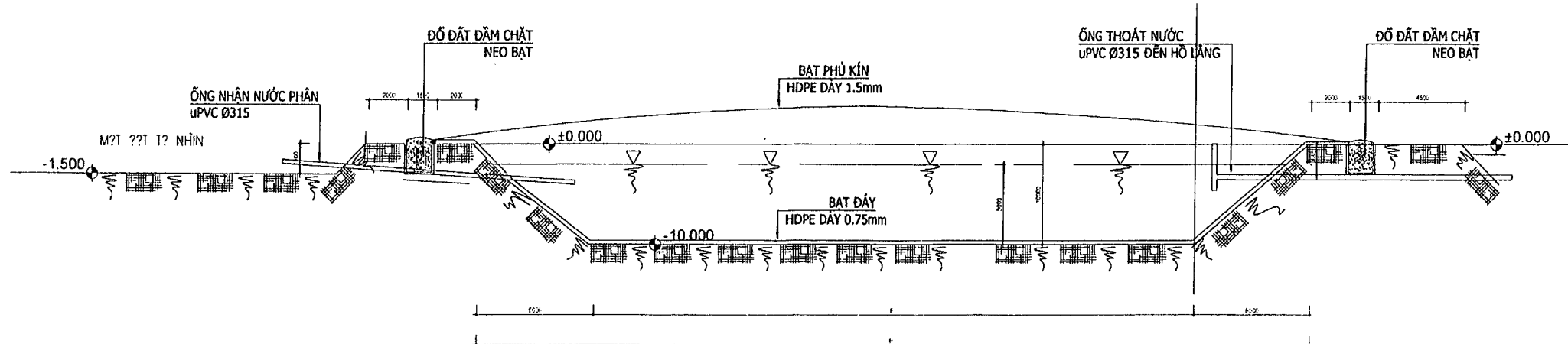
34000



31



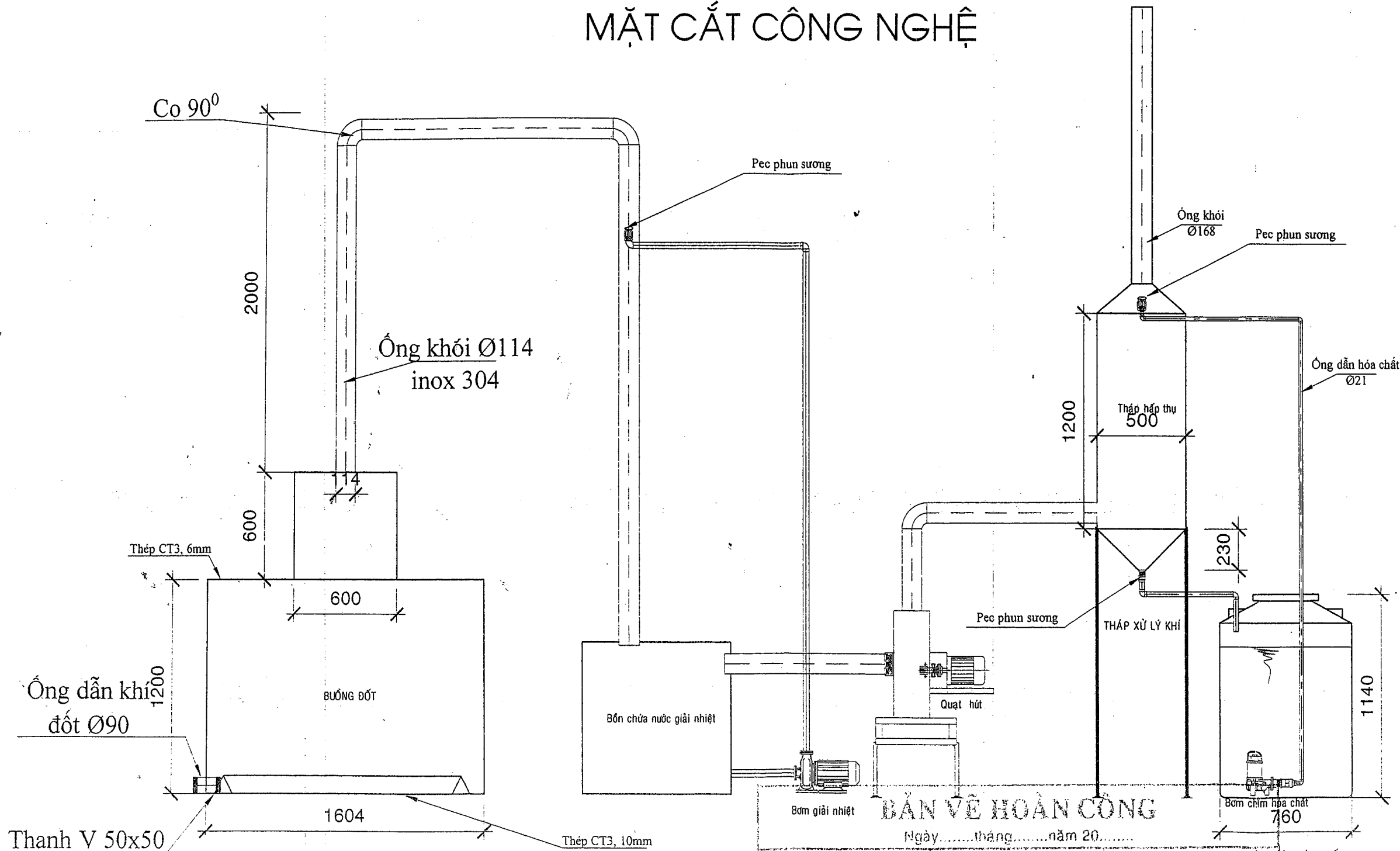
MẶT CẮT A-A TL 1/50



MẶT CẮT B-B

NGÀY HOÀN THÀNH			
HIỆU DÍNH			
LÀM	NGÀY	THIẾT KẾ	DUYỆT
TÊN CÔNG TRÌNH			
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG			
CHỦ ĐẦU TƯ			
ĐƠN VỊ VẬN HÀNH TRẠI			
 CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VIỆT NAM			
ĐỊA CHỈ			
THỊ TRẤN HƯƠNG CĂN, HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VINH PHÚC			
Web: www.japfavietnam.com Tel: 02113.866.170 Fax: 02113.866.182			
BỘ PHẬN PHÁT TRIỂN TRẠI			
BỘ PHẬN SẢN XUẤT			
BỘ PHẬN KỸ THUẬT			
HẠNG MỤC			
HỒ BIOGAS			
TÊN BẢN VẼ			
MẶT BẰNG MẶT CẮT ĐIỂN HÌNH			
TỶ LỆ: 1/300		JFP-A-BIO-01	

LÒ ĐỐT XÁC HEO CÔNG SUẤT BUỒNG ĐỐT 3M³
MẶT CẮT CÔNG NGHỆ



BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm 20.....

NGƯỜI LẬP (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH (Ghi rõ họ tên, chữ ký)	TƯ VẤN GIÁM SÁT TRƯỞNG (Ghi rõ họ tên, chức vụ, chữ ký)
---	--	--

CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT SACOTEC

Le Nguyen Kim Tham

Vo Hong Nam

GHI CHÚ/NOTES	
PHÁT HÀNH/ISSUE FOR	
☐	ĐỀ TRÌNH/SUBMIT
☐	ĐÁNH GIÁ/EVALUATION
☐	THỰC HIỆN/EXECUTION
☐	BẢO GIÁ/QUOTATION
☒	HOÀN CÔNG/AS-BUILT
CHỦ ĐẦU TƯ/OWNER:	
CÔNG TY TNHH JAPFA COMFEED VN	
NHÀ THẦU/CONTRACTOR:	
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT SACOTEC	
ĐỊA CHỈ: 490/12/4 Đường Hà Huy Giáp, Phường Thanh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh Email: tan.hoang.sacotec@gmail.com Web: sacotec.vn	
DUYỆT/APPROVE	
HOÀNG HỮU MINH TÂN	
KIỂM TRA/CHECK	
LÊ NGUYỄN KIM THẨM	
VẼ/DRAW	
LÊ NGUYỄN KIM THẨM	
DỰ ÁN/PROJECT	
LÒ ĐỐT XÁC HEO CÔNG SUẤT BUỒNG ĐỐT 3 M ³	
LOCATION: Xã Lộc Thịnh, Huyện Lộc Ninh, Tỉnh Bình Phước	
TÊN/TITLE	
TỶ LỆ/SCALE	
SỐ/DRAWING No	
NGÀY/DATE	